

TUẦN 1**Tiếng Việt**
Đọc: ĐIỀU KÌ DIỆU**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Điều kì diệu*
- Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói có bài thơ: Mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng khi hòa chung trong một tập thể thì lại rất hòa quyện thống nhất.
- Biết khám phá và trân trọng vẻ riêng của những người xung quanh, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về vẻ riêng của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu trò chơi, cách chơi, hướng dẫn HS tổ chức chơi theo nhóm. - Trò chơi: Đoán tên bạn bè qua giọng nói. - Cách chơi: Chơi theo nhóm 6 học sinh. Cả nhóm oẳn tù tì hoặc rút thăm để lần lượt chọn ra người chơi. Người chơi sẽ được bịt mắt, sau đó nghe từng thành viên còn lại nói 1 - 2 tiếng để đoán tên người nói. Người chơi giỏi nhất là người đoán nhanh và đúng tên của tất cả các thành viên trong nhóm. - Vì sao các em có thể nhận ra bạn qua giọng nói? (Đó là vì mỗi bạn có một giọng nói khác nhau, không ai giống ai. Giọng nói là một trong những đặc điểm tạo nên vẻ riêng của mỗi người.) - Chiếu tranh minh họa cho học sinh quan sát. - GV hỏi. + Tranh vẽ cảnh gì? (Tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang ngân nga hát. Các bạn không hề giống nhau: bạn cao, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của của nhóm trưởng. - HS trả lời. - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

bạn thấp, bạn gầy, bạn béo, bạn tóc ngắn, bạn tóc dài,...) - Giới thiệu chủ đề: <i>Mỗi người một vẻ.</i> - Dẫn dắt vào bài thơ <i>Điều kì diệu.</i>	- HS lắng nghe. - HS ghi vở.
2. Khám phá	
2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản - GV đọc mẫu lần 1. - GV yêu cầu HS chia đoạn và chót đáp án. - Đọc mẫu. - Chia đoạn: 5 đoạn tương ứng với 5 khổ thơ. - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - Đọc nối tiếp đoạn. - GV hướng dẫn HS phát hiện và luyện đọc từ khó. - Luyện đọc từ khó: <i>lạ, liệu, lung linh, vang lừng, nào,...</i> - Luyện ngắt nhịp thơ: Bạn có thấy/ lạ không/ Mỗi đứa mình/ một khác/ Cùng ngân nga/ câu hát/ Chẳng giọng nào/ giống nhau.// - Luyện đọc theo nhóm 5 (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 5 (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - GV gọi 2 nhóm đọc trước lớp. - Đọc nhóm trước lớp. - Đọc toàn bài.	- HS lắng nghe. - HS chia đoạn. - 5 HS đọc nối tiếp. - HS phát hiện và luyện đọc từ khó. - HS luyện đọc ngắt nhịp thơ đúng. - HS luyện đọc theo nhóm 5, lắng nghe bạn đọc và sửa lỗi cho nhau. - HS đọc toàn bài. - 2 nhóm đọc, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét. - 1 HS đọc toàn bài.
2.2 Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. - Câu 1: Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra “mỗi đứa mình một khác”? (Đó là những chi tiết: “Chẳng giọng nào giống nhau, có bạn thích đứng đầu, có bạn hay giận dỗi, có bạn thích thay đổi, có bạn nhiều ước mơ”.) - Câu 2: Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó? (Bạn nhỏ lo lắng: “Nếu khác nhau nhiều như thế liệu các bạn ấy có cách xa nhau”: không	- HS trả lời lần lượt các câu hỏi. - HS bổ sung ý kiến cho nhau. - HS thảo luận nhóm 2 để trả lời

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thuộc lòng cá nhân. - Đọc thuộc lòng theo nhóm 2. + Yêu cầu HS đọc thuộc lòng theo nhóm 2. - Đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. (chiếu slide xóa dần chữ) + Tổ chức cho HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. - 2, 3 HS đọc thuộc lòng trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo cặp: + Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ từng khổ thơ. + Câu thơ, khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại. - Làm việc chung cả lớp: Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc. - HS khác lắng nghe, nhận xét bạn đọc bài. - HS lắng nghe.
4. Vận dụng	
<p>Hãy chia sẻ những đặc điểm riêng của những người thân trong gia đình (vẽ khác hoặc nổi bật so với các thành viên còn lại trong gia đình), những đặc điểm tích cực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - VD: Bố rất cao, mẹ rất vui tính, anh trai nói rất nhanh,... - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện dưới nhiều hình thức: vẽ tranh, thuyết trình. - HS chia sẻ. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: DANH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Biết danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
<div>1. Khởi động</div> <div><div>- GV nêu trò chơi, cách chơi và hướng dẫn HS tổ chức chơi.</div><div>- Trò chơi <i>Truyền điện</i>:</div><div>+ Tìm từ chỉ người.</div><div>+ Tìm từ chỉ đồ vật.</div><div>- Cách chơi:</div><div>+ 1 HS quản trò điều khiển trò chơi.</div><div>+ HS nêu đúng từ theo yêu cầu sẽ được xì điện người tiếp theo nêu.</div><div>- GV nhận xét, khen ngợi HS.</div><div>- GV dẫn dắt vào bài mới.</div><div>- GV ghi bảng</div><div>- Dẫn dắt vào bài mới: <i>Danh từ</i>.</div></div>	<div><div>- HS lắng nghe yêu cầu và chơi trò chơi dưới sự điều khiển của bạn quản trò.</div><div>- HS lắng nghe.</div><div>- HS lắng nghe.</div><div>- HS ghi vở.</div></div>								
<div>2. Khám phá</div> <div>2.1. Hoạt động 1</div> <div><i>Bài 1: Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp</i></div> <div><div>- GV mời HS đọc yêu cầu bài 1.</div><div>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn và các từ ngữ được in đậm, chọn từ ngữ thích hợp với các nhóm đã cho.</div></div> <div><div><div><div>Từ chỉ người</div><div>Từ chỉ vật</div><div>Từ chỉ hiện tượng tự nhiên</div><div>Từ chỉ thời gian</div></div><table><tr><td>Từ chỉ người</td><td>Từ chỉ vật</td><td>Từ chỉ hiện tượng tự nhiên</td><td>Từ chỉ thời gian</td></tr><tr><td>học sinh, bố, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn bè</td><td>lá, bàn, ghế</td><td>nắng, gió</td><td>hè, thu, hôm nay, năm học</td></tr></table></div><div><div>- Giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm 2.</div><div>- GV cho HS chữa bài.</div><div>- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.</div></div></div>	Từ chỉ người	Từ chỉ vật	Từ chỉ hiện tượng tự nhiên	Từ chỉ thời gian	học sinh, bố, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn bè	lá, bàn, ghế	nắng, gió	hè, thu, hôm nay, năm học	<div><div>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1</div><div>- HS lắng nghe.</div><div>- HS làm việc theo nhóm 2.</div><div>- Đại diện 2 nhóm trình bày.</div><div>- Các nhóm nhận xét, bổ sung.</div><div>- HS chữa bài theo đáp án.</div></div>
Từ chỉ người	Từ chỉ vật	Từ chỉ hiện tượng tự nhiên	Từ chỉ thời gian						
học sinh, bố, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn bè	lá, bàn, ghế	nắng, gió	hè, thu, hôm nay, năm học						
<div>2.2. Hoạt động 2</div>									

Bài 2. Trò chơi “Đường đua kì thú”.

- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.
- GV yêu cầu HS nêu cách chơi.



- GV cho HS chơi trong nhóm 4.
- GV quan sát, trợ giúp các nhóm.
- GV tổ chức cho HS chơi trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương HS.
- GV chốt kiến thức.
- Chốt kiến thức: Các từ ở bài tập 1 và các từ tìm được ở bài tập 2 được gọi là danh từ.
- GV nêu câu hỏi.
- + Thế nào là danh từ?
- GV chốt.
- GV gọi 1 - 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ.
- Ghi nhớ: Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- GV nói thêm.
- Ở lớp 2 và lớp 3, các em đã được học từ ngữ chỉ sự vật. Tiết học này, các em bước đầu nhận biết thế nào là danh từ. Các em sẽ còn được tìm hiểu và luyện tập về danh từ ở nhiều tiết học khác.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- 1 HS đọc cách chơi trong SGK.

- HS chơi trong nhóm 4.
- HS chơi trước lớp.
- HS lắng nghe.
- HS trả lời theo hiểu biết.

- 3HS đọc lại ghi nhớ.
- HS lắng nghe.

3. Luyện tập

<p>3.1. Hoạt động 3 Bài 3. Tìm danh từ chỉ người, vật trong lớp của em.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Trước tiên, HS làm việc cá nhân trong 2 phút: quan sát lớp học và liệt kê các danh từ chỉ người, vật mà các em nhìn thấy. - Sau đó làm việc theo nhóm 4 trong 2 phút để tổng hợp kết quả của cả nhóm. - GV mời HS trình bày kết quả. - Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Danh từ chỉ người: cô giáo, bạn nam, bạn nữ,... + Danh từ chỉ vật: bàn, ghế, bảng, sách, vở,... - GV yêu cầu HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS làm việc cá nhân và tiến hành thảo luận đưa ra những danh từ chỉ người, vật trong lớp. - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, chữa bài theo đáp án đúng.
<p>3.2. Hoạt động 4 Bài tập 4: Đặt 3 câu, mỗi câu chứa 1-2 danh từ tìm được ở bài tập 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV hướng dẫn HS làm bài vào vở. - Làm việc cá nhân: viết vào vở 3 câu chứa 1-2 danh từ ở bài tập 3. - Lưu ý về cách diễn đạt, dùng từ, viết câu văn cho hay và trình bày đúng chính tả (đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm câu). - Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp em có 13 bạn nữ và 17 bạn nam. + Trong hộp bút của em có đầy đủ bút mực, bút chì, thước kẻ, tẩy. - GV yêu cầu HS đổi vở chữa bài cho nhau. - GV nhận xét, khen ngợi HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4. - HS làm bài vào vở. - HS nhận xét, chữa bài cho bạn. - HS đổi vở chữa bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu, tổ chức cho HS thi tìm từ, đặt câu. - Thi tìm 1 danh từ và đặt câu với danh từ đó. - GV nhận xét, tuyên dương HS. - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Tìm được ý cho đoạn văn nêu ý kiến
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: GV cho HS đọc 2 đề trong SGK và yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã học hoặc đã nghe. Đề 2: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.	- 2-3 HS đọc và lựa chọn đề theo sự lựa chọn của mình
2. Luyện tập, thực hành a. Chuẩn bị - GV mời 1 HS đọc các đề bài. Cả lớp cùng đọc thầm theo. - GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài. - HS đọc các yêu cầu chuẩn bị trong SHS. - GV yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận nhóm chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm. - GV gợi ý cho HS để từng HS trình bày các ý kiến của mình trong nhóm. GV lưu ý HS nêu lí do yêu thích một câu chuyện thật rõ ràng, thuyết phục vì đây là trọng tâm của đề bài.	- HS đọc đề bài. - HS lắng nghe - HS đọc - HS thảo luận - HS trình bày ý kiến cá nhân.
b. Tìm ý. - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý trong SHS theo từng phần của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc). - HS dựa vào các câu trả lời đã nêu ở	- HS lắng nghe. - HS thực hiện

<p>phần Chuẩn bị, tìm ý cho bài làm của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết vào vở hoặc giấy nháp các ý đã tìm được. - GV nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc tìm ý. <p>c. Góp ý và chỉnh sửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đôi vở với bạn trong nhóm, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS. - GV yêu cầu HS nhận xét. - Chỉnh sửa ý theo góp ý. - GV nhận xét <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS viết, vẽ, ... lên một tấm bìa cứng để giới thiệu bản thân mình một cách thật sáng tạo (giống như thiết kế một poster). VD: Sử dụng các từ ngữ độc đáo, ẩn tượng để mô tả bản thân, trang trí bằng các hình vẽ, biểu tượng,... thật đẹp, sử dụng các khung hình hoặc ô chữ để giúp bài giới thiệu trông hấp dẫn hơn, ... - GV lưu ý HS chú ý quy tắc viết hoa khi sử dụng các danh từ riêng trong phần giới thiệu. Sau khi làm xong tấm bìa giới thiệu về bản thân, HS có thể chia sẻ và xin góp ý của người thân. - GV nhắc lại các nội dung HS đã được học: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc và tìm hiểu văn bản <i>Anh em sinh đôi</i>. + Tìm hiểu và luyện tập về danh từ chung, danh từ riêng. + Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến. - GV dặn HS về nhà đọc trước bài 4. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở hoặc nháp. - HS lắng nghe. - HS đôi vở hoặc nháp trong nhóm. - HS góp ý. Nhận xét - HS chỉnh sửa. - HS lắng nghe - HS lắng nghe HD - HS lắng nghe và chia sẻ. - HS lắng nghe.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Biết các đặc điểm của đoạn văn về nội dung và hình thức.
- Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên dạy - học	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu trò chơi, cách chơi, tổ chức cho HS chơi. - Trò chơi “Vua Tiếng Việt”. - Cách chơi: GV chiếu gợi ý về từ. HS nêu từ và xác định xem đó có phải là danh từ hay không. - GV nhận xét, khen ngợi HS. - GV dẫn dắt vào bài mới. - Dẫn dắt vào bài mới: Tìm hiểu đoạn văn và câu chủ đề. - GV ghi bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS ghi vở.
2. Khám phá	
2.1. Hoạt động 1 Bài 1: Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu. <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu và 2 HS đọc 2 đoạn văn. a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn. b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì? c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn. - GV hướng dẫn cách thực hiện. <p>HS làm việc cá nhân, tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi theo cặp để đối chiếu kết quả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - Cả lớp lắng nghe bạn đọc và đọc thầm theo bạn. - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để trả lời từng ý, sau đó trao đổi theo cặp. - 2 nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<table><tr><th>Hình thức trình bày của các đoạn văn</th><th>Ý chính của từng đoạn</th><th>Câu nêu ý chính của từng đoạn và vị trí của câu đó trong đoạn</th></tr><tr><td><ul style="list-style-type: none">+ Câu đầu tiên của đoạn được viết lùi đầu dòng.+ Các câu tiếp theo được viết lún tục không xuống dòng.</td><td><ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Mọi người chuẩn bị cho cuộc khảo cổ.+ Đoạn 2: Những loại vật chôn cất được tìm thấy.</td><td><ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Câu đầu tiên "Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khảo cổ".+ Đoạn 2: Câu cuối cùng "Tất cả đều lo đặt trư sủa họ để giữ gìn họ là".</td></tr></table>	Hình thức trình bày của các đoạn văn	Ý chính của từng đoạn	Câu nêu ý chính của từng đoạn và vị trí của câu đó trong đoạn	<ul style="list-style-type: none">+ Câu đầu tiên của đoạn được viết lùi đầu dòng.+ Các câu tiếp theo được viết lún tục không xuống dòng.	<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Mọi người chuẩn bị cho cuộc khảo cổ.+ Đoạn 2: Những loại vật chôn cất được tìm thấy.	<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Câu đầu tiên "Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khảo cổ".+ Đoạn 2: Câu cuối cùng "Tất cả đều lo đặt trư sủa họ để giữ gìn họ là".	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.
Hình thức trình bày của các đoạn văn	Ý chính của từng đoạn	Câu nêu ý chính của từng đoạn và vị trí của câu đó trong đoạn					
<ul style="list-style-type: none">+ Câu đầu tiên của đoạn được viết lùi đầu dòng.+ Các câu tiếp theo được viết lún tục không xuống dòng.	<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Mọi người chuẩn bị cho cuộc khảo cổ.+ Đoạn 2: Những loại vật chôn cất được tìm thấy.	<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Câu đầu tiên "Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khảo cổ".+ Đoạn 2: Câu cuối cùng "Tất cả đều lo đặt trư sủa họ để giữ gìn họ là".					
<ul style="list-style-type: none">- GV mời một số HS trình bày. Mời cả lớp nhận xét nhận xét.- GV nhận xét chung và chốt nội dung.- Qua bài tập 1 các em đã được làm quen với các đặc điểm của một đoạn văn (về các hình thức lẫn nội dung) và câu chủ đề của đoạn. Các em sẽ được tìm hiểu về cách viết đoạn văn theo các chủ đề khác nhau trong các tiết học tiếp theo.- GV đặt câu hỏi gợi mở để HS nêu được nội dung ghi nhớ.- GV mời HS nêu ghi nhớ của bài.- Ghi nhớ:<ul style="list-style-type: none">+ Mỗi đoạn văn thường gồm một số câu được viết liên tục, không xuống dòng, trình bày một ý nhất định. Câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng.+ Câu chủ đề là câu Nêu ý chính của đoạn văn thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời.- GV chốt kiến thức.- 2 HS nêu ghi nhớ.						
3. Luyện tập							
3.1. Hoạt động 2 Bài 2. Chọn câu chủ đề cho từng đoạn văn và xác định vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn. <ul style="list-style-type: none">- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và 2 HS đọc 2 đoạn văn.- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm đôi.- GV mời các nhóm trình bày.- Đáp án:<ul style="list-style-type: none">a. Câu chủ đề “Mùa xuân đến chim bắt đầu xây tổ” là của đoạn 2. Vị trí đứng đầu đoạn.b. Câu chủ đề “Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc hối hả mang tết về trong khoảng khắc chiều Ba mươi.” là của đoạn 1. Vị trí của câu là đứng cuối đoạn.- GV mời các nhóm nhận xét.- GV chốt đáp án.- GV nhận xét, khen ngợi HS	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc.- Cả lớp theo dõi bạn đọc và đọc thầm theo bạn.- HS làm việc theo nhóm đôi.- 2 nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe.						
3.2. Hoạt động 3 Bài tập 3: Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2. <ul style="list-style-type: none">- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.- GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở.	<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.- HS làm bài vào vở.- HS chữa bài cho bạn.						

<ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ: Câu chủ đề đoạn 1, để ở đầu đoạn: “Cứ độ Tết về, mọi người trong nhà ai cũng tấp nập công việc”. - Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung câu chủ đề phải phù hợp với toàn đoạn. + Câu chủ đề đặt ở vị trí thích hợp. - GV chiếu một số bài, yêu cầu HS nhận xét, sửa sai cho bạn và chốt. - GV yêu cầu HS đổi vở chữa bài cho nhau. - GV nhận xét, khen ngợi HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đổi vở, chữa bài cho nhau. - HS lắng nghe.
4. Vận dụng	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi. - Hôm nay con đã được học kiến thức gì? (Tìm hiểu đoạn văn và câu chủ đề.) - Nêu đặc điểm của 1 đoạn văn và câu chủ đề. (Mỗi đoạn văn thường gồm một số câu được viết liên tục, không xuống dòng, trình bày một ý nhất định. Câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng”. + Câu chủ đề là câu Nêu ý chính của đoạn văn thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.) - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS tập xác định câu chủ đề của các đoạn văn đã học và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt ĐỌC: THI NHẠC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện ***Thi nhạc***.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời miêu tả từng tiết mục của mỗi nhân vật trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động,...
- Nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng của riêng mình.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức cách đánh giá của mình về bản thân và bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng bản thân và bạn bè.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ kể theo nhóm. GV khích lệ HS kể trong nhóm, có thể giải thích thêm câu hỏi của GV. - Kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ nhất mà em đã được xem hoặc tham gia. H: Vì sao em nhớ nhất tiết mục đó? - GV chốt. <p>Chốt: Nếu tham gia biểu diễn một tiết mục văn nghệ, muốn thành công và để lại ấn tượng trong lòng người xem, phải chăm chỉ tập luyện, phát huy thế mạnh của bản thân. Khi biểu diễn, cần cố gắng thể hiện hết khả năng của mình,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1,2 HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. H: Bài học có mấy tranh minh hoạ? Đoán xem các con vật trong tranh đang làm gì? (Có 4 tranh. Các con vật trong tranh đang trình diễn những tiết mục âm nhạc). - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm 2. - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày tmóc lớp. - HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng. - HS (2 ,3 em) lần lượt kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ nhất trước lớp. - HS lắng nghe. - HS trả lời. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại đầu bài; ghi vở.

<p>- Gv ghi bảng. Giới thiệu: Câu chuyện kể về một cuộc thi âm nhạc của các con vật. Giờ học hôm nay chúng ta cùng học bài “Thi nhạc” để biết câu chuyện kể điều gì về mỗi con vật được vẽ trong tranh.</p>	
<p>2. Khám phá</p>	
<p>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Đọc mẫu: - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.</p>	<p>- Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi gọi nhận xét và bổ sung nếu thiếu. Chia đoạn: - Bài văn chia thành mấy đoạn? (5 đoạn) + Đoạn 1: từ đầu đến cúi xuống ghi điểm. + Đoạn 2: tiếp theo cho đến cục-cục + Đoạn 3: tiếp theo cho đến nhòa đi. + Đoạn 4 tiếp theo cho đến khoe sắc. + Đoạn 5: đoạn còn lại.</p>	<p>- HS trả lời, nhận xét.</p>
<p>- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó. Luyện đọc từ khó: <i>Lấp lánh, niềm mãn nguyện, réo rắt, vi-ô-lông, cla-ri-nét, xen-lô, ...</i> - GV yêu cầu HS giải nghĩa từ: Giải nghĩa từ: + Tiết tấu : là nhịp điệu của âm nhạc. + Vi-ô-lông, Cla-ri-nét, xen-lô: Tên các nhạc cụ - GV hướng dẫn luyện đọc câu. Luyện đọc câu: <i>Mặc áo măng tô trong suốt,/ đôi mắt nâu lấp lánh,/ đây vẻ tự tin,/ ve sầu biểu diễn bản nhạc “Mùa hè”.</i> Nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật gửi vào tiếng nhạc như: <i>réo rắt, say đắm, rạo rức, tung</i></p>	<p>- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - HS đọc chú giải. - HS đọc.</p>

<p><i>bừng, ...</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn đọc nhấn giọng. 	
<ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc nhóm - GV yêu cầu học sinh luyện đọc theo nhóm 5. - Đọc trước lớp - Đọc toàn bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc theo nhóm 5 - 2 nhóm đọc, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét. - 1 HS đọc toàn bài.
<p>Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. <p>Câu 1: Câu chuyện có những nhân vật nào những nhân vật đó có điểm gì giống nhau?</p> <p>(Câu 1: + Câu chuyện có năm nhân vật: thầy Vàng Anh, ve sầu, gà trống, dế và họa mi. Những nhân vật đó có điểm giống nhau là yêu âm nhạc, say mê chơi nhạc biểu diễn hết mình.</p> <p>+ Những con vật này đến có tiếng kêu đặc biệt./ Tiếng kêu của các con vật này đã được nhắc đến trong nhiều bài thơ, câu chuyện.</p> <p>Giảng: Tiếng ve kêu từng được nhà thơ, nhạc sĩ gọi là "dàn đồng ca mùa hạ"; tiếng gà trống là âm thanh quen thuộc của làng quê vào mỗi buổi sớm; chim họa mi được mệnh danh là "ca sĩ của núi rừng"; tiếng dế kêu ri rí trong đêm thanh tĩnh cũng đi vào những áng thơ văn được yêu thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật video ghi âm tiếng kêu của các con vật trong câu chuyện 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS quan sát.
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 câu 1(thời gian 2 phút). - Mời 1, 2 nhóm trình bày. <p>Câu 2: Giới thiệu về tiết mục của một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên bản nhạc và nhân vật biểu diễn. + Ngoại hình của nhân vật. + Những hình ảnh gợi ra từ các bản nhạc được trình diễn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo nhóm 2. - Đại diện nhóm trả lời. - HS nhận xét bổ sung.

<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Giới thiệu tiết mục</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: vợ của - Người hình (diễn mục): ác mộng tò trong suốt, đôi mắt rầu rầu lấp lánh, đầy vẻ sợ hãi. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: giai điệu tràn ngập âm thanh, tiếng vi-ô-lông rạo rạo, tiếng đàn-ô-nét trong sáng, tiếng sáo-lô-áp, giọng hát của phương độ rục, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông, hoa mướp vàng bên bờ giếng, những cánh ong rúc rúc... </td> </tr> <tr> <td>2</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: gà trống - Người hình (diễn mục): định đặc trước lên, kiểu hình ngừng hẳn với cái mũi đỏ chót. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc có tiết tấu nhanh, khỏe, đầy hứng khởi. - Từ-việc: "tò-vo-to-to-to...", niềm niềm nguyên khí thấy mặt trời lên rực rỡ, tiết tấu vui nhộn khi sử dụng bộ gõ: Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... </td> </tr> <tr> <td>3</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: đồ chơi - Người hình (diễn mục): trước ra khỏe khỏe và trong nhà trong chiếc áo nâu đen. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc gợi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng, tiếng gió xào xạc thổi từ từ là... </td> </tr> <tr> <td>4</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: hoa râm - Người hình (diễn mục): tà áo dài thanh tú, trắng tinh diệu dàng, uyển chuyển. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc vang lên nhẹ rất, say đắm, tiết tấu rạo rạo, lung linh, những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rục, những chiếc khăn vắt vắt ánh, hoa đào có lần khoe sắc... </td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.</p>	TT	Giới thiệu tiết mục	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: vợ của - Người hình (diễn mục): ác mộng tò trong suốt, đôi mắt rầu rầu lấp lánh, đầy vẻ sợ hãi. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: giai điệu tràn ngập âm thanh, tiếng vi-ô-lông rạo rạo, tiếng đàn-ô-nét trong sáng, tiếng sáo-lô-áp, giọng hát của phương độ rục, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông, hoa mướp vàng bên bờ giếng, những cánh ong rúc rúc... 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: gà trống - Người hình (diễn mục): định đặc trước lên, kiểu hình ngừng hẳn với cái mũi đỏ chót. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc có tiết tấu nhanh, khỏe, đầy hứng khởi. - Từ-việc: "tò-vo-to-to-to...", niềm niềm nguyên khí thấy mặt trời lên rực rỡ, tiết tấu vui nhộn khi sử dụng bộ gõ: Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: đồ chơi - Người hình (diễn mục): trước ra khỏe khỏe và trong nhà trong chiếc áo nâu đen. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc gợi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng, tiếng gió xào xạc thổi từ từ là... 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: hoa râm - Người hình (diễn mục): tà áo dài thanh tú, trắng tinh diệu dàng, uyển chuyển. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc vang lên nhẹ rất, say đắm, tiết tấu rạo rạo, lung linh, những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rục, những chiếc khăn vắt vắt ánh, hoa đào có lần khoe sắc... 	
TT	Giới thiệu tiết mục										
1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: vợ của - Người hình (diễn mục): ác mộng tò trong suốt, đôi mắt rầu rầu lấp lánh, đầy vẻ sợ hãi. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: giai điệu tràn ngập âm thanh, tiếng vi-ô-lông rạo rạo, tiếng đàn-ô-nét trong sáng, tiếng sáo-lô-áp, giọng hát của phương độ rục, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông, hoa mướp vàng bên bờ giếng, những cánh ong rúc rúc... 										
2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: gà trống - Người hình (diễn mục): định đặc trước lên, kiểu hình ngừng hẳn với cái mũi đỏ chót. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc có tiết tấu nhanh, khỏe, đầy hứng khởi. - Từ-việc: "tò-vo-to-to-to...", niềm niềm nguyên khí thấy mặt trời lên rực rỡ, tiết tấu vui nhộn khi sử dụng bộ gõ: Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... Cúc - cúc!... 										
3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: đồ chơi - Người hình (diễn mục): trước ra khỏe khỏe và trong nhà trong chiếc áo nâu đen. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc gợi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng, tiếng gió xào xạc thổi từ từ là... 										
4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: hoa râm - Người hình (diễn mục): tà áo dài thanh tú, trắng tinh diệu dàng, uyển chuyển. - Nhạc hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc vang lên nhẹ rất, say đắm, tiết tấu rạo rạo, lung linh, những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rục, những chiếc khăn vắt vắt ánh, hoa đào có lần khoe sắc... 										
<p>Câu 3: Vì sao thấy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn? Điều đó thể hiện qua chi tiết nào? (Vì các tiết mục biểu diễn của học trò đều hay và đặc biệt mỗi người đã tạo dựng cho mình một phong cách độc đáo, không ai giống ai.)</p> <p>- Tiết mục biểu diễn của các học trò đều làm thầy giáo vàng anh xúc động thể hiện qua những chi tiết” Thầy giáo xúc động cúi xuống ghi điểm.....”. Khi các học trò biểu diễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS nhận xét bổ sung. 										
<p>Câu 4: Tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện?</p> <p>A. Nhiều loài vật có tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót hay.</p> <p>B. Thế giới của các loài vật muôn màu muôn vẻ.</p> <p>C. Mỗi người hãy tạo cho mình một nét đẹp riêng.</p> <p>D. Muốn hát hay. Đàn giỏi thì phải tập luyện chăm chỉ.</p> <p>Chốt: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng riêng của mình. Tạo được nét riêng là ghi được dấu ấn, tên tuổi của mình trong lòng mọi người. Tạo được nét riêng của mỗi người trong một tập thể sẽ làm cho tập thể có thế mạnh.</p> <p><i>H: Qua phần tìm hiểu, hãy nêu nội dung bài?</i></p> <p>Nội dung: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng của riêng mình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và thực hiện. - HS trả lời. - HS nhận xét. <p>- HS lắng nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học. 										

<p>Hoạt động 3: Luyện đọc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Hướng dẫn: nhấn giọng ở hững từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc thê rhienej tâm trạng, cảm xúc của nhân vật - Đọc nối tiếp - Mời một số học sinh đọc nối tiếp. - Mời HS luyện đọc theo nhóm - Mời 1 nhóm đọc - Đọc trước lớp - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu <p>4 HS đọc nối tiếp 4 câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời học sinh làm việc nhóm 4. <p>Bài 1: Tìm danh từ trong các câu dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sau ve sầu, gà trống đứng đặc bước lên, kiêu hãnh ngừng đầu với cái mũ đỏ chói. Dế bước ra khỏe khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng. Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển. <p>Đáp án:</p> <ol style="list-style-type: none"> ve sầu, gà trống, đầu, (cái) mũ. dế, (chiếc) áo. Tà áo dài, họa mi <p>? Danh từ là gì? danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian, ...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - 4 HS đọc. - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS trả lời.
<p>Bài 2: Đặt 1-2 câu về nhân vật yêu thích trong bài đọc thi nhạc. Chỉ ra danh từ trong câu em đặt.</p> <p>? Bài có mấy yêu cầu?</p> <p><u>Đế Mèn</u> như một <u>người nghệ sĩ</u> tài ba.</p> <p><u>Ve sầu</u> đánh <u>bản nhạc</u> gọi <u>hè về</u>.</p> <p><u>Họa mi</u> khoe <u>giọng hát</u> véo von.</p> <p><u>Gà trống</u> với <u>thân hình</u> nở nang cất <u>tiếng gáy</u> vang cả <u>xóm</u>.</p> <p><u>Thầy vàng anh</u> là <u>người</u> tốt bụng và luôn yêu thương <u>học trò</u>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS trả lời. - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ.

<ul style="list-style-type: none"> - Tự tìm 1 danh từ và đặt câu với từ đó để nói về bạn bè trong lớp. - VD: Bạn Lan là học sinh chăm chỉ. - GV nhận xét giờ học. - Chuẩn bị bài sau. - Chuẩn bị tiết 6 	- HS lắng nghe.
---	-----------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Học sinh hiểu được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).
- Học sinh biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến của mình với tập thể

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu trò chơi, phổ biến cách chơi. - Tổ chức trò chơi: “Chuyện hoa” để khởi động bài học. - Cách chơi: Sau khi GV đọc câu hỏi và hô “Bắt đầu”, nhạc vang lên. HS bắt đầu chuyện bóng lăn lượt cho bạn bên cạnh theo đường đích dắc. Nhạc dừng, hoa ở vị trí HS nào học sinh đó phải nêu ý kiến của mình. HS trả lời xong lại tiếp tục chuyện hoa cho đến khi hết nhạc. 	- HS lắng nghe
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Sau khi đọc câu chuyện Thi nhạc, em thích hay không thích câu 	- HS tham gia chơi, thực hiện yêu cầu.

<p>chuyện này? Vì sao?</p> <p>+ Em rất thích câu chuyện <i>Thi nhạc</i>. Vì trong câu chuyện, những con vật quen thuộc như ve sầu, gà trống, dế mèn, chim hoạ mi,... đã hoá thành những nghệ sĩ tài năng. Tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót của chúng như vẽ ra trong tâm trí người nghe những cảnh vật có âm thanh, ánh sáng, sắc màu, hương vị,...</p> <p>+ Em vô cùng ấn tượng với câu chuyện <i>Thi nhạc</i>. Vì em thích nhân vật thầy giáo vàng anh. Thầy đã tạo ra một sân khấu đặc biệt để tất cả các học trò đều có cơ hội thể hiện tài năng riêng của mình. Việc làm và lời nói của thầy thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng đối với học trò.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân.</p>
<p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p> <p>- GV chốt, ghi tên bài lên bảng</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
<p>2. Khám phá:</p>	
<p>- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu và nội dung bài tập 1.</p> <p>Bài 1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>a. Người viết muốn nói gì qua đoạn văn trên? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Nêu những lý do yêu thích câu chuyện <i>Thi nhạc</i>.</p> <p>B. Thuật lại diễn biến của buổi thi nhạc.</p> <p>C. Tả hình dáng, điệu bộ của các nhân vật trong câu chuyện.</p> <p>b. Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?</p> <p>c. Những câu văn tiếp theo cho biết người viết yêu thích những điều gì ở câu chuyện?</p> <div data-bbox="225 1621 715 1756"> </div> <p>d. Câu kết thúc đoạn nói gì?</p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>a. Người viết muốn nói gì qua đoạn văn trên? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Nêu những lý do yêu thích câu chuyện <i>Thi nhạc</i>.</p> <p>B. Thuật lại diễn biến của buổi thi nhạc.</p> <p>C. Tả hình dáng, điệu bộ của các nhân vật</p>	<p>- HS đọc thầm đoạn văn.</p> <p>- HS lắng nghe và quan sát.</p> <p>- HS trả lời.</p>

<p>trong câu chuyện.</p> <p>Đáp án:</p> <p>A. Nêu những lý do yêu thích câu chuyện <i>Thi nhạc</i>.</p>	<p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>b. Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?</p> <p>- Xác định câu mở đầu đoạn văn?</p> <p><i>Câu chuyện Thi nhạc của nhà văn Nguyễn Phan Hách cuốn tôi vào một thế giới đầy thú vị.</i></p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>- Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?</p> <p>+ Người viết đã nêu ý kiến nhận xét của mình về câu chuyện <i>Thi nhạc</i></p> <p>+ Người viết khẳng định câu chuyện rất hay/rất thú vị/ rất cuốn hút/hấp dẫn đối với mình/...</p> <p>- GV cho HS trong lớp nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p>	<p>- HS suy nghĩ, trao đổi theo nhóm bàn.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày, mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>? Câu mở đầu đoạn văn có nhiệm vụ gì?</p> <p>Đáp án: <i>Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mình yêu thích</i></p> <p>- GV cho HS trong lớp nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 2-3 HS trả lời.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>c. Những câu văn tiếp theo cho biết người viết yêu thích những điều gì ở câu chuyện?</p> <p>Đáp án:</p> <p>(1) <i>Học trò là những con vật quen thuộc như ve sầu, gà trống, dế mèn, chim họa mi. Nhưng chúng đã hoá thành các nghệ sĩ có tài năng âm nhạc, biểu diễn những tiết mục rất hay, rất đặc sắc. Tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót của chúng gọi lên trong tâm trí người nghe những cảnh vật có âm thanh, ánh sáng, sắc màu, hương vị, ..</i></p> <p>(2) <i>Thầy giáo vàng anh cũng để lại ấn tượng khó quên. Thầy xúc động khi thấy các học trò của mình đã thành công trong</i></p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm 4, viết câu trả lời ra giấy nháp.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày, mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<i>học tập, đã biểu diễn những tiết mục xuất sắc. Việc làm và lời nói của thầy thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng đối với học trò.</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lí do người viết yêu thích câu chuyện Thi nhạc. - Chốt: Người viết khẳng định câu chuyện hay, có sức cuốn hút vì đã gọi ra một thế giới thú vị, ở đó có những học trò tài năng và người thầy tâm huyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
<p>? Trong đoạn văn, những câu tiếp theo có nhiệm vụ gì?</p> <p><i>Đáp án: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>d. Câu kết thúc đoạn nói gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định câu kết thúc đoạn văn. + <i>Câu chuyện đã kết thúc, nhưng các nhân vật đáng yêu ấy vẫn hiện mãi trong tâm trí tôi.</i> - Câu kết thúc đoạn ý nói gì? + <i>Người viết muốn nói câu chuyện luôn ở trong tâm trí mình./ Câu kết đoạn một lần nữa khẳng định ấn tượng của người viết về câu chuyện.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1-2 HS đọc, cả lớp gạch chân câu kết đoạn bằng bút chì vào SGK. - HS suy nghĩ trả lời. - HS nhận xét. - HS lắng nghe
<p>? Trong đoạn văn, câu kết thúc có nhiệm vụ gì?</p> <p><i>Đáp án: Tiếp tục khẳng định ý kiến đã nêu ở mở đầu đoạn.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét. - HS lắng nghe
<p>? Nêu cách viết đoạn văn nêu ý kiến</p> <p><i>Cách viết đoạn văn nêu ý kiến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Câu mở đầu: Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mình thích.</i> + <i>Các câu tiếp theo (triển khai): Nêu các lí do yêu thích câu chuyện.</i> + <i>Câu kết thúc: Tiếp tục khẳng định ý kiến đã nêu ở câu mở đầu đoạn.</i> - GV nhận xét, chốt đáp án. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét. - HS lắng nghe
3. Luyện tập:	
- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu và nội	- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.

<p>dung bài tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn và tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. - GV hướng dẫn HS làm việc. - GV mời HS làm việc theo nhóm 4 <p>Bài 2. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.</p> <p>a. Câu mở đầu có điểm nào giống với câu mở đầu của đoạn văn ở bài tập 1?</p> <p>+ <i>Điểm giống nhau của hai câu mở đầu của hai đoạn là đều nêu cảm nghĩ của người viết về câu chuyện (yêu thích câu chuyện được nói tới)</i></p> <p>b. Những lí do người viết yêu thích câu chuyện là gì?</p> <p>+ <i>Những lí do người viết yêu thích câu chuyện là:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Ban đầu: Thích xir sở thần tiên mà câu chuyện gợi ra.</i> • <i>Sau đó: Xúc động về tình cảm bà cháu được thể hiện qua các sự việc trong câu chuyện.</i> • <i>Cuối cùng: Thích cách kết thúc có hậu của câu chuyện.</i> <p>c. Đoạn văn trình bày theo các ý nào dưới đây.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Cách 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ. - Thân đoạn: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện. </div> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Cách 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ. - Thân đoạn: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện. - Kết đoạn: Tiếp tục khẳng định ý kiến nêu ở mở đoạn. </div> </div> <p>+ <i>Cách trình bày của đoạn văn thứ 2 là cách 1.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm đoạn văn và tự trả lời các câu hỏi. - HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm 4. - 2-3 nhóm trình bày. - HS nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>? Đoạn văn ở bài tập 1 trình bày theo cách nào dưới đây?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Cách 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ. - Thân đoạn: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện. </div> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Cách 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ. - Thân đoạn: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện. - Kết đoạn: Tiếp tục khẳng định ý kiến nêu ở mở đoạn. </div> </div> <p>+ <i>Đoạn văn ở bài tập 1 trình bày theo cách 2.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét. - HS lắng nghe
<p>? Có mấy cách viết đoạn văn nêu ý kiến? Đó là những cách nào?</p> <p><i>Đáp án: Có 2 cách viết đoạn văn nêu ý kiến:</i></p> <p>- <i>Cách 1:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét.

<ul style="list-style-type: none"> + <i>Mở đầu: Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mà mình yêu thích.</i> + <i>Triển khai: Nêu các lý do yêu thích câu chuyện.</i> - <i>Cách 2:</i> + <i>Mở đầu Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mà mình yêu thích.</i> + <i>Triển khai: Nêu các lý do yêu thích câu chuyện.</i> + <i>Kết thúc: Tiếp tục khẳng định ý kiến đã nêu ở mở đầu đoạn.</i> - GV mời các nhóm nhận xét. - GV tuyên dương các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc Ghi nhớ. <p>Ghi nhớ: <i>Khi viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu lý do.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> -2-3 HS đọc ghi nhớ. Cả lớp lắng nghe.
<p>4. Vận dụng:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. <p>Bài 3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách sắp xếp ý trong đoạn (mở đầu, triển khai,...) - Cách nêu lí do yêu thích câu chuyện - Cách thức trình bày đoạn văn <p>Đáp án:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn văn thường mở đầu bằng lời khẳng định sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện nêu rõ tên câu chuyện (nêu rõ tên câu chuyện và nếu có thể thì nêu cả tên tác giả) + Các câu tiếp theo đưa ra một hoặc nhiều lý do yêu thích của câu chuyện (yêu thích chi tiết, nhân vật, cách kết thúc,...) có thể kết hợp với những minh chứng cụ thể. + Đoạn văn có thể có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện. + Đoạn văn nên có những từ ngữ câu văn bộc lộ rõ Cảm xúc sự yêu thích của mình đối với câu chuyện. - GV nhận xét, chốt các ý HS cần nhớ khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS trao đổi trong nhóm theo hướng dẫn của GV. - Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến. - Các nhóm nhận xét. Nhóm trình bày lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe.

đọc hoặc đã nghe.	
? Tìm đọc 1 bài văn, bài thơ và nêu lý do vì sao mình thích. - GV giao nhiệm vụ. - Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe, thực hiện cá nhân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Nói và nghe: TÔI VÀ BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Học sinh biết nói trước nhóm, trước lớp về những đặc điểm nổi bật của mình và của bạn.

- Học sinh vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS hát tập thể. Hát tập thể bài “Bạn và tôi”. - GV dẫn dắt vào bài học. - Ghi tên bài lên bảng.	- Cả lớp hát. - HS lắng nghe. - HS ghi vở.
2. Luyện tập	
Hoạt động 1: Nói về bản thân - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu và nội dung Bài 1. 1. Nói về bản thân a. Giới thiệu bức chân dung tự họa (nếu có). b. Nêu đặc điểm nổi bật của bản thân (giải thích rõ từng đặc điểm hoặc đưa ví dụ minh họa).	- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.
? Khi giới thiệu về chân dung tự họa em sẽ giới thiệu điều gì? <i>Gợi ý: Khi giới thiệu chân dung tự họa, có thể giới thiệu các đặc điểm về ngoại hình như: khuôn mặt, mái tóc, đôi mắt, mũi,</i>	- HS lắng nghe. - HS trả lời. - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
a. Giới thiệu bức chân dung tự họa (nếu có). <i>Gợi ý: Đây là chân dung của em. Em có một mái tóc dài ngang hông đen óng ả. Mái tóc này em đã nuôi từ bé đến bây giờ. Em còn có một đôi mắt bồ câu to tròn, sáng long lanh. Mọi người thường</i>	- HS thực hiện theo yêu cầu GV. - 2-3 HS chiếu bức chân dung tự họa và giới thiệu.

<p><i>khen em có đôi mắt đẹp giống mẹ. Ngoài ra, lúc nào em cũng nở nụ cười thật tươi trên môi. Mẹ thường bảo khi mệt mỏi, nhìn thấy nụ cười của em là bao mệt nhọc đều tan biến hết.</i></p>	<p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>? Khi giới thiệu về bản thân, có thể nêu những đặc điểm nổi bật nào? <i>Gợi ý: Khi giới thiệu về bản thân, có thể nêu những đặc điểm nổi bật về: Ngoại hình, tính cách, sở thích, tài năng.</i></p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>b. Nêu đặc điểm nổi bật của bản thân (giải thích rõ từng đặc điểm hoặc đưa ví dụ minh họa). <i>Gợi ý:</i> - Ham học hỏi: say mê tìm hiểu mọi thứ xung quanh, thích đọc sách, khám phá khoa học,... - Có năng khiếu về âm nhạc: hát hay, đam mê nhảy múa, tích cực tham gia biểu diễn các tiết mục văn nghệ ở trường, lớp,... - Chơi thể thao giỏi: thích chơi bóng rổ, hằng ngày tập luyện rất chăm chỉ, đạt huy chương vàng Giải bóng rổ dành cho học sinh Tiểu học,...</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy 3 điểm nổi bật của mình và đọc trước lớp theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>- HS giới thiệu theo nhóm.</p> <p>- HS lên đứng trước lớp và tự giới thiệu về mình. Giới thiệu về một số điểm nổi bật của bản thân.</p> <p>- HS nhận xét bạn mình.</p> <p>- Cả lớp nhận xét, phát biểu, bổ sung thêm những ý mà bạn còn nêu thiếu.</p>
<p>- GV kết luận về cách giới thiệu bản thân. Chốt: Khi giới thiệu về bản thân, có thể giới thiệu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, tính cách, tài năng, sở thích,....</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>Hoạt động 2. Trao đổi - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2. - GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu. a. Nêu những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập. b. Nói điều em mong muốn ở bạn. <i>Gợi ý:</i> a. <i>Những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập: hăng hái phát biểu bài, tư duy nhanh, thường xuyên giúp đỡ bạn bè.</i> b. <i>Điều em mong muốn ở bạn: Bạn ơi,</i></p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4. Trao đổi và thực hiện yêu cầu.</p> <p>- HS chia sẻ về những điểm tốt của các bạn trong nhóm.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- Các nhóm nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

tớ rất mong bạn có thể dạy tớ học toán vì tớ có một số bài còn chưa hiểu lắm!	
- GV kết luận. Chốt: Cần học tập những điểm tốt của bạn để cùng nhau tiến bộ.	- HS lắng nghe.
3. Vận dụng	
- GV hướng dẫn HS thực hiện 2 nhiệm vụ trên ở nhà. 1. Giới thiệu với người thân về đặc điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý. 2. Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.	- HS quay video giới thiệu về người bạn mình yêu quý với người thân và ghi nhật ký đọc sách câu chuyện về người có năng khiếu nổi bật.
Dặn dò: Ôn bài 2, đọc trước bài 3.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 2

Tiếng Việt

Đọc: ANH EM SINH ĐÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Anh em sinh đôi*.
- Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian.
- Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

1. Mở đầu:

- GV nêu yêu cầu của trò chơi, đồng thời treo tranh lên bảng hoặc chiếu tranh lên màn hình và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Chơi trò chơi theo nhóm (*Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa 2 tranh*) hoặc đại diện nhóm lên chơi trước lớp

+ HS hoặc đội nào tìm được 5 điểm khác nhau nhanh hơn, HS hoặc đội đó sẽ chiến thắng.

- Khi HS nêu điểm khác nhau, GV khoanh tròn (hoặc chỉ vào) điểm đó trên tranh.



- GV gọi HS chia sẻ.

- GV tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, HS có thể thấy, dù có những sự vật, hiện tượng nhìn thoáng qua tưởng như rất giống nhau, ví dụ như các anh chị em sinh đôi, nhưng họ vẫn có những khác biệt nhất định về hình thức, tính cách,... GV có thể cho HS xem một số tranh ảnh về các cặp sinh đôi nổi tiếng (nếu có), và giới thiệu những sự khác biệt giữa họ (về cuộc sống, về lĩnh vực hoạt động,...)

- GV mời HS nêu nội dung tranh minh họa. Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Anh em sinh đôi*.

- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hình thành kiến thức:

a. Luyện đọc:

- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.

- GV HS đọc đúng các từ ngữ chứa

- HS lắng nghe

- HS chơi trò chơi.

- HS thực hiện theo yêu cầu.

- *Đáp án; (1) Bụi cây trước mặt cậu bé, (2) bụi cây sau thân cây lớn, (3) màu áo của cậu bé, (4) màu quyển sách, (5) chòm tóc của cậu bé.*



- HS chia sẻ

- HS đọc

tiếng để phát âm sai, chú ý cách ngắt giọng ở những câu dài.

- Bài chia làm mấy đoạn?

- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (*vấn vương, xếp khéo léo,...*)

- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.

- Hướng dẫn HS đọc:

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Hai anh em mặc đồng phục/ và đội mũ/ giống hệt nhau,/ bạn bè/ lại cổ cũ nhảm mắt thôi; Các bạn cuống quýt/ gọi Khánh thay thế/ khi thấy Long nhăn nhó vì đau/ trong trận kéo co.

- Cho HS luyện đọc theo cặp.

- Gv nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b. Tìm hiểu bài:

- GV hỏi:

Câu 1. Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp

Câu 2. Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?

- GV HD HS đọc lại đoạn đầu của VB, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.

- HS trao đổi theo cặp để TLCH.

- Bài chia làm 4 đoạn. Đoạn 1: từ đến đến chẳng bạn tâm đến chuyện đó; đoạn 2: tiếp theo đến nỗi gạch nhiên ngập tràn của Long; đoạn 3: tiếp theo đến để trêu các cậu đấy, đoạn 4: còn lại.

- HS đọc nối tiếp

- HS luyện đọc

- HS trả lời

+ *Đáp án: Long và Khánh được giới thiệu là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.*

- *Ví dụ:*

+ *Cảm xúc của Long khi thấy mình giống anh: Hồi nhỏ cảm thấy khoái chí, lớn lên không còn thấy thú vị nữa, khi chuẩn bị đi hội thao thì Long rất lo lắng.*

+ *Hành động của Long; Cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi,*

Câu 3. Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.

A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.

B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.

C. Vì Long muốn khẳng định vẻ riêng của mình.

- GV nêu câu hỏi, sau đó yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời.

- HS làm việc theo nhóm.

- GV yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến trước lớp.

- GV cho HS nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Câu 4. Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?

- GV nêu yêu cầu câu hỏi.

- GV gợi ý HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ trong câu chuyện để tìm ý trả lời cho câu hỏi.

- GV có thể đặt câu hỏi phụ:

? Các bạn đã nói những gì về sự khác nhau giữa Long và Khánh?

- GV cho HS trao đổi trong nhóm, theo cặp và thống nhất đáp án.

- GV cho HS trình bày trước lớp.

- GV cho HS nhận xét.

- GV nhận xét, góp ý hoạt động

Câu 5. Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.

- GV yêu cầu HS xác định đề bài

đến trang phục, kiểu tóc.

- HS nêu yêu cầu.

- HS thực hiện theo yêu cầu

- Đại diện HS trả lời.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS nêu yêu cầu.

- HS đọc đoạn hội thoại.

- HS lắng nghe.

- *Đáp án: Các bạn nói Long và Khánh mỗi người một vẻ, không hề giống nhau. Long chậm rãi, lúc ào cũng nghiêm túc; Khánh nhanh nhẩu, hay cười.*

- HS thảo luận nhóm để trả lời

- HS trình bày đáp án.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS xác định đề bài.

- GV HD HS tìm các chi tiết thể hiện hành động và lời nói của Long và Khánh, sau đó nhận xét về Long và Khánh qua các hành động và lời nói đó.

- HS trao đổi trong nhóm.

- GV cho HS nhận xét trong nhóm
- GV cho HS trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương

3. Luyện tập, thực hành:

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

? Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của anh em Long và Khánh?

- Nhận xét tiết học.
- Chuẩn bị bài sau: Công chúa và người dẫn chuyện.

- HS có thể kẻ bảng hoặc liệt kê chi tiết về hành động và lời nói của Khánh và Long.

	Long	Khánh
Hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng làm mọi thứ khác anh. - Hỏi bạn bè nguyên nhân các bạn không nhầm lẫn khi cô vũ mình và anh Khánh. - Phả lên cười khi nhận ra hai anh em chỉ giống nhau bề ngoài thôi, thực chất mỗi người một vẻ, không ai giống ai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không bận tâm đến việc hai anh em giống nhau. - Cười khi nghe các bạn nhận xét về mình và em Long.
Lời nói	- Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết.	- Đôi khi giống nhau cũng hay mà, chỉ cần không bị phạt nhầm là được.

- HS trao đổi, thảo luận nhóm về Khánh và Long.

- HS nhận xét
- HS trình bày trước lớp.
- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe
- HS thực hiện

- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- HS biết hai loại danh từ: chung và riêng.

- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng dựa trên dấu hiệu về ý nghĩa khái quát của chúng.
- Biết cách viết hoa danh từ riêng trong thực tế.
- * Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Danh từ là gì? Yêu cầu HS xác định danh từ trong câu sau: Lan là một học sinh chăm chỉ. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1: Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV mời 1 HS đọc câu lệnh, đọc các từ trong bông hoa và các từ trên giỏ (tên nhóm). - HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả. - 1 - 2 HS đọc tên nhóm và các từ ngữ thích hợp. - GV có thể viết lên bảng (hoặc làm các thẻ từ hình bông hoa và cho HS thả vào giỏ). - GV nhận xét, tuyên dương <p>Bài 2. Chơi trò chơi: Gửi thư.</p> <p><i>Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.</i></p> <p><i>G: Mỗi phong thư ghi nội dung hoặc cách viết của một nhóm từ trên hộp thư A hoặc B.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời. - HS xác định: Lan, học sinh - HS đọc - HS trả lời (<i>Xếp các từ vào nhóm thích hợp</i>). - HS đọc - HS trình bày. - Đáp án: + người: Chu Văn An, Trần Thị Lý + sông: Bạch Đằng, Cửu Long + thành phố: Hà Nội, Cần Thơ - HS lắng nghe. - HS đọc - HS lắng nghe

- GV mời HS đọc tên trò chơi, cách chơi và gợi ý.
- GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm hoặc 2 nhóm đại diện chơi trước lớp. Nếu chơi trong nhóm, HS có thể làm vào phiếu học tập, vở bài tập hoặc ghi ra vở, nháp của mình, sau đó đối chiếu đáp án để tìm ra người thắng (làm xong nhanh và đúng). Nếu 2 nhóm chơi trước lớp, GV chuẩn bị tranh hộp thư và các thẻ chữ hình phong thư để HS có thể thả các phong thư vào đúng hộp thư. Nhóm nào thả đúng và xong trước sẽ thắng. GV lưu ý HS chú ý nội dung và quan sát cách viết hoa/ viết thường của các từ trong bài tập 1 theo gợi ý.
- HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV. GV tổng kết trò chơi, mời 1 – 2 HS nêu lí do lựa chọn phong thư cho hộp thư.
- GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án của trò chơi.

Nhóm A (sông, người, thành phố)	<ul style="list-style-type: none"> - Viết thường - Gọi tên một loại sự vật
Nhóm B (Cửu Long, Chu Văn An, Hà Nội)	<ul style="list-style-type: none"> - Viết hoa - Gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt

- GV tổng kết: Các từ nhóm A được gọi là danh từ chung. Các từ nhóm B được gọi là danh từ riêng. GV mời 1 HS đọc to phần ghi nhớ về danh từ chung và danh từ riêng. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời thêm 1 – 2 HS xung phong nêu lại ghi nhớ mà không cần đọc trong sách. (Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật. Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa). GV lưu ý HS cách viết hoa danh từ riêng

- HS đọc

- HS thực hiện trò chơi theo dự hướng dẫn của GV.

(viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng tạo thành tên).

Bài 3. Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn.

- GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn văn và tìm các danh từ chung và riêng, sau đó nêu trong nhóm.

- Đại diện 2 - 3 nhóm nêu các danh từ chung và danh từ riêng mà nhóm đã tìm được. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV ghi các kết quả HS tìm được lên bảng theo hai nhóm (danh từ chung, danh từ riêng) hoặc mời 1 – 2 HS lên bảng ghi kết quả của các nhóm.

- GV cho HS nhận xét

- GV khen ngợi các HS đã tích cực làm bài tập.

Bài 4. Tìm danh từ theo mỗi nhóm.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: Tìm danh từ theo mỗi nhóm (với mỗi nhóm, có thể tìm hơn một danh từ), viết vào vở, giấy nháp, ... Sau đó trao đổi trong nhóm.

- Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.

- GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

- HS đọc

- HS lắng nghe theo sự HD của GV

- HS trình bày.

- Đáp án:

+ Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.

+ Danh từ riêng: Kim Đồng, Việt Nam, Nông Văn Dền, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

- Đáp án:

Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập	Thước, bút, cặp sách, sách, vở,...
Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn (lưu ý: có thể chỉ có tên hoặc cả họ cả tên)	Hạnh, Thủy, Thương,... Vũ Quang Anh, Nguyễn Hà Phương, Nguyễn Gia Hưng,...
Danh từ chung chỉ 1 nghề	Giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, y tá, công nhân, nông dân, ...
Danh từ riêng gọi tên 1 con	Thanh Niên, Kim

<p>- GV lưu ý HS khi viết các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí phải tuân theo quy tắc viết hoa. Nếu HS nêu các nước có tên phiên âm như Ác-hen-ti-na, Mê-xi-cô, U-ru-goay,... thì GV lưu ý HS quy tắc viết hoa tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>? Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào?</p> <p>? Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập?</p>	đường, con phố	Mã,...
	Danh từ chung chỉ 1 đồ dùng trong gia đình	Quạt, bát, đĩa, chảo, nồi, tủ lạnh, tủ, ...
	Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước	Mỹ, Pháp, Ba Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, ...
	<p>- 2-3 HS trả lời</p> <p>- HS thực hiện</p>	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Tìm được ý cho đoạn văn nêu ý kiến
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>GV cho HS đọc 2 đề trong SGK và yêu</p>	<p>- 2-3 HS đọc và lựa chọn đề theo sự</p>

nhóm, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.	
- GV yêu cầu HS nhận xét.	- HS góp ý. Nhận xét
- Chính sửa ý theo góp ý.	- HS chỉnh sửa.
- GV nhận xét	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS viết, vẽ, ... lên một tấm bìa cứng để giới thiệu bản thân mình một cách thật sáng tạo (giống như thiết kế một poster). VD: Sử dụng các từ ngữ độc đáo, ấn tượng để mô tả bản thân, trang trí bằng các hình vẽ, biểu tượng, ... thật đẹp, sử dụng các khung hình hoặc ô chữ để giúp bài giới thiệu trông hấp dẫn hơn, ...	- HS lắng nghe HD
- GV lưu ý HS chú ý quy tắc viết hoa khi sử dụng các danh từ riêng trong phần giới thiệu. Sau khi làm xong tấm bìa giới thiệu về bản thân, HS có thể chia sẻ và xin góp ý của người thân.	- HS lắng nghe và chia sẻ.
- GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:	- HS lắng nghe.
+ Đọc và tìm hiểu văn bản <i>Anh em sinh đôi</i> .	
+ Tìm hiểu và luyện tập về danh từ chung, danh từ riêng.	
+ Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.	
- GV dặn HS về nhà đọc trước bài 4.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Công chúa và người dẫn chuyện*
- Nhận biết được đặc điểm của từng nhân vật trong câu chuyện.
- Hiểu được suy nghĩ của nhân vật thông qua lời nói, hành động của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cũng như các loài hoa, mỗi người
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện có vẻ đẹp và giá trị riêng.
- * Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Anh em sinh đôi</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi phần cuối bài. - GV giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Làm việc theo nhóm. (Sắm vai một loài hoa, em hãy giới thiệu về mình với các bạn.) GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,...) + Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. - HS khác nêu ý kiến: <ul style="list-style-type: none"> + Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì? + Em thích loài hoa nào? Vì sao? - GV cho HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu ý kiến. VD: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu? - GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài đọc <i>Công chúa và người dẫn chuyện</i> (VD: Quan sát tranh, theo em, mẹ 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - HS thực hiện nhiệm vụ. - Đại diện HS trình bày - HSTL: - HSTL: Em thích hoa hồng/ vì nó thơm và đẹp. - HSTL: Tranh vẽ 2 bạn nhỏ đang ở vườn hoa. - HS lắng nghe.

và bạn nhỏ đang nói chuyện gì với nhau?
 Mẹ giải thích điều gì cho bạn? Hãy cùng
 đọc bài để biết được điều đó nhé... Hoặc từ
 phần Khởi động, GV nói: Mỗi loài hoa có
 một vẻ đẹp, hương thơm, lợi ích khác
 nhau, con người có giống như vậy không,
 chúng ta cùng tìm hiểu điều đó qua bài đọc
Công chúa và người dẫn chuyện)

2. Hình thành kiến thức:

a. Luyện đọc:

- Bài có thể chia làm mấy đoạn?
 - GV đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở
 những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc
 của nhân vật trong câu chuyện, VD: vui
 lắm, hào hứng, buồn lắm,... GV có thể mời
 2 HS đọc nối tiếp các đoạn hoặc mời 3 HS
 đọc 1 đoạn.

- GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát
 âm sai, (VD: *Giét-xi*, *ngư ông mộ*, *sân*
khấu, *xấu hổ*,...).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD:
 Sau bữa ăn trưa, cô giáo thông báo/ *Giét-xi*
được chọn đóng vai công chúa trong vở
kịch sắp tới.;...

+ Đọc phân biệt giọng điệu của các nhân
 vật trong câu chuyện.

- 3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp bài trước lớp.
 Có thể chia đoạn 3 thành 2 đoạn nhỏ: từ
Thấy Giét-xi buồn đến Giét-xi nói; từ *Mẹ*
mỉm cười đến hết).

- HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một
 đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài hoặc đọc
 trong nhóm 4, mỗi HS đọc một đoạn.

- HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài
 một lượt.

- GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu

- HS lắng nghe, theo dõi

- Bài chia làm 3 đoạn:

Đoạn 1: từ đầu đến *vui lắm*

Đoạn 2: tiếp theo đến *nhường vai*
chính cho bạn.

Đoạn 3: còn lại

- HS đọc nối tiếp

- HS làm việc theo cặp đôi

- HS lắng nghe.

hỏi nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với mỗi vai diễn được giao.*

- 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

- GV nêu cách thức thực hiện:

+ Làm việc nhóm: Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với từng vai diễn. (HS có thể ghi nhanh vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.)

+ Đại diện nhóm trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV và HS thống nhất câu trả lời.

VD:

Vai công chúa:

- *Cảm nhận được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giét-xi vui lắm.*

- *Về nhà, Giét-xi hào hứng kể cho mẹ nghe.*

-

Vai người dẫn chuyện:

- *Lời cô rất dịu dàng nhưng Giét-xi thấy buồn lắm.*

- *Sao không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!.*

Câu 2. *Vì sao Giét-xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?*

- GV nêu câu hỏi 2 hoặc gọi HS đọc câu 2.

- GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

- HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp (VD: Giét-xi buồn vì nghĩ rằng vai công chúa mới là vai

- HS đọc

- Đáp án:

Câu 1. Danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,...

- HS làm việc nhóm.

- HS nhận xét

- HS lắng nghe.

- HS nêu câu hỏi

Câu 2. HS viết vào vở 2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên.

chính, vai quan trọng/ được đóng vai công chúa các bạn mới ngưỡng mộ vì công chúa rất xinh đẹp, còn vai người dẫn chuyện là vai phụ, không quan trọng,...).

GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của cá nhân. Từng em đọc bài làm của mình trong nhóm. Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét.

Câu 3. *Theo em, mẹ rủ Giét-xi cùng nhỏ cỏ vườn để làm gì? Tìm câu trả lời đúng.*

- GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.

- GV hướng dẫn cả lớp nhận xét ý kiến nào đúng và cùng HS chốt đáp án.

Câu 4. *Đoán xem Giét-xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ.*

- HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.

(GV có thể gợi ý bằng câu hỏi: Trong vườn, mẹ và Giét-xi đã nói gì với nhau? Theo em, khi nghe mẹ nói, Giét-xi cảm thấy thế nào? ...)

- HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

- GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

- HS nhận xét, chốt đáp án

- HS thực hiện theo sự HD của GV.
(Đáp án C. *Mẹ muốn Giét-xi hiểu: Như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.*)

- HS lắng nghe

- HS nêu ý kiến.

Đáp án tham khảo: Giét-xi hiểu vai công chúa và người dẫn chuyện trong vở kịch đều quan trọng như nhau, mỗi vai có một vai trò riêng. Con người cũng như những loài hoa, mỗi người có một vẻ đẹp và giá trị riêng. (Người đóng vai công chúa thể hiện lời nói, hành động của công chúa. Còn người đóng vai người dẫn chuyện có vai trò thông báo thông tin về thời gian, không gian, địa điểm, thậm chí cả về hoàn cảnh sống của nhân vật, kể về những gì đã xảy ra trong quá khứ hoặc ở bên ngoài sân khấu mà khán giả không trực tiếp nhìn thấy,...).

<p>Câu 5. <i>Em học được điều gì từ câu chuyện trên?</i></p> <p>HS làm việc cá nhân, suy nghĩ nêu ý kiến trước lớp. (GV có thể cho HS nêu lí do vì sao em có ý kiến như vậy.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>4. Luyện đọc lại</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.</p> <p>- HS làm việc chung cả lớp (3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.</p> <p>- HS đọc theo nhóm bốn, phân vai đọc câu chuyện, góp ý trong nhóm.</p> <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- HS đọc yêu cầu trong SHS và hự thực hiện yêu cầu.</p> <p>- Sau thời gian làm bài, GV có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài làm của mình</p> <p>- GV cho HS nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>Giét-xi sẽ cảm thấy không buồn nữa...</p> <p>VD: Qua câu chuyện, em học được vai diễn nào cũng quan trọng và góp phần làm nên thành công cho vở kịch, vì mỗi vai có một vai trò riêng.; Em học được bài học phải ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý;...)</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS đọc nối tiếp</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- Đáp án;</p> <p>Câu 1. Danh từ chỉ người trong bài đọc <i>Công chúa và người dẫn chuyện là:</i> công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,...</p> <p>Câu 2. HS viết vào vở 2 -3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên. GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của cá nhân.</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

Tiếng Việt

Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe)

- Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: Đề bài: Viết đoạn văn nêu lý do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. a. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở Bài 3, viết đoạn văn nêu lý do yêu thích một câu chuyện đã học hoặc đã nghe. - GV cho HS đọc lại yêu cầu của đề bài, xác định yêu cầu trọng tâm. - GV cho HS suy nghĩ, chuẩn bị các ý kiến rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm. - GV mời 2 – 3 HS nêu ý kiến. Các em có thể có những cách diễn đạt khác nhau. - GV hướng dẫn HS đọc phần lưu ý trong SHS.	- HS đọc yêu cầu đề bài. - HS thảo luận theo nhóm - HS trình bày. - HS lắng nghe.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - GV hướng dẫn HS cách đọc soát bài viết theo những tiêu chí trong SHS.	

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học | <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện |
|--|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt TIẾT 4 ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức:

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về các thành tựu khoa học, công nghệ.
- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân

* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS hát và nhảy theo nhạc. - GV yêu cầu HS mang sách báo, tài liệu m đem đến ktra. 2. Luyện tập, thực hành: a. Đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật. <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong SHS. - GV nhắc HS tham khảo tác phẩm theo gợi ý trong SHS (ngoài ra, HS có thể kể thêm tên các tác phẩm khác mà 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo yêu cầu - HS lắng nghe. - HS thảo luận tìm hiểu.

các em yêu thích).

- HS nào tìm được câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật và có mang sách, truyện đến lớp thì tự đọc hoặc đọc trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc chung cùng với các bạn (hoặc GV cung cấp).

b. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

- HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

- GV mời HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

- HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.

- HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.

c. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.

- HS trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó có năng khiếu gì nổi bật? Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,...).

- HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...

3. Vận dụng, trải nghiệm

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.

- GV nhận xét kết quả học tập của HS.

- HS viết những điều m đọc vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Tên nhân vật: ●		
Năng khiếu nổi bật của nhân vật: ●		
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		

- HS trao đổi, chia sẻ.

- HS trao đổi nhóm.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện

Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS ôn Bài 4 và đọc trước Bài 5.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 3

Tiếng Việt

Đọc: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Thần lần xanh và tắc kè*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.
- Nhận biết được bối cảnh, diễn biến của các sự việc qua lời kể của tác giả câu chuyện. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Mỗi loài vật đều có những đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc điểm đó.
- Biết tôn trọng sự khác biệt của mỗi người, biết trân trọng môi trường sống; biết chia sẻ để hiểu hơn về bản thân mình và những người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu thương và bảo vệ các loại động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận nhóm đôi về thói quen, môi trường sống điển hình của lạc đà, chim cánh cụt, cú. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài. 2. Hình thành kiến thức: <p>a. <i>Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? -GV nhận xét, chốt lại: Bài chia làm 4 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời. - HS chia sẻ -HS lắng nghe, ghi bài. - HS đọc. - HS trả lời. -HS theo dõi.

đoạn.	
+ Đoạn 1: <i>Từ đầu đến thần lẫn xanh.</i>	
+ Đoạn 2: <i>Tiếp đó đến đôi quá rồi!</i>	
+ Đoạn 3: <i>Tiếp đó đến Minh đôi quá rồi!</i>	
+ Đoạn 4: <i>Còn lại.</i>	
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>thần lẫn, thắm nghĩ, bụi cỏ, làm sao, đôi lại, trở lại,..</i>)	- HS đọc nối tiếp.
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- HS lắng nghe
- Hướng dẫn HS đọc:	
+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: <i>Mình không thể bò trên tường/ giống như tắc kè,/cũng không thể kiếm ăn/ theo cách của tắc kè. Thần lẫn xanh/ trở về với cái cây của mình/ và thích thú đi kiếm ăn/ vào ban ngày.</i>	
+ Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật: <i><u>Ồ</u>, một người bạn mới!; <u>Tớ chán</u> những bức tường <u>lắm rồi</u>.; <u>Mới nghĩ thế mà tớ đã thấy <u>vui làm sao</u>!</u>; <u>Mình đôi quá rồi!</u></i>	
- Cho HS luyện đọc theo nhóm 3.	- HS luyện đọc theo phân vai nhân vật.
- Cho HS đọc toàn bài trước lớp.	- 1 -2 HS đọc.
b. <i>Tìm hiểu bài:</i>	
- GV hỏi: <i>Thần lẫn xanh và tắc kè đã tự giới thiệu những gì trong lần đầu gặp gỡ?</i>	- HS trả lời.
- GV nhận xét, kết luận: <i>Các bạn đã tự giới thiệu tên và tập tính của mình.</i>	-HS lắng nghe.
- Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc cho nhau?</i>	- HS thảo luận và chia sẻ
- <i>Hai bạn đã nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình?</i>	- HS trả lời
- <i>Các bạn đã cảm thấy thế nào khi quay lại cuộc sống trước đây của mình?</i>	- HS trả lời.
-Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung ứng với mỗi ý trong sách học sinh.	- HS nêu nối tiếp.
- GV kết luận, khen ngợi HS.	- HS lắng nghe
a. Thế là hai bạn quyết định đổi cuộc	

<p>sống cho nhau đến về cuộc sống.</p> <p>b. Thần lẫn xanh nhận ra đến quá rồi!</p> <p>c. Trong khi đó đến quá rồi!</p> <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi con người bắt các động vật hoang dã nhốt chúng vào trong một không gian nhỏ, hẹp thì môi trường sống đó có thực sự phù hợp với các con vật không? - Nhận xét tiết học. - Tìm hiểu thêm về thói quen và tập tính của một số loại động vật em thích. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời. -HS lắng nghe. - HS lắng nghe, thực hiện.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận diện và phân loại một số nhóm danh từ theo đặc điểm về nghĩa.
- Nói và viết được câu văn sử dụng danh từ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Danh từ là gì? Đặt 1 câu có sử dụng danh từ đã học. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời

2. Luyện tập, thực hành:

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?
- GV yêu cầu thảo luận nhóm 2
- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu
- GV cùng HS nhận xét.
- + *Danh từ chỉ thời gian: đêm đêm, ngày.*
- + *Danh từ chỉ con vật: vành khuyên.*
- + *Danh từ chỉ cây cối: lá, bướm, cỏ.*
- Yêu cầu HS tìm thêm danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối trong bài Thẩn lằn xanh và tắc kè.

Bài 2:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Tổ chức HS chơi trò chơi Xì điện tìm tiếp các danh từ chỉ người cho mỗi nhóm.



Trong gia đình

(mẹ,...)



Trong trường học

(thầy giáo,...)



Trong trận bóng đá

(cầu thủ,...)

- GV nhận xét, tuyên dương.
- + *Trong gia đình: bố, ông, bà, anh, chị, em, ...*
- + *Trong trường học: học sinh, cô giáo, bạn bè, hiệu trưởng, ...*
- + *Trong trận bóng đá: cầu thủ, thủ môn, tiền đạo, trung vệ, trọng tài, ...*

Bài 3:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Cho HS làm bài cá nhân: Tìm từ điền vào chỗ trống, đọc lại câu để kiểm tra.
- Tổ chức cho HS nêu kết quả điền từ và nhận xét, chỉnh sửa câu: *nắng, mây, gió, chớp, sấm, mưa.*

- HS đọc
- HS trả lời (*Tìm danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối trong đoạn văn dưới đây*)
- HS thảo luận và thống nhất đáp án
- HS trả lời.
- HS lắng nghe.

- HS chia sẻ nối tiếp.

- HS nêu
- HS tham gia chơi.

- HS lắng nghe

- HS đọc
- HS làm bài vào nháp.
- HS chia sẻ.

Bài 4:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS viết câu vào vở.
- Tổ chức HS chia sẻ, nhận xét và chỉnh sửa câu.
- GV tuyên dương HS đặt câu văn hay, sáng tạo.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Yêu cầu HS cùng người thân thi tìm nhanh danh từ thuộc 2 nhóm (danh từ chỉ động vật hoang dã, danh từ chỉ cây ăn quả).

- HS đọc.
- HS thực hiện.
- HS chia sẻ.
- HS lắng nghe.
- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt**Viết: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Biết chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến dựa trên các nhận xét của thầy cô.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV phát bài cho HS. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận bài làm của mình.
2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tự đọc lại bài làm của mình và lời nhận xét. - GV nhận xét chung về bài làm. - Cho HS làm bài tốt đọc bài làm của 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại bài. - HS theo dõi. - 2 -3 HS đọc bài.

mình. -Tổ chức HS thảo luận nhóm đôi đọc bài và sửa lỗi bài theo nhận xét về: + <i>Cách viết mở đầu, triển khai, kết thúc.</i> + <i>Cách trình bày lí do, dẫn chứng.</i> + <i>Cách dùng từ, đặt câu.</i> + <i>Chính tả.</i> - GV bao quát, hỗ trợ HS. 3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về bài làm của em.	-HS thực hiện nhóm đôi. - HS theo dõi. - HS lắng nghe. -HS lắng nghe, thực hiện.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Độc: NGHỆ SĨ TRÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Nghệ sĩ trông*. Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời nói của dân trên đảo, lời độc thoại của cô bé Mi – lô,... với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của cô bé Mi – lô thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ,...; nhận biết được cách liên tưởng, so sánh, nhân hóa,... trong xây dựng nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên hoàn cảnh, vượt lên khó khăn.
- Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức, cách đánh giá của mình về ước mơ, đam mê của bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng đối với những cố gắng, nỗ lực thực hiện ước mơ của bạn bè, không kì thị giới tính.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Thần lẩn xanh và tắc kè</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc sống cho nhau? - Hai bạn nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình? - Trao đổi với bạn về nhạc cụ mà em thích? Theo em, nam hay nữ chơi nhạc cụ đó thì phù hợp? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? -GV nhận xét, kết luận: Bài chia làm 5 đoạn: <p>Đoạn 1: từ đầu đến <i>một ban nhạc</i>. Đoạn 2: Tiếp đến <i>con sóng xô bờ</i>. Đoạn 3: Tiếp đó đến <i>thăm nghĩ</i>. Đoạn 4: Tiếp đó đến <i>nhún nhảy</i>. Đoạn 5: Đoạn còn lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>Cu – ba, chim ruồi, chơi trống, trống bông – gõ, Ku – chi – tô, A – na – ca – ô - na,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ: <i>Cu – ba, chim ruồi</i>. Cho HS quan sát tranh và giới thiệu 1 số loại nhạc cụ: <i>Tim – pan – ni, Công – ga, Bông – gõ</i>. - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc,... - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: <i>Bài đọc cho biết những thông tin gì về Mi – lô?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 2-3 HS trả lời. -HS chia sẻ. - HS lắng nghe - HS lắng nghe, theo dõi - HS nêu. - HS đọc nối tiếp. -HS quan sát. - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS Làm việc theo bàn và chia sẻ.

- GV nhận xét, kết luận.

TT	Thông tin
1	Ước mơ: được chơi trống trong một ban nhạc.
2	Nơi ở: một hòn đảo ngập tràn không khí âm nhạc ở Cu-ba.
3	Đam mê: chơi trống.
4	Thành tích nổi bật: trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.

- GV hỏi: Mọi người làm gì khi thấy Mi -lô chơi trống? Vì sao họ lại làm như vậy?

-GV nhận xét, chốt lại: Mọi người hét lên: “Về nhà ngay! Nhạc cụ này không dành cho con gái”

- Yêu cầu thảo luận theo cặp: Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi – lô có những thuận lợi và khó khăn gì?

- GV nhận xét, đánh giá: (Thuận lợi: Mi -lô rất đam mê chơi trống, gia đình, nhà trường luôn hỗ trợ; khó khăn: Người dân nơi Mi – lô sống có một quy ước chỉ con trai mới được chơi trống, ...)

- Em có ấn tượng nhất với hành động nào của Mi – lô? Vì sao?

- GV chốt: Mi – lô rất chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh, cho thấy bạn ấy rất nỗ lực thu nhận những âm thanh xung quanh và đưa vào tiếng trống của mình.

3. Luyện tập, thực hành:

- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm

- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Chọn sự vật được gọi là nhạc cụ?

-GV nhận xét, kết luận: pí – a – nô, sáo trúc, ghi – ta, vi – ô – lông, trống cơm.

- Yêu cầu hoạt động nhóm 2: Tìm từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

- GV cùng HS nhận xét và sửa bài.

- Đại diện nhóm chia sẻ.

-HS lắng nghe.

- HS thảo luận và chia sẻ.

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.

- HS lắng nghe

- HS thực hiện

- HS thực hiện

-HS lắng nghe.

- HS trả lời.

-HS lắng nghe.

- HS trao đổi, chia sẻ.

-HS theo dõi.

Nghề nghiệp	Công việc	Sản phẩm
họa sĩ	vẽ	tranh
nhạc sĩ	sáng tác nhạc	bài hát, bản nhạc
nhà văn	viết	truyện, kí,...
kiến trúc sư	thiết kế	bản vẽ kĩ thuật,...

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * Năng lực đặc thù:
 - Nhận biết được cách viết báo cáo thảo luận nhóm.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài. 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS nêu yêu cầu. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm vào phiếu học tập. <i>a. Báo cáo viết về vấn đề gì?</i> <i>b. Ai là người viết báo cáo? Báo cáo gửi cho ai?</i> <i>c. Báo cáo gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những thông tin gì?</i> - Tổ chức các nhóm chia sẻ. - GV tổng kết, đánh giá. Bài 2:	- HS lắng nghe - HS đọc. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện các nhóm chia sẻ, nhận xét. - HS theo dõi.

<p>-Gọi HS nêu yêu cầu. -Yêu cầu HS dựa vào BT1 tìm những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo. -Tổ chức HS chia sẻ.</p> <p>-GV nhận xét, kết luận. + <i>Cách trình bày quốc hiệu, tiêu ngữ: Quốc hiệu viết bằng chữ in hoa, tiêu ngữ viết bằng chữ in thường, có dấu gạch ngang giữa các từ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.</i> + <i>Tiêu đề báo cáo được viết bằng chữ in hoa, nếu có phần trích yếu thì viết bằng chữ in thường.</i> +<i>Kết quả thảo luận được sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.</i></p> <p>-GV hỏi: Báo cáo thảo luận thường gồm mấy phần? Em hãy nêu nội dung các phần? -GV nhận xét, kết luận.</p> <div data-bbox="164 1093 734 1321" style="background-color: #fff9c4; padding: 10px; border: 1px solid #ccc;"> <p>Ghi nhớ</p> <p>Báo cáo thảo luận nhóm thường gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu (tiêu đề, người nhận). - Phần chính (thời gian, địa điểm, chủ đề thảo luận, người tham gia thảo luận, kết quả thảo luận). - Phần cuối (chữ kí và tên của người viết báo cáo). </div> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những điều cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận. - Nhận xét tiết học</p>	<p>- HS đọc. - HS trao đổi theo bàn.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, nhận xét. -HS theo dõi.</p> <p>- HS chia sẻ. -HS đọc và ghi nhớ.</p> <p>- HS thực hiện</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: KỂ CHUYỆN BỐN ANH TÀI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nghe hiểu câu chuyện Bốn anh tài; trả lời được các câu hỏi dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn trong câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: -Tổ chức cả lớp hát bài: Quê hương tươi đẹp. - GV giới thiệu vào bài. 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1. -Gọi HS nêu yêu cầu. - GV giới thiệu nhân vật Cầu Khây, những người bạn và nhân vật yêu tinh trong 4 bức tranh, - GV kể chuyện lần 1 kết hợp chỉ vào các hình ảnh. - GV kể chuyện lần 2 kết hợp với hỏi nội dung câu chuyện. + Vì sao Cầu Khây lên đường diệt yêu tinh? +Cầu Khây đã gặp những ai trên đường đi? + Cầu Khây và những người bạn chiến đấu với yêu tinh như thế nào? +Câu chuyện kết thúc ra sao? - Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả làm việc. -GV nhận xét, đánh giá. Bài 2. -Gọi HS nêu yêu cầu. -Tổ chức HS thảo luận nhóm 4. -Cho HS trình bày, các nhóm khác nhận	 -HS hát tập thể. -HS lắng nghe. - HS nêu: <i>Nghe kể chuyện và ghi lại những chi tiết quan trọng.</i> - HS quan sát. - HS quan sát và lắng nghe. - HS lắng nghe và tương tác ghi lại những chi tiết quan trọng. -HS chia sẻ nối tiếp. -HS lắng nghe. - HS nêu: <i>Trả lời câu hỏi dưới tranh.</i> -HS thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu. -Đại diện các nhóm trình bày, nhận

<p>xét.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Tranh 1: <i>Cẩu Khây lên đường diệt yêu tinh vì thương dân bản bị yêu tinh quấy phá.</i></p> <p>Tranh 2: <i>Cẩu Khây tìm được 3 người bạn để cùng diệt yêu tinh: Nắm Tay Đóng Cọc, Lát Tai Tát Nước, Mong Tay Đục Máng.</i></p> <p>Tranh 3: <i>Cẩu Khây cùng các bạn chiến đấu với yêu tinh: Nắm Tay Đóng Cọc đâm yêu tinh gãy hết răng, Cẩu Khây nhổ cây quật túi bụi,..</i></p> <p>Tranh 4: <i>Yêu tinh quy hàng, dân bản trở lại cuộc sống bình yên.</i></p> <p>Bài 3.</p> <p>-Gọi HS nêu yêu cầu.</p> <p>-Yêu cầu HS nhìn tranh, dựa vào câu hỏi gợi ý tự kể chuyện.</p> <p>-Tổ chức HS kể chuyện theo nhóm.</p> <p>-GV mời các nhóm thực hành kể chuyện.</p> <p>-GV và HS nhận xét, tuyên dương.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Em hãy kể lại cho người thân nghe câu chuyện này.</p> <p>- HS về tìm đọc câu chuyện có nhân vật mang đặc điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách để chuẩn bị tiết học sau.</p>	<p>xét, bổ sung.</p> <p>-HS theo dõi.</p> <p>- HS nêu: <i>Kể lại câu chuyện trên.</i></p> <p>-HS thực hiện cá nhân.</p> <p>-HS kể nối tiếp câu chuyện theo nhóm 4.</p> <p>- HS các nhóm thực hiện.</p> <p>-HS lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>-HS lắng nghe, thực hiện.</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 4

TIẾNG VIỆT

Đọc: Những bức chân dung

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài “Những bức chân dung”.
- Biết nhấn giọng vào các từ ngữ gợi tả, gợi cảm và những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.
- Nhận biết được các nhân vật qua ngoại hình, hành động, lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: *Mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng, không ai giống ai, không nên thay đổi vẻ riêng của mình theo bất cứ tiêu chuẩn nào vì điều đó sẽ tạo ra những vẻ đẹp rập khuôn, nhàm chán.*

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu các nhân vật trong bài - GV yêu cầu HS quan sát kĩ từng nhân vật và tìm các đặc điểm (ngoại hình, hoạt động) của nhân vật đó. Sau đó thảo luận nhóm đôi: Đoán xem các nhân vật trong tranh có tên thân mật là gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chia sẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu- ghi bài 	
2. Hình thành kiến thức: <p>a. Luyện đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? - <i>Bài chia làm 2 đoạn</i> + <i>Đoạn 1: Từ đầu....Thôi được</i> + <i>Đoạn 2: Còn lại</i> * Đọc nối tiếp đoạn * Hướng dẫn đọc từng đoạn <p><i>Dự kiến</i></p> <p>Đoạn 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng: <i>thực sự</i> - Ngắt câu: <i>Hai bức chân dung.....nghệ thuật,/ bởi....tranh/....rất đẹp/ và ...thật.//</i> <p>Đoạn 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng: <i>nài nỉ, na ná, lúc đầu</i> - Ngắt câu: <i>Màu Nước đã giải thích với các cô bé rằng/mỗi người....khác nhau,/mắt</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời - Đọc nối đoạn theo dãy (1- 2 lần) - H thảo luận nhóm 4 - HS chia sẻ

<p>to,/miệng nhỏ.../.....cô bé/....ý mình.// Nhưng khi xếp....nhau,/ nhận ra/....mình,/...rằng/...đúng.//</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải nghĩa từ: hao hao - Cho HS luyện đọc theo nhóm 2. - Cho HS đọc toàn bài trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS giải nghĩa - HS đọc nhóm đôi. - 2- 3HS đọc -> Nhận xét
<p>b. Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 để trả lời câu hỏi 1 + Tìm câu văn nêu nhận xét về hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh? + Em hiểu “chân dung” có nghĩa là gì? + Hoa Nhỏ đề nghị màu nước vẽ mình như thế nào? + Thảo luận nhóm đôi TLCH: Cách vẽ chân dung Hoa Nhỏ có gì khác với cách vẽ chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh? - Dự kiến: Chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh được vẽ một cách tự nhiên và đúng với thực tế nên rất chân thực còn chân dung Hoa Nhỏ được vẽ theo yêu cầu của cô bé (mắt to hơn, lông mi dài hơn và miệng nhỏ hơn) nên người trong tranh chỉ hao hao giống cô bé. - Thảo luận nhóm 4 thực hiện câu hỏi 3 trong SGK. - GV gợi ý các bước thảo luận: + Đọc kĩ đoạn văn “<i>Từ hôm đó.....theo ý mình</i>” + Đặt mình vào vị trí của Màu Nước, dựa vào những lời cậu đã nói để đưa ra lí lẽ thuyết phục các cô bé để cậu vẽ cho giống thật nhất. + Trao đổi các ý kiến trong nhóm và thống nhất. + Thảo luận nhóm 2: Điều gì khiến các cô bé nhận ra Màu Nước nói đúng? - Dự kiến TL: Khi thấy các bức tranh hoàn thành đều na ná nhau, thậm chí còn rất khó nhận ra mình trong tranh, các cô mới nhận ra Màu Nước nói đúng. - Yêu cầu HS đọc thầm toàn bài, tóm tắt mỗi sự việc trong câu chuyện <i>Những bức chân dung</i> bằng 1-3 câu + Sự việc đầu tiên: Màu Nước vẽ chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh. + Sự việc tiếp theo: Màu Nước vẽ chân dung cho Hoa Nhỏ và các cô bé khác. + Sự việc cuối cùng: Các cô bé ngắm bức chân dung khi chúng được đặt cạnh nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm - HS nêu - HS nêu theo ý hiểu - Vẽ mắt to hơn, lông mi dài hơn và miệng nhỏ hơn. - HS thảo luận N2 - HS chia sẻ - HS thảo luận nhóm 4 + Đại diện các nhóm trình bày - HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện trình bày - HS đọc thầm toàn bài - HS tóm tắt từng sự việc.

<p>* Mức 4:</p> <p>+ Ai có thể tóm tắt lại các sự việc trong toàn câu chuyện?</p> <p>+ Bài đọc cho em biết điều gì?</p> <p>=> Chốt: <i>Mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng, không ai giống ai, không nên thay đổi vẻ riêng của mình theo bất cứ tiêu chuẩn nào vì điều đó sẽ tạo ra những vẻ đẹp rập khuôn, nhàm chán.</i></p> <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- Hướng dẫn đọc diễn cảm</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HS tóm tắt câu chuyện</p> <p>- HS nêu</p> <p>- 2-3HS nhắc lại</p>
<p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p>	
<p>- Qua bài đọc, em có nhận xét gì về hình dáng của mỗi người xung quanh mình?</p> <p>+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học?</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- HS nêu</p>
<p>- Nhận xét tiết học.</p>	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Luyện từ và câu: Quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- + Phân biệt được cách viết hoa tên các cơ quan tổ chức với cách viết hoa tên người.
- + Viết được tên các cơ quan tổ chức đúng quy tắc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, thẻ tên

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>+ Hãy viết họ và tên của em vào bảng con.</p> <p>- Nhận xét cách viết tên riêng chỉ người?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Giới thiệu bài - ghi bài</p>	<p>- HS viết bảng</p> <p>- HS nêu</p>
<p>2. Luyện tập, thực hành</p>	

<p>Bài 1 + Nêu yêu cầu?</p> <p><i>* Chơi bài: Trò chơi: Thi tiếp sức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu luật chơi - Tổ chức cho HS chơi <p>- Đáp án: + Tên cơ quan tổ chức: <i>Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trường Tiểu học Ba Đình</i> + Tên người: <i>Hồ Chí Minh, Võ Thị Sáu</i> - GV cùng HS nhận xét. => <i>Chốt:</i> Nhận xét cách viết tên cơ quan tổ chức và tên người?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm, nêu yêu cầu - HS thực hiện cá nhân vào vở bài tập. - HS lắng nghe - HS chơi: Ghép các thẻ tên vào nhóm thích hợp - HS nêu
<p>Bài 2 + Nêu yêu cầu?</p> <p>=> <i>Chốt:</i> Cách viết hoa tên cơ quan, tổ chức và tên người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên riêng của người: Viết hoa chữ cái đầu tất cả các tiếng. - Tên cơ quan, tổ chức: Viết hoa chữ cái đầu của từng bộ phận tạo thành tên. <p>Bài 3 + Nêu yêu cầu?</p> <p>+ Nêu cách tách tên cơ quan, tổ chức thành các bộ phận? + Nhận xét cách viết hoa các bộ phận trong tên cơ quan, tổ chức? => <i>Chốt:</i> Ghi nhớ SGK/32</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm, nêu yêu cầu. - HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện nhóm báo cáo - HS đọc thầm, nêu yêu cầu. - HS phân tích mẫu - HS làm vở bài tập - HS soi bài, nhận xét - HS nêu - 2-3HS đọc ghi nhớ
<p>Bài 4 + Nêu yêu cầu?</p> <p>Dự kiến: + Nêu cách viết tên trường? + Cách viết tên cơ quan, tổ chức khác cách viết tên người như thế nào? - Nhận xét => <i>Chốt:</i> Khi viết tên cơ quan, tổ chức chú ý viết hoa chữ cái đầu của từng bộ phận tạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm, nêu yêu cầu. - HS làm vở - Soi bài, nhận xét, chia sẻ

thành tên.	
3. Vận dụng, trải nghiệm: + Hãy viết tên các trường học, cơ quan tổ chức gần nơi em sống mà em biết.	- HS viết nháp
* Mức 4 + Hãy viết tên một tổ chức quốc tế được dịch nghĩa sang tiếng Việt?	- VD: Liên hợp quốc, Tổ chức Y tế thế giới.....
- GV soi bài, nhận xét, tuyên dương + Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì? - GV nhận xét tiết học.	- HS tự nêu cảm nhận

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: Lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Giúp H biết lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <i>* Trò chơi: Phóng viên</i> + Báo cáo thảo luận nhóm gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những thông tin gì? + Khi viết báo cáo thảo luận nhóm cần lưu ý gì? - GV nhận xét - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi tên bài.	- HS chơi - HS nêu - HS nêu
2. Luyện tập, thực hành: - GV chiếu các chủ đề thảo luận <i>a. Thảo luận</i> + Nêu các bước khi thảo luận cho các chủ đề? - GV chốt lại các bước: + Bước 1: Xác định nội dung thảo luận: Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức, phân công nhiệm vụ	- HS đọc - HS nêu

+ Bước 2: Tổ chức thảo luận: Nêu ý kiến, trao đổi thảo luận, tổng hợp ý kiến và phân công nhiệm vụ + Bước 3: Ghi chép kết quả - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 một chủ đề nhóm chọn <i>b. Lập dàn ý</i> - Yêu cầu H lập dàn ý cá nhân vào vở nháp <i>c. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý</i> - Nhận xét 3. Vận dụng, trải nghiệm: + Nêu cảm nhận sau tiết học - Nhận xét chung - Yêu cầu chia sẻ với người thân về chủ đề thảo luận của em.	- HS thảo luận - HS làm nháp - HS trình bày trước lớp - Cả lớp nhận xét, bổ sung, chỉnh sửa. - HS nêu
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

TIẾNG VIỆT

Độc: Đò ngang

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài “Đò ngang”.
- Biết đọc đúng lời của người dẫn truyện, lời nói của đò ngang và lời nói của thuyền mảnh với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của đò ngang, thuyền mảnh thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ..., nhận biết được cách liên tưởng, so sánh, nhân hóa... trong việc xây dựng nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: *Mỗi người cần phải làm tốt công việc của mình bởi mỗi công việc có giá trị riêng, việc nào cũng mang lại lợi ích cho cuộc sống, việc nào cũng đáng quý, đáng trân trọng.*

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS đọc bài <i>Những bức chân dung</i>	- HS đọc nối tiếp

<p>tiếp theo đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: + Màu Nước khuyên các cô bé điều gì? + Điều gì khiến các cô bé nhận ra Màu Nước nói đúng? - GV đưa hình ảnh đồ ngang và thuyền mảnh + Trao đổi nhóm đôi về những điểm giống và khác nhau giữa hai con thuyền? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? - Bài chia làm 3 đoạn: <p>Đoạn 1: từ đầu đến <i>sang sông đón khách</i></p> <p>Đoạn 2: Tiếp đến <i>rộng lớn hơn</i></p> <p>Đoạn 3: Còn lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>quay lái, lo việc, lộng gió, trưa nắng, nói lại...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ (<i>đăm chiêu</i>) - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật. + Giọng kéo dài: “<i>O...đò...</i>”. + Giọng reo vui: “<i>Chào anh thuyền mảnh</i>” + Giọng hào hứng: “<i>Tuyệt quá!</i>”, “<i>Tôi chỉ mong được như vậy.</i>” + Giọng thân mật, chậm rãi (<i>Lời nói cầu thuyền mảnh</i>) - Cho HS luyện đọc theo nhóm 3. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Thuyền mảnh hiện ra như thế nào trong cảm nhận của đồ ngang ? - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Đò ngang nhận</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS quan sát - HS thảo luận - HS chia sẻ - HS lắng nghe, theo dõi - HS nêu - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS trả lời (<i>Thuyền mảnh vạm vỡ...bến bờ xa lạ</i>) - HS thảo luận và chia sẻ
---	--

<p>ra mình khác thuyền mảnh như thế nào?</p> <p>Dự kiến: Trong suy nghĩ của đồ ngang, thuyền mảnh vạm vỡ, to lớn, khỏe mạnh, năng động còn đồ ngang nhỏ bé, lặng lẽ. Về công việc đồ ngang thấy thuyền mảnh được đi đến những bến bờ xa, có nhiều điều mới lạ. Còn đồ ngang chỉ làm công việc đưa đồ, quanh quẩn giữa hai bến sông chật hẹp...</p> <p>- Em có đồng ý với suy nghĩ của đồ ngang không?</p> <p>=> Đồ ngang đang tự mình có những suy nghĩ chưa được tích cực về bản thân. Thuyền mảnh đã động viên bạn: “Ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi”</p> <p>+ Mức 4:</p> <p>- Theo em thuyền mảnh muốn nói với đồ ngang điều gì qua câu nói đó?</p> <p>- Thảo luận nhóm đôi: Thuyền mảnh giúp đồ ngang nhận ra giá trị của mình như thế nào?</p> <p>Dự kiến: Thuyền mảnh giúp đồ ngang nhận ra: Hằng ngày đồ ngang làm công việc rất hữu ích là đưa đồ giúp mọi người qua sông nên luôn được mọi người yêu mến, ngóng đợi. Thậm chí thuyền mảnh cũng mong được mọi người yêu quý và ngóng đợi như vậy</p> <p>- Theo em câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em?</p> <p>=> Mỗi người sẽ có một công việc khác nhau. Chúng ta cần phải làm tốt công việc của mình bởi mỗi công việc có giá trị riêng, việc nào cũng mang lại lợi ích cho cuộc sống, việc nào cũng đáng quý, đáng trân trọng.</p> <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Tìm cách giải thích ở cột B phù hợp với thành ngữ ở cột A?</p> <p>- Thành ngữ nào có thể thay thế cho bông hoa trong mỗi câu sau</p>	<p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS chia sẻ</p> <p>- HS thảo luận</p> <p>- HS chia sẻ</p> <p>- HS chọn đáp án hoặc nêu ý kiến</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS làm bài vào vở bài tập</p> <p>- Chữa theo nhóm đôi: 1HS đọc thành ngữ - 1HS đọc cách giải thích</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p>
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ với mọi người về công việc sau này mình muốn làm - GV cùng HS nhận xét - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: Viết báo cáo thảo luận nhóm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Giúp H biết cách viết báo cáo thảo luận nhóm.
- Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Em chọn chủ đề nào để báo cáo? - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi: + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- HS trả lời - 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: - GV cho HS viết đoạn văn dựa vào dàn ý đã lập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa.	- HS viết bài vào vở. - HS soi bài, nhận xét - HS soát lỗi và sửa lỗi.
3. Vận dụng, trải nghiệm: + Bản báo cáo thảo luận nhóm gồm mấy phần? - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)**TIẾNG VIỆT****Đọc mở rộng****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được những câu chuyện có nhân vật mang điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có câu chuyện có nhân vật mang đặc điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: 2. Luyện tập, thực hành <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ câu chuyện đã sưu tầm. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn những điều thú vị về câu chuyện mà em đã đọc. - GV động viên, khen ngợi HS 3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Em hãy tìm trong từ điển thành ngữ một số thành ngữ nói về con người. Trao đổi với người thân về nghĩa của những thành ngữ đó và ghi vào sổ tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS viết phiếu - Soi phiếu đọc sách, nhận xét - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

TUẦN 5

Tiếng Việt

Độc: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Bầu trời trong quả trứng*.
- Biết đọc nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật chú gà con.
- Nhận biết được trình tự các sự việc qua lời kể chuyện của chú gà con gắn với thời gian, không gian (địa điểm) cụ thể, nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của cuộc sống cùng những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ứng với sự thay đổi của không gian và thời gian. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua bài thơ theo cảm nhận của mình .

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn những điều em biết về những con vật mà em yêu thích,... - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài 2. Hình thành kiến thức: <p>a. Luyện đọc:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>Một mà trời đất đã lâu/ Đó là một màu nâu,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật lúc còn ở trong quả trứng (vào những từ ngữ lặp lại) và lúc nhìn thấy bầu trời xanh... - Cho HS luyện đọc theo cặp. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: <i>Gà con kể với các bạn thế nào về bầu trời trong quả trứng?</i> - GV cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và giới thiệu (Có thể dùng vật thật cho gần gũi với HS) - Gà con thấy bầu trời và cuộc sống bên ngoài khác với bầu trời và cuộc sống bên trong quả trứng ? - Theo em, gà con thích cuộc sống nào hơn? - Đóng vai gà con, kể tiếp những vui buồn của mình từ ngày sống dưới bầu trời xanh theo tưởng tượng của em. - GV kết luận, khen ngợi HS <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả muốn nói điều gì qua bài thơ? - Nhận xét tiết học. - Suu tầm tranh, ảnh các nhạc cụ dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Bài chia làm 2 đoạn, <i>Đoạn 1: Từ đầu đến Cứ việc mà yên nghỉ</i> <i>Đoạn 2: Còn lại</i> - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS thảo luận theo cặp và trả lời - HS chỉ tranh và giới thiệu <ul style="list-style-type: none"> + Lúc còn ở trong quả trứng + Lúc bước ra thế giới bên ngoài. - HS thảo luận và chia sẻ - HS trả lời - HS làm việc theo nhóm và trình bày - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: ĐỘNG TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.
- Tìm được động từ trong các câu tục ngữ. Đặt được câu có chứa động từ phù hợp.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - Chơi trò chơi: Con thỏ - Em vừa làm những động tác nào của con thỏ? - Giới thiệu bài – ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh</i>) - HS thảo luận và thống nhất đáp án
		Từ chỉ hoạt động
Người	Bạn nam Bạn nữ Các bạn ...	Vẫy đi cười, nói, ..
Vật:	Chuồn chuồn	Đậu, bay

	Cá Chim	Bơi hót
<ul style="list-style-type: none">- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu- GV cùng HS nhận xét. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nêu yêu cầu bài và đoạn thơ.- Yêu cầu HS xác định các từ in đậm trong đoạn thơ.- Các từ in đậm đó có điểm gì chung?- GV khen ngợi HS có cách giải thích thú vị, sáng tạo.- GV giải thích cho HS đó đều là những động từ chỉ trạng thái, cảm xúc- GV chốt lại: Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nêu yêu cầu bài và các câu tục ngữ.- GV có thể chiếu các câu tục ngữ <		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một bài văn thuật lại một sự việc(cấu tạo của bài văn cách thuật lại các hoạt động theo trình tự,...).
- Biết thể hiện sự đồng cảm với niềm vui của những người xung quanh, thân thiện với bạn bè qua cách chuyện trò.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc báo cáo thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: + Nội dung báo cáo của bạn nêu về vấn đề gì? + Em thấy cách dùng từ của bạn đã hợp lí chưa? + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì giúp bạn không? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc bài văn - Bài văn có mấy phần? Đó là những phần nào? - Phần mở đầu giới thiệu những gì? - Phần thân bài gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn là gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS đọc và trả lời - HS thảo luận và trả lời - HS trả lời - 4 đoạn: + Đoạn 1: Các hoạt động chuẩn bị

<p>- Những từ ngữ nào giúp em nhận biết các hoạt động được thuật lại theo trình tự?</p> <p>- Phần kết bài chia sẻ suy nghĩ cảm xúc gì về kết quả hoạt động?</p> <p>Bài 2:</p> <p>- HS đọc câu hỏi thảo luận:</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Yêu cầu ghi lại và chia sẻ với người thân về trình tự các hoạt động trong một buổi sinh hoạt lớp của lớp em</p>	<p>+ Đoạn 2: Phát biểu khai mạc của cô chủ nhiệm</p> <p>+ Đoạn 3: Bạn lớp trưởng phát động phong trào và thảo luận về cách thực hiện</p> <p>+ Đoạn 4: Phân công nhiệm vụ</p> <p>- Thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ĐỌC: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Tiếng nói của cỏ cây.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời đối thoại giữa các nhân vật, nhấn giọng đúng từ ngữ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của sự vật theo thời gian và cảm xúc, suy nghĩ, bản khoăn của nhân vật trước sự thay đổi. Biết dựa vào nội dung câu chuyện để tập lí giải/ giải thích sự thay đổi của sự vật.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả đặc điểm các loài cây.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: Yêu thiên nhiên gắn với cảnh đẹp quê hương

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Nêu những điều mình biết về cách trồng hoặc chăm sóc cây cối theo gợi ý (SGK) - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>chưa hài lòng, ló rạng, Ta-nhi-a, bừng...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: <i>Thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ,/ cô bé liền bứng một cây nhỏ nhất/ trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ.//</i> + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật: <i>Ô kìa! Bụi hoa hồng được chuyển chỗ mới đẹp làm sao!</i> - Cho HS luyện đọc theo nhóm 3 - Cho HS đọc trước lớp <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số loài cây được nhắc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ - HS đọc - <i>Bài chia làm 3 đoạn.</i> Đoạn 1: Từ đầu đến <i>trồng cạnh cây hoa hồng.</i> Đoạn 2: Tiếp theo đến <i>trong truyện cổ tích.</i> Đoạn 3: còn lại - HS đọc nối tiếp - HS đọc từ ngữ: <i>bừng, mơ hồ</i> - HS lắng nghe - HS luyện đọc theo nhóm - 3 HS đọc đoạn trước lớp - Lớp nhận xét - HS lắng nghe

<p>đến trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi trong SGK, trao đổi nhóm đôi <p>- <i>Câu 1: Chi tiết nào cho thấy Ta-nhi-a cảm thấy thoải mái trong những ngày hè ở nhà ông bà?</i></p> <p>- <i>Câu 2: Nêu công việc Ta-nhi-a đã làm trong vườn nhà ông bà theo các ý.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết các ý kiến <p><i>Câu 3: Nhờ việc làm của Ta-nhi-a, cây hồng và cây huệ nở hoa đẹp như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận, khen ngợi HS <p><i>Câu 4: Trong câu chuyện Ta-nhi-a đã suy đoán nguyên nhân biến đổi của cây hồng và cây huệ là gì?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em thấy suy đoán đó có hợp lý không? Vì sao? <p><i>Câu 5: Theo em, Ta-nhi-a đã có thêm những trải nghiệm gì trong mùa hè?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi nhóm bàn - Chia sẻ trước lớp - HS thảo luận và chia sẻ - Đọc lướt đoạn đầu, chia sẻ - Vì Ta-nhi-a được chạy nhảy thỏa thích trong vườn, được ngắm hoa và có thể tự trồng cây theo ý thích. - HS trao đổi nhóm bàn - Chia sẻ trước lớp - HS đọc đoạn văn nêu rõ kết quả việc làm của Ta-nhi-a - Trao đổi nhóm bàn - Chia sẻ trước lớp - Cây cối ở chỗ đất thoáng, rộng sẽ tốt hơn. Cây cối phát triển tươi tốt không chỉ nhờ nước và ánh sáng mà còn phải biết chúng hợp và không hợp sống gần cây nào. - HS lắng nghe - HS thực hiện - Làm VBT cá nhân - Chia sẻ kết quả trước lớp <i>Câu 1: Danh từ: vườn, cây, đất, hoa, bạn</i> <i>Động từ: đi, trồng, chọn, hỏi, ngắm</i> - HS trao đổi nhóm - Các nhóm đóng vai trước lớp. - HS trả lời.
<p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Luyện tập theo văn bản đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tự làm VBT câu 1 <p>- Cho HS thảo luận nhóm 4 câu 2 đóng vai</p>	
<p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước Việt Nam? 	

- Nhận xét tiết học.	
----------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt**Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc theo đúng yêu cầu của kiểu bài.

- Biết chia sẻ hiểu biết của mình với người thân và bạn bè xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn thuật lại sự việc có mấy phần? Đó là những phần nào? - Có thể thuật lại sự việc theo trình tự nào? 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc yêu cầu của đề - Nêu hoạt động trải nghiệm mà mình muốn thuật lại. - Sắp xếp các việc đã làm theo trình tự hợp lí. Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào nội dung đã chuẩn bị, lập dàn ý theo hướng dẫn - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. - Cùng góp ý cho bạn về cách mở bài, kết bài, trình tự thuật việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề - Thảo luận theo cặp, chia sẻ trước lớp. <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm 4 - HS chia sẻ

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- | | |
|--|----------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Tự hoàn thiện dần y cho một hoạt động trải nghiệm của nhóm mình - Nhân xét tiết học | - HS thực hiện |
|--|----------------|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * **Năng lực đặc thù:**
 - Thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.
 - Nói được trước nhóm, trước lớp về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- * **Năng lực chung:** năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- * **Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, nội dung buổi trải nghiệm cụ thể
- HS: dàn ý của tiết học trước, tranh ảnh có liên quan..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát: Trờ nắng, trời mưa <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm thuật lại hoạt động trải nghiệm đã chuẩn bị. - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những suy nghĩ, cảm xúc của mình về hoạt động đó. - GV động viên, khen ngợi HS * Trao đổi, góp ý theo nội dung SGK <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về những trải nghiệm của các bạn ở lớp đã chia sẻ. - Tìm đọc những bài thơ, bài văn viết về 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS thực hiện - HS lắng nghe - HS thực hiện

những trải nghiệm trong cuộc sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 6

Tiếng Việt
Độc: TẬP LÀM VĂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài *Tập làm văn*, biết đọc phân biệt lời kể của (bạn nhỏ nhân vật xung tôi) và những câu văn bạn viết trong bài tập làm văn của mình, biết nhấn giọng các từ ngữ cần thiết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật
- Nhận biết được trình tự các sự việc qua lời kể của bạn nhỏ trên đường đi đò dọc về quê đến khi về đến quê, quá trình chăm sóc cây hoa hồng, việc tưới nước cho cây,... tương ứng với việc viết tập làm văn cho đến khi hoàn thành bài viết.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- Hiểu vì sao bài văn của bạn nhỏ có thêm các chi tiết đặc sắc. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. (VD: Muốn viết bài văn miêu tả cần có những trải nghiệm thực tế, cần quan sát kỹ sự vật được miêu tả, cần phát huy trí tưởng tượng của người viết)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, cần cù, chịu khó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu + GV yêu cầu 2 HS đọc nối tiếp bài “ <i>Tiếng nói của cỏ cây</i> ” - Em biết điều gì lạ trong thế giới cỏ cây? - Nêu nội dung bài đọc? * Hỏi: Khi muốn miêu tả một sự vật, làm thế nào để miêu tả đúng đặc điểm của sự vật đó? + Gọi HS chia sẻ + Giới thiệu, ghi đề bài, cho HS nêu yêu cầu cần đạt.	- HS đọc nối tiếp theo yêu cầu - HS trả lời câu hỏi - HS trao đổi nhóm 2 trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu

	cần đạt
<p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p>a. Luyện đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? <p>+ Lần 1: Sửa lỗi phát âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc nối tiếp đoạn kết hợp đọc các từ khó kết hợp ngắt câu dài <p>Luyện từ: gấp lại, bụi dạ lí, sương lã chã, ốc luyệt, kết luyệt, mức nước,...</p> <p>Ngắt câu dài: <i>Sương như những hòn bi ve tí xiu/ tụt từ lá xanh xuống bông đỏ,/ đi tìm mùi thơm ngào ngạt núp đâu giữa rìng cánh hoa...</i></p> <p>+ Lần 2: Giải nghĩa từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 2 - Yêu cầu HS đọc, kết hợp giải nghĩa từ: Xào xạc, lã chã. <p>+ Lần 3: Luyện đọc theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3 - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm đọc trước lớp - GV nhận xét phần đọc của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Bài chia làm 3 đoạn <p><i>Đoạn 1: Từ đầu ... dở dang bài văn</i></p> <p><i>Đoạn 2: Từ Hôm sau.....thả sức đẹp</i></p> <p><i>Đoạn 3: Còn lại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn và phát âm các từ khó - Hs nêu cách ngắt câu và đọc lại câu dài - 3 HS đọc nối tiếp và giải nghĩa từ dựa vào SGK. - HS đọc theo nhóm 3 - Đại diện 2 nhóm đọc trước lớp
<p>b. Tìm hiểu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh đọc thầm đoạn 1 thảo luận nhóm 2 và TLCH <p>1. Mục đích về quê của bạn nhỏ là gì?</p> <p>+ Bạn nhỏ đã hoàn thành bài văn chưa? Vì sao?</p> <p>+ Nêu ý chính của đoạn 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 1 học sinh đọc đoạn 2 cả lớp đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm thảo luận - HS trả lời câu hỏi 1 - HS trả lời câu hỏi 2 <p>Ý1: Mục đích về quê của bạn nhỏ</p>

<p>thâm TLCH</p> <p>2. Khi ở quê, bạn nhỏ đã làm gì để tả được cây hoa theo yêu cầu?</p> <p>3. Những câu văn nào là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ?</p> <p>+ Nêu ý chính của đoạn 2</p> <p>- GV giảng thêm: Trong bài văn của bạn nhỏ, các câu văn đều có hình ảnh so sánh cũng được coi là câu văn kết hợp sự quan sát và trí tưởng tượng/ liên tưởng của bạn nhỏ</p> <p>4. Em thích câu văn nào nhất trong bài văn của bạn nhỏ? Theo em bài văn của bạn nhỏ nên viết thêm những ý nào?</p> <p>- GV gọi HS trả lời</p> <p>+ Nêu ý chính của đoạn 3</p> <p>Chốt: <i>Khi tả cây ngoài việc tả cây, cành, lá, hương thơm,... cần tả thêm nụ hoa bởi vì bên cạnh bông hoa đã nở thường có nhiều nụ hoa.</i></p>	<p>- HS đọc và trả lời câu hỏi 2</p> <p>- Dậy sớm, quan sát kĩ các bộ phận của cây, chăm sóc cây,...</p> <p>- HS trả lời câu hỏi 3.</p> <p>Ý 2: Cách tìm ý cho bài văn tả cây</p> <p>- HS thảo luận nhóm 2 có thể viết thêm câu văn mà mình muốn thêm.</p> <p>Y3: Cách viết kết bài cho bài văn tả cây hoa.</p>
<p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện</p>
<p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Qua bài đọc, em học được gì về cách viết văn miêu tả?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Tập quan sát cây cối và tìm ý cho bài văn.</p>	<p>- HS trả lời.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được động từ chỉ hoạt động nói chung và động từ chỉ hoạt động di chuyển nói riêng.

- Tìm được động từ thích hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.

- Đặt được câu có động từ chỉ hoạt động

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV hỏi: Động từ là gì? Đặt 1 câu có sử dụng động từ. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	- 2-3 HS trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 - Đại diện HS trình bày trước lớp - GV cùng HS nhận xét. GV chốt đáp án: a. Vỗ - gáy – gáy – kêu – vọng b. Hót – kêu – hót – tìm – xào xạc	- HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm động từ trong ngoặc đơn thay cho bông hoa trong mỗi đoạn văn dưới đây</i>) - HS thảo luận nhóm 2 - HS trình bày trước lớp
Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS quan sát kĩ từng tranh để	HS nêu yêu cầu (<i>Nhìn tranh tìm động từ phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh</i>) - HS thảo luận nhóm 4 tìm các động từ

<p>dựa vào đó suy đoán người hoặc vật trong tranh đang làm gì để tìm động từ phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 3 nhóm trình bày động từ có trong tranh. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <p>Chốt: <i>Với mỗi tranh, có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, miễn là từ đó phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.</i></p>	<p>có trong tranh</p> <p>Tranh 1: đi, leo, trèo, chống dấy, vượt dốc,...</p> <p>Tranh 2: Cắm trại, dựng lều,...</p> <p>Tranh 3: Câu cá, giật cần câu</p> <p>Tranh 4: Bay, lượn, dang, vỗ cánh,..</p> <p>Tranh 5: Bơi, lặn, khám phá,...</p>
<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS đặt câu vào vở: 2-3 câu có từ chỉ hoạt động di chuyển tìm được ở bài 2. - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. <p>Chốt: <i>Khi đặt câu lưu ý: Nội dung đủ như yêu cầu có từ chỉ hoạt động ở bài 2. Hình thức đầu câu viết hoa cuối câu có dấu chấm.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS đặt câu vào vở - HS thực hiện <p>VD: Vận động viên đang <u>leo</u> núi.</p>
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động từ là gì? Tìm các động từ chỉ sự di chuyển? - Đặt câu có sử dụng động từ di chuyển - Nhận xét tiết học - Chuẩn bị tiết sau: Viết bài văn thuật lại 1 sự việc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS đặt câu - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Viết : VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn thuật lại việc đã chứng kiến hoặc tham gia
- Có ý thức đổi mới phương pháp học tập, ham tìm tòi, khám phá, để học tập đạt kết quả tốt, có tinh thần học tập nghiêm túc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, máy chiếu

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở bài 10, trả lời câu hỏi: - Dàn ý bài văn thuật lại sự việc có mấy phần? Nêu nội dung từng phần? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại dàn ý - HS trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài. - GV cho HS viết bài vào vở - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa. - Gv nhận xét bài làm và chỉnh sửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề bài: Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về hoạt động đó. - HS viết bài cá nhân vào vở - HS chỉnh sửa theo yêu cầu của GV
3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Viết vào vở hoặc sổ tay các từ ngữ chỉ việc em đã làm trong ngày. Đánh dấu các động từ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện theo yêu cầu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt**Đọc: NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Nhà phát minh 6 tuổi*
- Biết đọc phân biệt liiwf của người dẫn truyện và lời nhân vật phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật được bộc lộ qua hành động, suy nghĩ, lời nói.
- Hiểu được nội dung bài: Những trải nghiệm và khám phá sẽ mang lại niềm vui cho con người.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 HS đọc bài <i>Tập làm văn</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Em học được điều gì qua cách viết văn của bạn nhỏ? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 2-3 HS trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Hình thành kiến thức: <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Bài chia làm 3 đoạn <p><i>Đoạn 1: Từ đầu ... rời khỏi phòng khách</i></p> <p><i>Đoạn 2: Từ Cô bé.....gia tộc tôi</i></p> <p><i>Đoạn 3: Còn lại</i></p>

<p>+ Lần 1: Sửa lỗi phát âm</p> <p>- GV cho HS đọc nối tiếp đoạn kết hợp đọc các từ khó kết hợp ngắt câu dài</p> <p>Luyện từ: Ma – ri –a, trượt trong đĩa,...</p> <p>Ngắt câu dài: <i>Nhưng khi nước trà rót ra đĩa/ thì những tách trà kia bỗng nhiên dừng chuyển động./... ngừng lại.</i></p> <p>+ Lần 2: Giải nghĩa từ</p> <p>- Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 2</p> <p>- Yêu cầu HS đọc, kết hợp giải nghĩa từ: gia tộc, giải thưởng Nô - ben.</p> <p>+ Lần 3: Luyện đọc theo nhóm</p> <p>- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3</p> <p>- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm đọc trước lớp</p> <p>- GV nhận xét phần đọc của HS</p>	<p>- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn và phát âm các từ khó</p> <p>- Hs nêu cách ngắt câu và đọc lại câu dài</p> <p>- 3 HS đọc nối tiếp và giải nghĩa từ dựa vào SGK.</p> <p>- HS đọc theo nhóm 3</p> <p>- Đại diện 2 nhóm đọc trước lớp</p>
<p>b. Tìm hiểu bài</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc thầm đoạn và TLCH</p> <p>1. Điều lạ mà cô bé Ma – ri –a quan sát được khi gia nhân bưng trà lên là gì?</p> <p>+ Nêu ý chính của đoạn 1</p> <p>- Yêu cầu 1 học sinh đọc đoạn 2 thảo luận nhóm 2 và TLCH</p> <p>2. Tìm trong bài đọc các thông tin về việc làm thí nghiệm của Ma – ri – a?</p> <p>- Đại diện nhóm phát biểu trước lớp, các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>3. Câu trả lời của Ma –ri –a sau khi làm thí nghiệm là gì?</p> <p>4. Câu nói của người cha: “Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!” thể hiện điều gì?</p> <p>+ GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng</p>	<p>- HS đọc thầm</p> <p>- HS trả lời câu hỏi 1</p> <p>Ý1: Ma –ri – a quan sát thấy điều lạ giữa tách trà và đĩa khi có nước và không có nước.</p> <p>- HS đọc và thảo luận trả lời câu hỏi 2</p> <p>- Địa điểm: bếp. Dụng cụ: bộ đồ trà. Mục đích: giải thích hiện tượng khi nước trà rót ra đĩa thì tách trà ngừng hoạt động</p> <p>- Hs trả lời</p> <p>- HS trả lời</p>

<p>của mình</p> <p>5. Khi lớn lên Ma – ri – a đã thành công như thế nào?</p> <p>+ Nêu ý chính của đoạn 2,3</p> <p>- GV giảng thêm: Trong cuộc sống chúng ta nên quan sát các sự vật, hiện tượng. Những khám phá, phát minh sẽ mang lại niềm vui, sự hữu ích trong cuộc sống.</p> <p>+ Nêu nội dung toàn bài:</p> <p>- GV gọi HS nhắc lại nội dung</p>	<p>Ý 2,3: Ma –ri –a làm thí nghiệm nổi danh và trở thành niềm tự hào của gia tộc</p> <p>- Nội dung: Những trải nghiệm và khám phá sẽ mang lại niềm vui cho con người.</p> <p>- 2 HS nhắc lại nội dung</p>
<p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm</p> <p>+ Bài này cần đọc với giọng như thế nào để diễn cảm?</p> <p>+ GV cho HS đọc diễn cảm đoạn 2,3</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS luyện đọc theo nhóm</p> <p>- HS thi đọc trước lớp</p>
<p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Ma – ri –a? Em học được ở Ma –ri – a điều gì?</p> <p>- Tìm trong bài đọc Nhà phát minh 6 tuổi những từ có chứa tiếng “gia”.</p> <p>- Chuyển câu sử dụng dấu ngoặc kép sau thành câu chứa dấu gạch ngang.</p> <p>Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói: “Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!”</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> <p>- Chuẩn bị bài” Tìm hiểu cách viết bài văn</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- HS thực hiện</p>

kể lại một câu chuyện	
-----------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt**Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại một câu chuyện.
- Nắm được cách nối từ ngữ giữa các câu trong đoạn văn. Từ ngữ chỉ thời gian.

* Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: - Cho học sinh đọc yêu cầu 1 - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 với 4 yêu cầu a, b, c, d SGK + Yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. GVKL: a. Mở bài: đoạn 1. Thân bài: 3 đoạn kế tiếp. Kết bài: đoạn cuối + Mở bài: giới thiệu về câu chuyện + Thân bài: kể lại câu chuyện theo trình tự diễn ra các sự việc trong chuyện + Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ về câu chuyện, mong muốn hoặc bài học rút ra	- HS đọc và thực hiện theo yêu cầu - 2-3 nhóm trình bày trước lớp - HS lắng nghe

<p>b. Yêu cầu HS nêu diễn biến của các sự việc 2,3,4,5.</p> <p>+ GV chốt cách nêu đúng diễn biến của câu chuyện.</p> <p>c. Trong bài văn, câu chuyện kể lại theo cách nào?</p> <p>d. Những từ in đậm trong bài văn có tác dụng gì?</p> <p>GVKL: Các từ in đậm có tác dụng liên kết các sự việc để câu chuyện kể một cách logic, rành mạch.</p> <p>- Cho học sinh đọc yêu cầu 2</p> <p>2. Những điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một câu chuyện.</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi.</p> <p>GVKL: Bố cục bài văn kể chuyện gồm 3 phần, mở bài, thân bài, kết bài. Kể các sự việc theo trình tự thời gian. Từ ngữ nối câu và đoạn phải có sự liên kết.</p> <p>- Gv cho HS đọc ghi nhớ SGK</p>	<p>- HS dựa vào câu chuyện nêu bối cảnh và nêu diễn biến của các sự việc.</p> <p>- HS chọn ý thứ nhất: Theo sự việc diễn ra trong câu chuyện.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS đọc yêu cầu 2.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 2</p> <p>- HS đọc ghi nhớ SGK</p>
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Tổ chức cho HS nhắc lại kiến thức về cách viết bài văn kể lại một câu chuyện</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p>- HS nhắc lại kiến thức theo yêu cầu của GV</p> <p>- HS lắng nghe</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

Tiếng Việt
Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc mở rộng theo yêu cầu, biết ghi vào phiếu đọc sách thông tin về bài đọc, biết trao đổi với bạn về một trải nghiệm thú vị của mình với người thân.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: 2. Luyện tập, thực hành: + GV cho HS đọc yêu cầu 1 SGK trang 54. + GV hướng dẫn HS lựa chọn một bài văn hoặc bài thơ về một trải nghiệm trong cuộc sống. + GV cho HS trình bày bày trước lớp. + GV nhận xét về cách đọc bài mở rộng của HS. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách, về trải nghiệm được nói đến trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc. - GV động viên, khen ngợi HS	- HS đọc - HS lựa chọn bài văn, bài thơ, nêu rõ lí do tại sao mình chọn bài đó. - HS thực hiện theo yêu cầu - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Em hãy trao đổi với người thân về một trải nghiệm thú vị của em. - Nhận xét tiết học	- HS lắng nghe - HS thực hiện

Về nhà sưu tầm thêm những câu chuyện về các thần đồng hoặc nhà bác học nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

TUẦN 7

Tiếng Việt

Độc: CON VỆT XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Con vệt xanh*.
- Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết nói năng lễ phép với người lớn và biết sửa lỗi khi mắc lỗi.
- Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với diễn biến, tâm lí của nhân vật.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn những điều thú vị em biết về thế giới loài vật. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ
2. Hình thành kiến thức: <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? <p><i>Bài chia làm 3 đoạn:</i></p> <p><i>+Đoạn 1: Từ đầu....Giỏi lắm!</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS nêu.

+Đoạn 2: <i>Tiếp theo... Cái gì?</i>	
+Đoạn 3: <i>Phần còn lại.</i>	
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>há mớ, nụng, sừng sốt,...</i>)	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc:	- HS lắng nghe
+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Vẹt mỗi ngày một lớn,/ lông xanh óng ả./ biết tuyết sáo lạnh lót/ nhưng vẫn không nói tiếng nào...	
+ Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trong các câu hội thoại. VD: Vẹt <u>à</u> , <u>dạ</u> !; <u>Giỏi lắm</u> !; <u>Cái gì</u> ?	
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. <i>Tìm hiểu bài:</i>	
- GV hỏi: <i>Tú đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn nhà?</i>	- HS trả lời
- GV cho HS quan sát hình ảnh một số loài vẹt, yêu cầu HS <i>nêu hiểu biết của em về loài vẹt (Hình dáng; Màu sắc của bộ lông, thói quen, sở thích,...)</i>	- HS chỉ tranh và giới thiệu
- GV hỏi: <i>Những chi tiết nào cho thấy Tú yêu thương con vẹt?</i>	- HS trả lời
-Giáo dục HS biết yêu quý, bảo vệ động vật.	
- Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Nêu tâm trạng, cảm xúc của Tú trong mỗi tình huống (Nghe anh trai nói vẹt có thể bắt chước tiếng người.; Lần đầu tiên vẹt bắt chước tiếng mình,; Nghe thấy vẹt bắt chước những lời mình nói trống không với anh.).</i>	- HS thảo luận và chia sẻ
- <i>Đoạn kết của câu chuyện cho thấy Tú đã nhận ra điều gì và sẽ thay đổi như thế nào?</i>	- HS trả lời
- Yêu cầu HS sắp xếp các câu trong SHS thành đoạn văn tóm tắt nội dung câu chuyện trên.	- HS trả lời. (D-A-C-B)
- GV kết luận, khen ngợi HS	

3. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài đọc, em rút ra cho mình bài học gì? - Nhận xét tiết học. - Suu tầm tranh, ảnh về các con vật em yêu thích, tìm hiểu về những đặc điểm đáng yêu của chúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập về động từ, nhận diện được một số động từ theo đặc điểm về nghĩa.
- Sử dụng được các động từ đã cho để đặt câu đúng.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ra một số bức tranh. Yêu cầu HS nhìn tranh, nêu động từ phù hợp với hoạt động thể hiện trong tranh. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1:	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS nêu.

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm các động từ theo mẫu</i>) - HS thảo luận và thống nhất đáp án
a.ĐT chứa tiếng “yêu” M: yêu quý	yêu thương, yêu quý, yêu mến, kính yêu, yêu thích,...
b.ĐT chứa tiếng “thương” M: thương mến	thương yêu, thương nhớ, nhớ thương, ...
c.ĐT chứa tiếng “nhớ” M: nhớ mong	mong nhớ, nhớ thương, nhớ nhung,...
d.ĐT chứa tiếng “tiếc” M: tiếc nuối	tiếc thương, thương tiếc,...
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu - GV cùng HS nhận xét. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS tìm các ĐT thể hiện tình cảm, cảm xúc thay thế chỗ cho bông hoa trong đoạn văn. <p>(VD: <i>nhớ-thương-khen-biết ơn-ghét-giận-thích-yêu</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt: Những ĐT thể hiện tình cảm, cảm xúc được gọi là ĐT chỉ trạng thái. <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS làm việc theo nhóm đôi. <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm một số động từ diễn tả cảm xúc vui mừng? - Đặt câu với một trong những ĐT vừa tìm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS nêu - HS trả lời - HS đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh. -Nêu cảm nhận của mình về tình cảm của bạn nhỏ đối với mẹ. - HS lắng nghe - HS đọc - HS quan sát tranh, chọn từ phù hợp trạng thái của người trong tranh, đặt câu, đọc câu mình đọc cho bạn nghe, bạn nhận xét sau đó đổi ngược lại. - HS của một số nhóm lần lượt trình bày. - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện

được.	
-------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

**Viết: LUYỆN VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI
CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp; kết bài không mở rộng, kết bài mở rộng cho bài văn kể lại câu chuyện.

- Bước đầu có những hiểu biết về cách viết các kiểu mở bài, kết bài nêu trên.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Bài văn kể lại câu chuyện thường gồm mấy phần, là những phần nào? + Trong từng phần của bài văn kể chuyện thường gồm những nội dung gì? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS đọc kĩ các mở bài đã cho sau đó xếp vào nhóm thích hợp. + <i>MB trực tiếp: Đoạn 1.</i> + <i>MB gián tiếp: Đoạn 2 và 3.</i> -GV hỏi: + Vì sao con chọn đoạn 1 là MB trực tiếp?	- HS đọc - HS trả lời. - HS trả lời.

<p>- Vì đoạn 1 giới thiệu luôn câu chuyện “Cô bé Lọ Lem”</p> <p>+ Thế còn đoạn 2 và đoạn 3?</p> <p>- Đoạn 2 dẫn dắt từ việc được mẹ tặng cuốn sách “100 truyện cổ tích hay nhất thế giới” rồi mới giới thiệu câu chuyện “Cô bé Lọ Lem”</p> <p>- Đoạn 3 dẫn dắt từ việc được nghe bà kể chuyện mỗi tối rồi mới giới thiệu câu chuyện “Cô bé Lọ Lem”</p> <p>- Yêu cầu HS đọc kĩ nội dung bài, xác định kiểu kết bài của mỗi đoạn văn.</p> <p>+ KB không mở rộng: Đoạn 1.</p> <p>+ KB mở rộng: Đoạn 2 và 3.</p> <p>- Rút ra cách viết KB không mở rộng, KB mở rộng như ghi nhớ SGK.</p> <p>- GV: + Có 2 cách viết MB là: MB trực tiếp (giới thiệu ngay câu chuyện) và MB gián tiếp (kể chuyện khác để giới thiệu câu chuyện).</p> <p>+ Có 2 cách viết KB là: KB không mở rộng (nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện) và KB mở rộng (nêu suy nghĩ, cảm xúc,... và các liên tưởng, suy luận của người viết sau khi nghe hoặc đọc câu chuyện).</p> <p>Bài 3:</p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu bài.</p> <p><i>Viết MB gián tiếp và KB mở rộng khác cho bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.</i></p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại cách viết MB gián tiếp và KB mở rộng.</p> <p>- Viết MB: Hướng dẫn HS suy nghĩ về cách dẫn dắt để giới thiệu câu chuyện.</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS nêu.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 2-3HS đọc lại ghi nhớ.</p> <p>- Học thuộc tại lớp.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc</p> <p>- Nêu yêu cầu.</p> <p>- HS nêu.</p> <p>- HS suy nghĩ xem mình được đọc hay nghe câu chuyện trong hoàn cảnh nào, có kỉ niệm nào gắn với câu chuyện, cảm nghĩ về câu</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> -Quan sát, chấm một số bài. -Nhận xét, sửa sai. -Tuyên dương những bài viết hay. -Viết KB: Hướng dẫn HS suy nghĩ về cách viết KB mở rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> chuyện,... -HS viết bài vào vở nháp. -Đọc bài trước lớp.
<ul style="list-style-type: none"> -Quan sát, chấm một số bài. -Nhận xét, sửa sai. -Tuyên dương những bài viết hay. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS lựa chọn nêu suy nghĩ, cảm xúc, mong ước, đánh giá,... và các liên tưởng, suy luận về câu chuyện. -HS viết bài vào vở nháp. -Đọc bài trước lớp.
3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu ghi nhớ các cách viết MB, KB đã học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Độc: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Chân trời cuối phố*.
- Hiểu được nội dung bài: Cuộc sống xung quanh ta có rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, giống như những chân trời mở ra vô tận. Chỉ cần chúng ta có khát khao khám phá, chúng ta sẽ được trải nghiệm rất nhiều điều thú vị xung quanh mình.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, lời tả trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Con vẹt xanh</i> nối tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp

theo đoạn.

- GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: *Tú đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn nhà?*

- *Đoạn kết của câu chuyện cho thấy Tú đã nhận ra điều gì và thay đổi như thế nào?*

- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.

2. Hình thành kiến thức:

a. Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.

- Bài có thể chia làm mấy đoạn?

Bài chia làm 3 đoạn:

Đoạn 1: từ đầu đến Cún, vào nhà! Đoạn 2:

Tiếp đến ngẩng lên nhìn

Đoạn 3: Còn lại

- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (*lầy lội, đến nỗi, làng quê, cuộn tròn,...*)

- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.

- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở câu khiến: *Cún, vào nhà!*

- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.

b. Tìm hiểu bài:

- *Tìm thông tin về nhân vật cún trong câu chuyện theo gợi ý (tên, nơi ở, hình dáng, tính cách, tiếng kêu)*

Tên	Nơi ở	Hình dáng	Tính cách	Tiếng kêu
Cún	Ngôi nhà nhỏ	Nhỏ	Tò mò, thích khám phá	Ắng ắng

- GV kết luận.

- *Những chi tiết nào cho thấy cún rất tò mò muốn biết về dãy phố bên ngoài?*

- *Khi có dịp chạy hết dãy phố, những cảnh vật hiện ra trước mắt đã giúp cún nhận ra điều gì?*

- *Hiểu câu: “Cuối con phố của cún là những chân trời mở ra vô tận” là như thế nào?*

- HS trả lời

- HS trả lời

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, theo dõi

- HS nêu.

- HS đọc nối tiếp

- HS lắng nghe

- HS luyện đọc

- HS thảo luận N2, điền câu trả lời vào phiếu học tập.

Tên	Nơi ở	Hình dáng	Tính cách	Tiếng kêu

- Đại diện nhóm trình bày

- HS trả lời.

- HS trả lời

- HS trả lời

(VD: Cuối dãy phố là những sự vật nối tiếp nhau không bao giờ kết thúc.)

- *Tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc của cún và giải thích vì sao cún có những cảm xúc đó.*

- *Hãy tưởng tượng em cùng cún đi trên dãy phố trong bài đọc, em sẽ thấy những gì?*

Nhìn	con đường, nhà, mái tôn, con đò, bãi bồi, cây cối, nhà cửa,...
Nghe	tiếng gió thổi, tiếng nước chảy êm đềm, tiếng cây cối xào xạc,...
Ngửi	mùi nước từ sông, mùi bùn đất khô trên đường,...
Cảm xúc	vui vẻ, khoan khoái, thích thú, hài lòng,...

- GV kết luận, khen ngợi HS

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Nhận xét tiết học.

- HS chia sẻ trong nhóm đôi sau đó chia sẻ trước lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Chân trời cuối phố*.

- Hiểu được nội dung bài: Cuộc sống xung quanh ta có rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, giống như những chân trời mở ra vô tận. Chỉ cần chúng ta có khát khao khám phá, chúng ta sẽ được trải nghiệm rất nhiều điều thú vị xung quanh mình.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, lời tả trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV nêu yêu cầu tiết học 3. Luyện tập, thực hành: a. Luyện đọc lại: - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. b. Luyện tập theo văn bản đọc: Câu 1: - Yêu cầu HS thảo luận N2 - Nêu các câu văn trong bài có sử dụng dấu hai chấm. - Dấu hai chấm trong từng câu văn đó có công dụng gì? (+ Mỗi lần...: “Cún, vào nhà!”; Nằm cuộn tròn...cún nghĩ: “Ở cuối dãy phố có gì nhĩ?”; Bực đến nổi....sủa: -Ăng! Ăng!”: <i>Đánh dấu lời nói của nhân vật.</i> +Trước mặt...bên kia: làng quê với những bãi bờ, cây cối, nhà cửa: <i>Đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho phần trước đó.</i> Câu 2: - Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ <i>mừng rỡ</i> ? (- Là từ: vui mừng, mừng vui, vui vẻ,...) - Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ <i>yên ắng</i> ? (- Là từ: yên tĩnh, yên lặng, lặng yên,...) 4. Vận dụng, trải nghiệm: - Nội dung bài đọc muốn nói với chúng ta điều gì? - Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe. -3HS đọc nối tiếp. -Lớp nhận xét, góp ý cách đọc diễn cảm. - HS thực hiện - HS đọc - Nêu yêu cầu. - HS thảo luận. - HS nêu - Lớp nhận xét. - HS đọc, nêu yêu cầu. - Làm việc cá nhân. - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI CÂU CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * Năng lực đặc thù:
 - Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: <p>a. Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 3 đề bài vừa đọc, xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài. <p>b. Lập dàn ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc kĩ dàn ý gợi ý trong SHS <p>-GV kiểm tra, nhận xét nhanh một số bài.</p> <p>c. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đối vở, đọc bài của bạn rồi nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thầm 3 đề bài trong SHS. - Lớp đọc thầm. - HS lựa chọn đề bài. - Đọc yêu cầu chuẩn bị trong SHS. - HS xác định các phần chính trong bài văn (MB, TB, KB) và tìm ý chính cho từng phần. - HS dựa vào các ý đã nêu ở phần chuẩn bị, tự lập dàn ý cho bài làm của mình. -Viết dàn ý đã lập vào vở. -HS thực hiện theo yêu cầu của GV. -Nhận vở, chỉnh sửa dàn ý theo góp ý.
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn. <p>Dặn về nhà chỉnh sửa lại dàn ý của mình cho hay hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện

- Nhận xét tiết học	
---------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt**Nói và nghe: VIỆC LÀM CÓ ÍCH****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Nói và nghe về một việc có ích đã làm cùng với bạn bè hoặc người thân.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV nêu yêu cầu tiết học.	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: a. Chuẩn bị: b. Chia sẻ với bạn việc có ích em đã làm cùng với bạn bè hoặc người thân: -Yêu cầu HS làm việc N4. c. Ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn để trao đổi với bạn: -GV tổng kết, khen ngợi những HS có phần trình bày tốt.	-HS chuẩn bị phần trình bày của mình (ghi ý chính ra vở nháp). -HS nói lần lượt trong nhóm theo các nội dung đã chuẩn bị. -Nhóm lắng nghe, góp ý. -HS chỉ chép nhanh những ý mà mình thấy quan trọng trong bài phát biểu của bạn. -Trao đổi với bạn những ý đó sau khi bạn phát biểu xong.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	

- Nhận xét tiết học. - Em hãy tìm đọc những câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống, chuẩn bị cho tiết đọc mở rộng ở tuần tiếp theo.	- HS lắng nghe - HS thực hiện
---	----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 8

Tiếng Việt

Đọc: GẶT CHỮ TRÊN NON (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài: *Gặt chữ trên non*.
- Nhận biết được diễn biến cảm xúc của bạn nhỏ trên đường đi học gắn với thời gian, không gian.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ. Trẻ em miền núi phải trải qua nhiều khó khăn để được lên lớp, được đi học là niềm vui, niềm mong ước của các bạn.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, tích cực, chân trọng những cố gắng của các bạn nhỏ vùng cao khó khăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, Ti vi.
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS quan sát tranh minh họa. - Các bạn nhỏ trong bức tranh sống ở đâu? - Các bạn nhỏ đang đi trên con đường như thế nào? - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu - ghi bài học. 2. Hình thành kiến thức mới <p>a, Luyện đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc diễn cảm cả bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS trả lời. - HS trả lời - HS chia sẻ

<ul style="list-style-type: none"> - Mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn thơ - GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ khó phát âm: bóng, núi, la đà,.. - Hướng dẫn HS đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi đi học - HS luyện đọc nối tiếp theo cặp - 2 HS đọc toàn bài, các bạn khác đọc thầm - GV nhận xét việc đọc của lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS đọc
<p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi sau? - Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở đâu? (<i>Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở vùng cao.</i>) - Những cảnh vật nào giúp em biết được điều đó? (<i>Trong bài có các từ ngữ như núi xanh, vách đá, thung sâu, lưng đồi, nương ngàn, đồi</i>) - GV kết hợp cho HS quan sát một số tranh ảnh. - Những chi tiết nào cho thấy việc đi học của các bạn nhỏ ở các vùng cao rất vất vả? (<i>Các bạn phải vượt suối, băng rừng, đi đường xa, lớp học trên đỉnh đồi, gặt chữ trên đỉnh trời..</i>) - HS thảo luận cặp đôi và đại diện nhóm trả lời - Trên đường đi học các bạn nhỏ đã nghe thấy những âm thanh nào? (<i>Tiếng trống rung vách đá, gió đưa theo tiếng sáo.</i>) - Theo em những âm thanh đó đem lại cảm xúc gì cho bạn nhỏ? (<i>Những âm thanh đó thể hiện nhịp sống thanh bình ở vùng cao. Đem lại cảm xúc vui vẻ, hào hứng, phấn khởi cho các bạn nhỏ.</i>) - Theo em 2 dòng thơ “Đường xa chân có mỏi/ Chữ vẫn gửi trên lưng” thể hiện điều gì? (<i>Thể hiện quyết tâm đi học của bạn nhỏ, mặc dù gặp rất nhiều những khó khăn gian khổ trên đường đi học. Nhưng vẫn không nản lòng, vẫn vui, hào hứng với việc học</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS đọc nối tiếp theo cặp - HS đọc - HS trả lời - HS nêu - HS nêu - HS quan sát tranh - HS nêu - Đại diện nhóm nêu, HS nhận xét - HS nêu - HS trả lời - HS nêu

<p><i>tập của mình.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao - HS thảo luận theo cặp và chia sẻ trước lớp. - GV kết luận <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc bài thơ tại lớp. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì tác giả muốn nói qua bài thơ? - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và chia sẻ - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: CÁCH DÙNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA TỪ ĐIỂN.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS đọc hướng dẫn và thực hành sử dụng từ điển.
- Dựa vào các bước tìm nghĩa của từ theo ví dụ, tìm nhanh nghĩa của từ cao ngất, cheo leo, hoang vu trong từ điển.
- HS tìm được những ý nêu đúng công dụng của từ điển

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, tích cực, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, Ti vi, phiếu học tập
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS hát và vận động tại chỗ. - Giới thiệu bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát và vận động tại chỗ.

2. Luyện tập, thực hành

* BT1: Đọc hướng dẫn và thực hành sử dụng từ điển.

- Gọi HS nêu yêu cầu bài
- GV yêu cầu HS đọc hướng dẫn các bước sử dụng từ điển (4 bước)
- GV kết luận thêm

***BT 2:** Tìm nghĩa của từ theo ví dụ, tìm nhanh nghĩa của các từ cao ngất, cheo leo, hoang vu có trong từ điển.

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài
- GV yêu cầu HS đọc thầm 4 bước tìm nghĩa của từ bình minh trong SHS.
- GV gọi 2-3 HS nêu lại.

- GV yêu cầu HS vận dụng các bước như đã hướng dẫn để tìm nghĩa của các từ: cao ngất, cheo leo, hoang vu.

(+ *cao ngất*: Cao đến quá tầm mắt.

+ *Cheo leo*: Cao và không có chỗ bấu vủ, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã.

+ *Hoang vu: Ở trạng thái bỏ không, để cho cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người)*

- GV nhận xét, kết luận.

* BT 3: Tìm những ý nêu đúng công dụng của từ điển.

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm
- Gọi các nhóm nêu
- Nhận xét, kết luận

- HS nêu
- HS đọc

- HS nêu
- HS đọc

- HS thảo luận nhóm đôi và nêu

- HS nêu
- HS trao đổi nhóm
- Đại diện các nhóm nêu

A. Cung cấp thông tin về các từ loại
(danh từ, động từ, tính từ..)

B. Cung cấp cách sử dụng các từ thông qua các ví dụ

C. Giúp hiểu nghĩa của từ.

- HS nêu

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Nêu lại công dụng của từ điển?
- Nhân xét

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

Viết: VIẾT BÀI VĂN KỂ LAI MỘT CÂU CHUYỆN (tiết 1)

* Năng lực đặc thù:

- ## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- ### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Trang 107

về cuộc sống và việc đi học của các bạn HS vùng cao - Nhận xét tiết học. Khen ngợi những HS tích cực.	- HS lắng nghe.
--	-----------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: BẦU TRỜI MÙA THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Trước ngày xa quê. Biết đọc diễn cảm phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hành động, tâm trạng, cảm xúc..... nhận biết được những chi tiết, sự việc chính trong diễn biến câu chuyện.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tình yêu, sự gắn bó với quê hương là tình cảm tự nhiên của con người, hãy luôn nhớ, luôn yêu quê hương mình bằng những tình cảm đẹp đẽ nhất.
- Biết rút kinh nghiệm sau khi trả bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS đọc thuộc lòng các đoạn trong bài gặt chữ trên non. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Bài thơ cho em biết điều gì về việc đi học của các bạn nhỏ vùng cao. - GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS đọc nối tiếp - HS trả lời - HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức mới	

<p>a. Luyện đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? (Đoạn 1: từ đầu đến để nói về bầu trời. Đoạn 2: Tiếp đến và mỉm cười Đoạn 3: Còn lại) - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (VD: lên đường, chiều trước ngày xa quê, nói chuyện, phẳng lì, nơi ấy thật xa lạ, lùm cây, lau nước mắt,..) - GV hướng dẫn những HS mắc lỗi phát âm khi đọc bài. + Cách ngắt giọng ở những câu dài: (VD: Quê tôi ở đây/ con đường làng gồ ghề/ vàng óng rom mùa gặt/ những lùm cây giấu đầy quả ổi/ quả mâm xôi chín mọng;..) - Gọi 2-3 HS đọc luân phiên câu chuyện trước lớp. - HS làm việc theo nhóm, đọc luân phiên câu chuyện. - HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt. - GV nhận xét việc đọc của cả lớp. <p>b. Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn, tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi trong bài. <p>Câu 1. Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi. - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi. - Gọi đại diện các nhóm nêu câu trả lời. (Khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học, bạn nhỏ cảm thấy rất buồn, các chi tiết: Nghe bố nói, tôi òa khóc như khi bị đồn oan, Tôi không muốn đi những vẫn phải chuẩn bị lên đường.) - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 3 đoạn: - HS đọc nối tiếp - HS sửa lại - HS lắng nghe - HS đọc - HS thực hiện - HS thực hiện - HS lắng nghe - HS trả lời - HS đọc thầm câu hỏi - HS thảo luận nhóm - Đại diện các nhóm nêu
--	--

<p>Câu 2. Buổi chia tay của bạn nhỏ với thầy giáo và các bạn có gì đặc biệt?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu câu hỏi - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi. <p><i>(Đáp án: Chiều trước ngày xa quê, các bạn và cả thầy giáo đến tiễn bạn nhỏ. Khác hẳn mọi khi, các bạn ít cười đùa, kẹo cũng chẳng ăn, chỉ thăm nhắc lại những trò nghịch ngợm vừa qua và ngẩn ngơ hỏi nhau thành phố nơi tôi sắp đến như thế nào, có giống quê mình không...)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét <p>Câu 3: Hình ảnh quê hương hiện trong tâm trí của bạn nhỏ như thế nào trước ngày xa quê?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu câu hỏi - GV tổ chức thảo luận cho HS thảo luận nhóm. - Gọi đại diện các nhóm trả lời. <p><i>(Đáp án: Con đường làng gồ ghề, vàng óng rom mùa gặt, những lùm cây giấu đầy quả ổi, quả mâm xôi chín mọng,...)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét <p>Câu 4: Nếu được dự buổi chia tay, em sẽ nói gì với các bạn nhỏ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu câu hỏi? - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi. - Gọi đại diện các nhóm trả lời. - GV nhận xét. <p>3. Luyện tập thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS phát hiện giọng đọc - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm - GV gọi HS thi đọc giữa các nhóm - GV nhận xét, khen ngợi <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm trong bài đọc những động từ thể hiện cảm xúc của các bạn nhỏ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS làm việc nhóm - Đại diện một số nhóm trả lời <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS thảo luận nhóm - Đại diện các nhóm trả lời <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS thảo luận nhóm - Đại diện 2 -3 nhóm trả lời - HS lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS luyện đọc - HS thi đọc - HS lắng nghe <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện
---	---

- GV nhận xét	
---------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt**Viết: TRẢ BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được ưu, nhược điểm trong bài văn kể mình đã làm.
- Biết chỉnh sửa viết lại một đoạn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS và nhận xét chung - Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu. - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. 3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học	- HS lắng nghe - HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình. - HS thực hiện - HS chia sẻ - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt**ĐỌC MỞ RỘNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: Sách, báo, câu chuyện sưu tầm có nội dung về những trải nghiệm trong cuộc sống.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS hát và vận động tại chỗ. - Giới thiệu bài học 2. Luyện tập, thực hành: Bài tập 1: <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV hướng dẫn HS dựa vào yêu cầu của bài tập để lựa chọn một câu chuyện về một trải nghiệm nào đó trong cuộc sống. - Tổ chức cho HS nêu câu chuyện đó - GV hỏi thêm lí do HS chọn câu chuyện đó. Ý nghĩa của câu chuyện đó với em? Bài tập 2: <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những trải nghiệm được nói tới trong câu chuyện mà các em đã học? - GV động viên, khen ngợi HS 3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy chia sẻ với người thân về những cảm xúc của bạn đó trong bài đọc Trước ngày xa quê. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát và vận động tại chỗ. - HS lắng nghe - HS nêu yêu cầu bài - HS thực hiện làm - HS nêu - HS trả lời - HS nêu yêu cầu bài - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS thực hiện

- GV nhận xét, khen ngợi những HS tích cực trong giờ	
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 9**Tiếng Việt****Tiết 1 – 2: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.
- Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn bản, nêu được chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động,.. thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.
- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng.
- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu lại các chủ đề đã học. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài 2. Luyện tập thực hành: <ul style="list-style-type: none"> * <i>Nói tên các bài đã học</i> - GV chiếu nội dung bài 1. - YC 1 HS đọc nội dung bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu câu trả lời. - HS chia sẻ - HS quan sát.

<ul style="list-style-type: none">- YC HS quan sát, đọc thầm từng khổ thơ, lời nói của nhân vật trích từ các bài đã học. Sau đó viết ý kiến cá nhân vào nháp.- YC HS thảo luận nhóm 4 đối chiếu câu trả lời và thống nhất.- Tổ chức cho HS chia sẻ nội dung thảo luận.- GV chốt câu trả lời.	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện YC của GV.- HS thảo luận nhóm 4.- Từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.- HS lắng nghe.															
<p><i>* Nêu ngắn gọn nội dung các bài đã học</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV YC HS đọc đề bài.- YC HS thảo luận nhóm đôi. <p>- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.</p> <p>- Tổ chức cho HS nhận xét.</p> <p>- GV chốt câu trả lời.</p> <p><i>* Đọc lại một bài đọc trong chủ điểm Mỗi người một vẻ hoặc Trải nghiệm và khám phá nêu chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- YC HS đọc đề bài.- GV chia nhóm tổ.- GV phát bảng nhóm thống kê đã chuẩn bị sẵn.- Quan sát và YC 3 – 4 HS mỗi nhóm chia sẻ câu trả lời. <p><i>* Tìm danh từ chung và danh từ riêng</i></p> <ul style="list-style-type: none">- YC HS đọc đề bài.- YC HS làm việc cá nhân bằng phiếu học tập tìm ra các danh từ chung và danh từ riêng.- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc đề bài- HS thảo luận nhóm đôi đưa ra đáp án.- HS chia sẻ trước lớp.- HS nhận xét.- HS lắng nghe. <p>-1 HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS thảo luận nhóm đưa ra ý kiến.- HS hoàn thiện bảng theo hướng dẫn của GV.- HS chia sẻ ý kiến. <p>-1 HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS tìm thực hiện yêu cầu <table><tr><th colspan="3">Danh từ chung</th><th colspan="2">Danh từ riêng</th></tr><tr><th>Chỉ người</th><th>Chỉ vật</th><th>Chỉ hiện tượng tự nhiên</th><th>Tên người</th><th>Tên địa lý</th></tr><tr><td>nàng</td><td>Phố, chùa, tỉnh, chân, cảnh,</td><td>Gió, khói, sương, mưa, nắng</td><td>Tô Thị, Triệu Thị, Trinh</td><td>Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam</td></tr></table>	Danh từ chung			Danh từ riêng		Chỉ người	Chỉ vật	Chỉ hiện tượng tự nhiên	Tên người	Tên địa lý	nàng	Phố, chùa, tỉnh, chân, cảnh,	Gió, khói, sương, mưa, nắng	Tô Thị, Triệu Thị, Trinh	Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam
Danh từ chung			Danh từ riêng													
Chỉ người	Chỉ vật	Chỉ hiện tượng tự nhiên	Tên người	Tên địa lý												
nàng	Phố, chùa, tỉnh, chân, cảnh,	Gió, khói, sương, mưa, nắng	Tô Thị, Triệu Thị, Trinh	Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam												

		trúc, chuông, chày, mặt gương, trời, nước, cơm, bạc, vàng			Thanh, Trần Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ.
- GV chốt câu trả lời đúng.					
<p><i>* Nghe – viết:</i></p> <p>- GV nêu YC nghe viết.</p> <p>- GV đọc nội dung đoạn văn sẽ viết.</p> <p>- GV YC HS nhắc lại cách trình bày đoạn văn .</p> <p>- GV đọc đoạn văn YC HS viết bài.</p> <p>- GV nhận xét 3 – 4 bài viết của HS.</p>	<p>-HS lắng nghe.</p> <p>-2 HS nêu lại.</p> <p>-HS lắng nghe.</p>				
4. Vận dụng, trải nghiệm:					
<p>- Tìm và viết một đoạn văn có chứa danh từ chung và danh từ riêng.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	- HS thực hiện yêu cầu.				

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 3 -4: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Năng lực đặc thù:*

- Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.
- Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.
- Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.
- Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV YC HS nêu lại thế nào là động từ? - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p><i>* Nêu được tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ đã học.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi. - YC HS đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ đã học. - GV chốt câu trả lời. <p><i>* Tìm câu chủ đề trong từng đoạn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS đọc đề bài. - YC HS thảo luận nhóm đôi. - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt câu trả lời. <p><i>* Tìm các động từ trong một đoạn văn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS đọc đề bài. - YC HS hoàn thành bài vào phiếu học tập. - Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời (<i>Nêu tên bài thơ và tên tác giả. Đọc lại được một đoạn thơ hoặc bài thơ đã học.</i>) - HS trao đổi cặp đôi. - 3 – 6 HS đọc. <ul style="list-style-type: none"> -HS lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> -1 HS đọc đề bài. - HS thảo luận nhóm đôi <p>+ Đoạn 1: Biển động.</p> <p>+ Đoạn 2: Những ngày hè đi bên bờ như đi trước cửa gió.</p> <p>+ Đoạn 3: Ngàn ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi để mê toi trong suốt mùa hè.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc đề bài. - HS làm bài vào phiếu học tập (<i>a. động, thét, đập, rít, bay, cắt, và b. đi, đi, mang, thổi, nghe, reo, vỗ, vọng.</i> <i>c. mặc, thích, phơi, soi, đứng,</i>

<p>- GV chốt đáp án. * <i>Tìm thêm 2 – 3 động từ cho mỗi nhóm</i> - YC HS đọc đề bài.</p>					<p><i>ngắm, mê tơi.</i> - HS lắng nghe.</p> <p>-1 HS đọc đề bài.</p>
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
chào	bay	bơi	mọc	trôi	
Trao đổi, học, hỏi, trả lời, suy nghĩ,....	Làm tổ, hút mật, chui, đậu,...	Quầy, nhảy, thở, ăn, đớp, nhìn,...	Nở, đỗ, phát triển, kết trái, đâm chồi,...	Cập bến, đậu, dừng, lật, đắm, chìm, trôi,...	
<p>- Tổ chức cho HS nêu nối tiếp các động từ vừa tìm được. - GV chốt đáp án. * <i>Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn có chứa động từ ở bài tập 4.</i> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV có thể gợi ý cách làm bài cho HS. - YC HS viết đoạn văn. - GV khen ngợi HS và chữa một vài bài HS.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm: - YC đặt câu có chứa động từ. - Nhận xét tiết học.</p>			<p>- HS trả lời</p> <p>- HS nêu</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- 2-3 HS trả lời</p>		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 5: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * Năng lực đặc thù:
 - Biết tóm tắt câu chuyện theo gợi ý.
 - Viết được đoạn mở bài và kết bài cho câu chuyện có sẵn.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS nêu lại cách viết mở bài và kết bài cho bài văn kể chuyện. 2. Luyện tập, thực hành: - GV trình chiếu tranh và YC HS quan sát tranh. - GV YC HS đọc nội dung dưới tranh. - YC HS thảo luận nhóm 4 nhận biết các sự việc có liên quan tới các nhân vật và tóm tắt câu chuyện đảm bảo đủ nội dung. 3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về câu chuyện.	- 2-3 HS đọc và trả lời - HS quan sát và đọc nội dung. - HS thực hiện theo YC của GV. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Tiết 6 – 7: ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 1

TUẦN 10

Tiếng Việt

Đọc: VẼ MÀU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Vẽ màu, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ khi vẽ tranh.
- Nhận biết được màu sắc của các sự vật, cách gọi màu sắc của sự vật trong bài thơ; nhận xét được đặc điểm, cách gọi màu sắc của sự vật cùng những cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Cần trân trọng, phát huy năng lực tưởng tượng, sáng tạo của mỗi cá nhân.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Đọc nối tiếp bài <i>Trước ngày xa quê</i> và trả lời câu hỏi: <i>Vì sao bạn nhỏ không muốn xa quê?</i> - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu chủ điểm: <i>Niềm vui sáng tạo.</i> - Yêu cầu HS quan sát tranh chủ điểm và cho biết tranh nói với em điều gì về chủ điểm? - GV giới thiệu bài: <i>Vẽ màu</i> <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu cả bài hoặc gọi HS đọc (lưu ý đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc, sự khám phá của nhân vật). - Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. - HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: Còn màu xanh chiếu là; Làm mát những rặng cây; Màu nâu này biết không;.. + Đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) - 5HS đọc nối tiếp cả bài thơ. - Cho HS luyện đọc theo cặp. - HS luyện đọc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt. - Gọi HS đọc trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ - HS quan sát và chia sẻ. - HS đọc - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc

<p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ <i>đại ngàn</i>. - Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc và trả lời <i>câu 1: Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ màu sắc của mỗi sự vật (hoa hồng, nắng đêm, lá cây, hoàng hôn, rừng đại ngàn)</i> - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Các khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở những thời điểm nào?</i> - Yêu cầu HS thảo luận nhóm: <i>Theo em, bạn nhỏ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sưng rơi..”?</i> - GV nêu yêu cầu: Nếu được vẽ một bức tranh với đề tài tự chọn, em sẽ vẽ gì? Em chọn màu vẽ nào để vẽ? Vì sao? - GV kết luận, khen ngợi HS <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp, đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài thơ, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của bạn nhỏ với mẹ? Em đã làm gì để thể hiện tình cảm của mình đối với mẹ? - Nhận xét tiết học. - Suru tầm tranh, ảnh các nhạc cụ dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS làm vào phiếu bài tập Hoa hồng – màu đỏ; nắng – màu vàng; đêm – màu đen (mực); lá cây – màu xanh; hoàng hôn – màu tím; rừng đại ngàn – màu nâu. - HS thảo luận và chia sẻ Đáp án: Khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở buổi sáng (bình minh ở khổ 2), buổi chiều tối (hoàng hôn ở khổ 3), buổi đêm (đêm ở khổ 4) - HS trả lời - HS trả lời. - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: BIỆN PHÁP NHÂN HÓA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được khái niệm biện pháp nhân hóa và nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hóa, biện pháp nhân hóa.
- Nói và viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																					
1. Mở đầu: - GV và học sinh cùng múa, hát một bài hát: <i>Cháu vẽ ông mặt trời.</i> - Giới thiệu bài – ghi bài	- HS múa hát																					
2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu: <i>Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dùng để gọi con vật nào? Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?</i> - Bài yêu cầu làm gì? - Gọi 1 HS đọc to các từ in đậm: anh, cô, chú, ả, chị, bác. - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm.	- HS đọc - HS trả lời - HS đọc - HS thảo luận và thống nhất câu trả lời.																					
	<table><tr><td>Stt</td><td>Từ in đậm</td><td>Con vật</td></tr><tr><td>1</td><td>anh</td><td>Chuồn chuồn ớt</td></tr><tr><td>2</td><td>cô</td><td>Chuồn chuồn kim</td></tr><tr><td>3</td><td>chú</td><td>Bọ ngựa</td></tr><tr><td>4</td><td>ả</td><td>Cánh cam</td></tr><tr><td>5</td><td>chị</td><td>Cào cào</td></tr><tr><td>6</td><td>bác</td><td>Giang, dế</td></tr></table>	Stt	Từ in đậm	Con vật	1	anh	Chuồn chuồn ớt	2	cô	Chuồn chuồn kim	3	chú	Bọ ngựa	4	ả	Cánh cam	5	chị	Cào cào	6	bác	Giang, dế
Stt	Từ in đậm	Con vật																				
1	anh	Chuồn chuồn ớt																				
2	cô	Chuồn chuồn kim																				
3	chú	Bọ ngựa																				
4	ả	Cánh cam																				
5	chị	Cào cào																				
6	bác	Giang, dế																				
GV chốt: Tác dụng của các từ hô gọi trên																						

làm cho các con vật trong đoạn văn trở nên sinh động, gần gũi với con người hơn. Đoạn văn viết về những con vật như nói về con người.

Bài 2:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài: *Tìm trong đoạn thơ những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả các vật hoặc hiện tượng tự nhiên.*
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- GV chốt bài

Bài 3:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài: *Trong đoạn thơ, những vật và hiện tượng tự nhiên nào được nhân hóa? Chúng nhân hóa bằng cách nào?*
- HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở

- GV nhận xét: Dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để nói về hoạt động, đặc điểm của vật.

Bài 4:

- Gọi HS nêu yêu cầu: *Đặt 1-2 câu về con vật, cây cối, đồ vật,... trong đó có sử dụng biện pháp nhân hóa.*
- GV yêu cầu HS đặt câu vào vở, đổi vở chia sẻ cặp đôi.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- HS nêu

- HS đọc bài thơ, tìm từ ngữ theo yêu cầu của bài tập.

Bụi tre	Tần ngần, gỡ tóc
Hàng bưởi	Bé lũ con
Chóp	Rạch ngang trời
Sấm	Ghé xuống sân, khanh khách cười
Cây dừa	Sải tay bơi
Ngọn mùng toi	Nhảy múa

- HS đọc

- HS tìm và viết vào vở
Mầm cây *tỉnh giấc*; Hạt mưa *trốn tìm*; Cây đào *lim dim, cười*; Quất *gom nắng*.

- HS đọc yêu cầu

- HS đặt câu.

- Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào?	- 2-3 HS trả lời
- Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN TƯƠNG TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết cách viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Biết thể hiện sự trân trọng những sáng tạo của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV và HS khởi động bằng trò chơi hoặc bài hát. - GV giới thiệu bài.	- HS khởi động.
2. Luyện tập, thực hành: <i>Bài 1: Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu</i> - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập - GV cho HS làm việc nhóm và thực hiện theo yêu cầu.	- HS nêu yêu cầu. - HS thảo luận nhóm
<i>Bài 2: Nếu viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc nghe, em thích viết cách nào?</i> - GV yêu cầu HS đọc 3 cách viết đoạn	- HS đọc

<p>văn tưởng tượng được nêu trong sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2-3 cặp chia sẻ về cách viết đoạn văn tưởng tượng mà em thích, nêu lí do tại sao em thích cách viết đó. - Cả lớp nhận xét, bổ sung. <p>Bài 3: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại những cách viết đoạn văn tưởng tượng được gợi ý ở BT 2. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm, đưa ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng về một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe - GV quan sát, hỗ trợ HS. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu HS: Kể cho người thân nghe một câu chuyện tưởng tượng về loài vật và chia sẻ những chi tiết mà em thích trong câu chuyện đó. - Dặn HS ôn Bài 17 và đọc trước Bài 18. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ - HS nhắc lại. - HS thảo luận nhóm. - HS lắng nghe.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: ĐỒNG CỔ NỞ HOA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đồng cổ nở hoa*.
- Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời nói của các nhân vật Bồng, ông họa sĩ trong câu chuyện với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua điệu bộ, hành động, suy nghĩ,... nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,.. trong việc xây dựng nhân vật.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Đam mê hội họa sẽ đem đến niềm vui cho các bạn nhỏ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS đọc bài <i>Vẽ màu nối tiếp</i> theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Nếu có thời gian rảnh rỗi, em sẽ làm gì? - Vì sao em thích làm việc đó? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới: <i>Đồng cỏ nở hoa</i>	- HS đọc nối tiếp - HS trả lời - HS trả lời - HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức: a. Luyện đọc: - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>xấp tranh, tặc lưỡi, trầm trồ, chóp nhọn,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình tiết quan trọng hoặc những câu nói thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện. - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. - Gọi HS đọc toàn bài. - GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ.	- HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 3 đoạn - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: - GV hỏi: <i>Tài năng hội họa của Bống được giới thiệu như thế nào ở đoạn mở đầu?</i>	- HS trả lời (<i>Tài năng hội họa của Bống được giới thiệu ở đoạn mở đầu: Bống là một cô bé có tài hội</i>

<p>- Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Điều đáng chú ý trong những bức tranh Bống vẽ là gì?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 3: <i>Em hiểu thế nào về nhận xét của ông họa sĩ Phan đối với tranh Bống vẽ: “Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!”?</i></p> <p>- Cho HS làm phiếu cá nhân, rồi chia sẻ cặp đôi.</p> <p>- GV nêu câu hỏi: <i>Những chi tiết nào trong bài cho thấy Bống có trí tưởng tượng rất phong phú?</i></p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu: <i>Em có ấn tượng với nhân vật nào trong các bức vẽ của Bống? Vì sao?</i></p> <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Em có thích vẽ không? Vì sao?</p> <p>- Em cảm thấy thế nào khi mình vẽ đẹp?</p> <p>- GV cùng HS nhận xét và sửa câu.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p><i>họa; Bống rất mê vẽ; Bống vẽ rất tự nhiên như người ta thở, như người ta nhìn, như người ta nghe; ...)</i></p> <p>- HS thảo luận và chia sẻ (<i>Bống vẽ rất giống. Con mèo Két ra con mèo Két. Con chó Lu ra con chó Lu. Cây cau ra cây cau....</i>)</p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm phiếu và chia sẻ.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS trả lời</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN TƯỚNG TƯỢNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã được nghe.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện. - Thi đọc trước lớp - GV giới thiệu ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc yêu cầu và làm bài tập <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. 3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu và làm bài tập <p><i>Câu 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo: tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần. - sáng chế: nghĩ và chế tạo ra cái trước đó chưa từng có. - sáng tác: làm ra tác phẩm văn học nghệ thuật. <p><i>Câu 2:</i> Đặt 1-2 câu với từ ở cột A</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * Năng lực đặc thù:
 - Biết tìm ý cho đoạn văn tường tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã được nghe.
 - Viết được đoạn văn tường tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sách, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>* Chuẩn bị</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>- GV hướng dẫn HS</p> <p>+ Lựa chọn câu chuyện yêu thích</p> <p>+ Lựa chọn một phương án viết đoạn văn tưởng tượng.</p> <p>- GV hướng dẫn trao đổi trong nhóm.</p> <p>* Tìm ý</p> <p>- GV hướng dẫn HS dựa vào kết quả của phần Chuẩn bị để tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng.</p> <p><i>Mở đầu: Giới thiệu tên câu chuyện đã gọi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.</i></p> <p><i>Triển khai: Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn.</i></p> <p><i>Kết thúc: Nêu cảm nghĩ hoặc gọi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.</i></p> <p>* Chỉnh sửa</p> <p>- Gv hướng dẫn HS làm việc nhóm để chia sẻ, chỉnh sửa.</p> <p>- GV gọi 1-2 HS đọc trước lớp</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Em hãy chia sẻ với người thân về những kết quả học tập của mình.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trao đổi trong nhóm.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện nhóm.</p> <p>- HS đọc trước lớp.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

<p>nghe.</p> <p>+ Tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học.</p> <p>+ Nêu suy nghĩ về các phát minh đó hoặc nêu điều em biết về tác giả của các phát minh.</p> <p>- Khen ngợi, động viên học sinh.</p>	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 11

Tiếng Việt

Đọc: THANH ÂM CỦA NÚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Thanh âm của núi*.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây khèn, tiếng khèn, người thổi khèn cùng cảnh vật miền núi Tây Bắc qua lời văn miêu tả, biểu cảm của tác giả.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn những điều em biết về một nhạc cụ dân tộc như khèn, đàn bầu, đàn t'rưng, đàn đá,... - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ - HS đọc

<ul style="list-style-type: none"> - Bài chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>vấn vương, xếp khéo léo,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Đến Tây Bắc,/ bạn sẽ được gặp những nghệ nhân người Mông/ thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lồng gió.;... + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nghe tiếng khèn người Mông: Ai đã một lần lên Tây Bắc, được nghe tiếng khèn của người Mông, sẽ thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng... - Cho HS luyện đọc theo cặp. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: <i>Đến Tây Bắc, du khách thường có cảm nhận như thế nào về tiếng khèn của người Mông?</i> - GV cho HS quan sát hình ảnh cái khèn, yêu cầu HS giới thiệu về chiếc khèn (<i>Vật liệu làm khèn; Những liên tưởng, tưởng tượng gợi ra từ hình dáng cây khèn</i>). - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông?</i> - Đoạn cuối bài đọc muốn nói điều gì về tiếng khèn và người thổi khèn? - Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc. Lựa chọn đáp án đúng. - GV kết luận, khen ngợi HS <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc và đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài chia làm 4 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS trả lời - HS chỉ tranh và giới thiệu - HS thảo luận và chia sẻ - HS trả lời - HS trả lời. (Đáp án C) - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời.
---	--

nước Việt Nam?

- Nhận xét tiết học.

- Suu tầm tranh, ảnh các nhạc cụ dân tộc.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ BIỆN PHÁP NHÂN HÓA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hóa, biện pháp nhân hóa.

- Nói và viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS		
1. Mở đầu: - GV hỏi: Nhân hóa là gì? Đặt 1 câu có sử dụng biện pháp nhân hóa. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.		- 2-3 HS trả lời - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm các vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hóa; chúng được nhân hóa bằng cách nào</i>) - HS thảo luận và thống nhất đáp án		
Đoạn	Hiện tượng được nhân	Cách nhân hóa		
		Gọi vật, hiện	Dùng từ chỉ hoạt	Trò chuyện,

	hóa	tượng tự nhiên bằng những từ ngữ chỉ người	động, đặc điểm của người để kể, tả về vật, hiện tượng tự nhiên	xung hô với vật, hiện tượng tự nhiên như với người
a	chim		mừng, rủ nhau về	
	cào cào		mặc áo xanh, đỏ; giã gạo	
	hạt (lúa)		núu, nhờ	
	gió	chị	mách tin	
b	rặng phi lao		vật vĩa, chao đảo, không... chịu gục, reo hát, chào	Ly vấy tay chào lại: - lớn mau lên, lớn mau lên nhé!
c	chích chòe, khướu, chào mào, cu gáy	thím, chú, anh, bác	nhanh nhẩu, lăm điều, đom dáng, trầm ngâm	

- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu

- GV cùng HS nhận xét.

Bài 2:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS xác định hình ảnh nhân hóa trong đoạn thơ.

- Em thích hình ảnh nhân hóa nào? Vì sao?

- GV khen ngợi HS có cách giải thích thú vị, sáng tạo.

- GV chốt lại tác dụng của biện pháp nhân hóa: giúp cho sự vật, hiện tượng vô tri trở nên sinh động hơn, có hồn hơn, giống với con người, gần gũi với con người hơn.

Bài 3:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.

- Cho HS đặt câu vào vở: 2-3 câu có hình ảnh nhân hóa nói về cảnh vật, hiện tượng tự nhiên.

- Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu.

- HS trả lời

- HS nêu

- HS trả lời (*Các hình ảnh nhân hóa: nàng gà, bà chuối, ông ngô*)

- HS trả lời

- HS lắng nghe

- HS đọc

- HS đặt câu vào vở

- HS thực hiện

- GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào?	- 2-3 HS trả lời
- Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN TƯƠNG TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn tưởng tượng dựa dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Đề bài yêu cầu những gì? + Em chọn câu chuyện nào để viết đoạn văn tưởng tượng? + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS viết đoạn văn dựa vào dàn ý đã lập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bài vào vở.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.
- Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Nhận xét tiết học.
- Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn tưởng tượng mà em viết.

- HS soát lỗi và sửa lỗi.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: BẦU TRỜI MÙA THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Bầu trời mùa thu*.
- Hiểu được nội dung bài: Bầu trời mùa thu nước Nga hiện lên qua cách miêu tả của các bạn nhỏ rất đẹp và thú vị.
- Biết đọc diễn cảm lời của các nhân vật trong câu chuyện; học được cách miêu tả sự vật trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Thanh âm của núi nổi</i> tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông? - Bầu trời đẹp nhất khi nào? Vì sao? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 2-3 HS trả lời - HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	

<p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>tia nắng mặt trời, mặt nước mặt trời,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc. - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Các bạn học sinh được thầy giáo giao cho nhiệm vụ gì? <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm các câu văn tả bầu trời của các bạn nhỏ. - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Em có nhận xét gì về cách miêu tả bầu trời của các bạn nhỏ?</i> - <i>Em có thích những câu văn này không? Vì sao?</i> - GV chốt: đây chính là biện pháp nhân hóa. Cách miêu tả sự vật bằng biện pháp nhân hóa làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người hơn. - <i>Trong bài có rất nhiều câu văn tả bầu trời, em thích câu văn nào nhất? Vì sao?</i> - <i>Theo em vì sao hình ảnh bầu trời trong mỗi bạn nhỏ lại rất khác nhau?</i> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận, khen ngợi HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến <i>để nói về bầu trời.</i> Đoạn 2: Tiếp đến và <i>mỉm cười</i> Đoạn 3: Còn lại - HS đọc nối tiếp <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS luyện đọc <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời (<i>giờ học văn thầy giáo dẫn HS ra cánh đồng vào một buổi sáng mùa thu để quan sát bầu trời và tả bầu trời</i>) - HS nối tiếp nêu - HS thảo luận và chia sẻ (<i>bầu trời có hành động, cử chỉ, cảm xúc, tâm trạng giống với con người</i>) - HS trả lời - HS lắng nghe - HS chia sẻ - HS trả lời (<i>do các bạn quan sát từ các hướng, các góc khác nhau; do có liên tưởng, tưởng tượng khác nhau; do vốn từ khác nhau,...</i>)
--	--

- Tổ chức cho HS viết 1-2 câu tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em.
- Gọi HS đọc câu và hướng dẫn sửa câu.

3. Luyện tập, thực hành:

- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Tìm câu văn sử dụng cả hai biện pháp so sánh và nhân hóa.
- Yêu cầu hoạt động nhóm 4: Đặt câu kể, tả về hiện tượng tự nhiên sử dụng biện pháp nhân hóa.
- GV cùng HS nhận xét và sửa câu.
- Nhận xét tiết học.

- HS viết vào vở

- HS chia sẻ trước lớp

- HS thực hiện

- HS thực hiện

- HS trả lời (Đáp án A)

- Mỗi nhóm đặt 4 câu về 1 hiện tượng tự nhiên, sau đó chia sẻ trước lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được ưu, nhược điểm trong đoạn văn tường tượng.
- Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV trả bài cho HS và nhận xét chung	- HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình.
- Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu.	- HS thực hiện

- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện.	- HS chia sẻ
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về các thành tựu khoa học, công nghệ.

- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV giải thích cho HS hiểu: thông tin khoa học và công nghệ là gì? (<i>Thông tin khoa học và công nghệ là dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được tạo ra trong các hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.</i>)	- HS lắng nghe
- Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm.	- HS đọc
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu	- HS viết phiếu

<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những kiến thức hoặc phát minh khoa học công nghệ em đã đọc. - GV động viên, khen ngợi HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về những thông tin khoa học công nghệ em đọc được từ sách báo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 12

Tiếng Việt

ĐỌC: LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Làm thỏ con bằng giấy*.
- Nhận biết được thông tin quan trọng trong bài: (dụng cụ, vật liệu, các bước làm thỏ con bằng giấy...) Hiểu nội dung khái quát của bài đọc: Những hướng dẫn cụ thể để làm thỏ con bằng giấy.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- Nắm được cấu trúc của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc
- Biết cách sắp xếp các hoạt động khi thực hiện một công việc; biết vận dụng các điều đã được học vào thực tế và chia sẻ với mọi người xung quanh; biết trân trọng những đồ vật do mình tự làm ra.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: Bài cũ: Nêu cảm nghĩ của em về bài đọc trước và nêu 1 chi tiết mà em thích nhất	

<p>trong bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Em biết làm những đồ chơi nào? Chia sẻ với bạn cách làm đồ chơi? - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>nét đứt, trang trí, vui sướng,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Dùng hai mép dán của mỗi hình chữ nhật/ để tạo đầu thỏ/ và thân thỏ;... + Nhấn giọng ở một số từ ngữ chứa thông tin về dụng cụ, vật liệu, cách làm: <u>Dùng hồ dán</u> để tạo....; <u>Dùng bút màu vẽ mắt</u>,.... thân thỏ. - Cho HS luyện đọc theo cặp. <p>b. Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: <i>Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những gì để làm con thỏ bằng giấy?</i> - GV cho HS quan sát hình ảnh những đồ vật, nguyên vật liệu cần chuẩn bị: Băng dính, kéo, giấy trắng giấy màu, kim chỉ, keo dán, kéo... <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Để làm được con thỏ bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính của mỗi bước?</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dựa vào bài đọc, trình bày 1-2 bước làm con thỏ bằng giấy</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ - HS đọc - <i>Bài chia làm 4 đoạn (theo các bước làm con thỏ)</i> - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS trả lời - HS chỉ tranh và giới thiệu - HS thảo luận, ghi kết quả vào vở và chia sẻ (3 bước chính...) Bước 1: Cắt Bước 2: Dán Bước 3: Vẽ - HS trả lời
---	---

Câu 4. Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đến trong bài đọc.

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, quan sát chú thỏ trong tranh và đọc lại các bước làm chú thỏ con bằng giấy.

Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc.

- GV kết luận, khen ngợi HS

3. Luyện tập, thực hành:

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Em hãy nêu lại nguyên liệu, dụng cụ để làm con thỏ bằng giấy?
- Em hãy nêu các bước để làm 1 đồ chơi khác bằng giấy mà em thích?
- Nhận xét tiết học.
- Về nhà làm con thỏ bằng giấy và những đồ chơi bằng giấy mà em biết..

-1 HS đọc câu hỏi.

- HS làm việc nhóm; đại diện nhóm chia sẻ: giới thiệu chú thỏ con về đặc điểm hình thức: Chú thỏ được làm bằng nguyên liệu gì? Hình dáng ra sao? Kích thước thế nào? Chú thỏ bằng giấy gồm những bộ phận gì?... và cách làm chú thỏ: Để làm chú thỏ cần thực hiện mấy bước? Mỗi bước cần làm gì?...

- HS trả lời.

- HS lắng nghe

- HS thực hiện

- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái,...; biết dùng tính từ để miêu tả đặc điểm của sự vật.
- Nhận biết được từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu.
- Nói và viết được câu văn sử dụng tính từ

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV hỏi: So sánh là gì? Đặt 1 câu có sử dụng biện pháp so sánh? - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.		- 2-3 HS trả lời - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm các từ ngữ chỉ mùi, vị, màu sắc, hình dáng, kích thước, âm thanh</i>) - HS làm việc cá nhân; thảo luận và thống nhất đáp án
Vị của quả táo: ngọt, ngọt ngào, ngọt lịm, chua, chát,...	Mùi hương của hoa hồng: thơm, thơm lừng, thơm ngát, thơm phức,...	Kích thước của một chú voi: to, cao, to lớn, to đùng,...
Màu của mặt trời: vàng, cam, đỏ, hồng,...	Hình dáng của cầu vồng: cong, cong cong,...	Âm thanh trong giờ ra chơi: ồn,Ồn ào, âm ĩ, xôn xao,...
- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu - GV cùng HS nhận xét. => <i>Các từ ngữ chỉ mùi, vị, màu sắc, hình dáng, kích thước, âm thanh... của sự vật hay hoạt động, trạng thái được gọi là Tính từ.</i> Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS xác định từ chỉ đặc điểm của		- HS trả lời - HS nêu: Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xếp vào nhóm thích hợp - HS tự trả lời VD: vàng ruộm (là đặc điểm của sự vật “ánh nắng”),

<p>sự vật; từ chỉ đặc điểm của hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xác định đó là đặc điểm của sự vật nào, hoạt động nào? - GV khen ngợi HS có cách giải thích đúng - GV chốt lại: Tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, hạng thái Thế nào là tính từ? Tính từ có tác dụng gì? - Gọi HS đọc ghi nhớ <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS đặt câu vào vở; khuyến khích HS có thể tìm nhiều hơn 2 tính từ (càng nhiều càng tốt). - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p>	<p>nhANH (là đặc điểm của hoạt động “lướt đi “</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời; vàng ruộm, nâu sẫm, đỏ rực, xanh mướt (đặc điểm của <i>nắng</i>) thơm nồng (đặc điểm của <i>cánh đồng</i>), um tùm (đặc điểm của <i>vườn cây</i>), nhỏ xíu, tròn xoe, bé nhỏ (đặc điểm của <i>giọt sương</i>). - nhanh (đặc điểm của hoạt động <i>lướt</i>), thoăn thoắt (đặc điểm của hoạt động <i>đổi màu</i>), kín đáo (đặc điểm của hoạt động <i>nấp</i>), nhẹ nhẹ, chậm rãi (đặc điểm của hoạt động <i>đậu xuống</i>), cao (đặc điểm của hoạt động <i>lên</i>). - HS lắng nghe - HS đọc Đặt câu có sử dụng 1 - 2 tính từ nói về đặc điểm của từng sự vật, hoạt động sau: (Bữa sáng của em; Bộ quần áo em thích; Một hoạt động trong giờ học...) - HS đặt câu vào vở - 3 – 4 HS đọc câu VD: - Bữa sáng của em thơm phức, ngon lành, nóng hổi, giòn tan... - Bộ quần áo em thích phẳng phiu, mềm mại, thơm tho; (áo) trắng tinh, (quần) xanh thẫm; - Một hoạt động trong giờ học: Hoạt động đóng kịch rất vui nhộn, thú vị/lâu/nhanh
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - Chơi trò chơi: Đoán đồ vật. - GV nêu trò chơi và luật chơi - GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm hoặc cử 2 nhóm đại diện chơi với nhau - GV tổng kết trò chơi và khen ngợi các đội chơi đoán đúng và nhanh. 	- HS thực hiện
--	----------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được cấu trúc của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc
- Viết được đoạn văn hướng dẫn các hoạt động khi thực hiện một công việc; biết vận dụng các điều đã được học vào thực tế và chia sẻ với mọi người xung quanh; biết trân trọng những đồ vật do mình tự làm ra.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu các bước để làm con thỏ bằng giấy? <p>=> Để tìm hiểu cấu trúc và nội dung của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc, chúng ta học bài hôm nay...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 	- 2-3 HS trả lời
2. Luyện tập, thực hành:	

a/ GV yêu cầu HS đọc bài hướng dẫn và thực hiện yêu cầu.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.
- GV lưu ý HS đọc kỹ bài hướng dẫn và phân tích các phần của bài viết theo đánh dấu trong SHS.

GV: Bài viết hướng dẫn làm chú nhé ọ bằng lá gồm các phần:

- Phần chuẩn bị
- Phần hướng dẫn thực hiện có hai bước:
 - + Bước 1: Dùng kéo cắt hoặc dùng tay xé hai đường chéo theo gân lá
 - + Bước 2: Cuộn phần lá hai bên lại thành hình tròn....

=> Nêu cấu trúc và nội dung của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc?

b/ Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

- GV có thể chốt các ý mà HS cần nhớ khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

+ Cấu trúc bài viết: chuẩn bị, các bước thực hiện.

+ Cách trình bày: trật tự các bước thực hiện được trình bày rõ ràng, cân đối.

+ Từ ngữ diễn đạt: ngắn gọn, súc tích, đủ thông tin, rõ ràng, mạch lạc.

=> Ghi nhớ (SGK)

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Nhận xét tiết học.

- Thực hiện theo hướng dẫn

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc bài hướng dẫn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi.

+ Bước 3: Đại diện 2-3 nhóm phát biểu trước lớp

- HS trao đổi nhóm 4 theo hướng dẫn của GV; tìm thêm những điểm cần lưu ý, cần biết, cần thể hiện trong bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

- Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

- HS đọc to ghi nhớ về bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

- HS lắng nghe.

- Tìm đọc bài viết hướng dẫn cách làm một đồ chơi đơn giản và cùng người thân làm đồ chơi đó. (GV khuyến khích HS mang đồ chơi đã làm đến lớp để giới thiệu với bạn bè ở buổi học sau.)	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ (4 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bức tường có nhiều phép lạ*. Biết đọc diễn cảm các từ ngữ và các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

- Hiểu được nội dung bài; Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để làm một bài văn nói chung và văn miêu tả nói riêng, chúng ta cần phối hợp giữa quan sát thực tế và tưởng tượng, tái hiện lại những hình ảnh đã từng gặp trong trí nhớ.

- Biết đọc diễn cảm lời của các nhân vật trong câu chuyện;

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS đọc bài <i>Làm thỏ con bằng giấy</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: SGK	- HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 2-3 HS trả lời

- GV nhận xét
- *Hãy nói về một điều tưởng tượng mà em mong là có thật => Tranh minh họa => Giới thiệu bài mới.*

2. Hình thành kiến thức:

a. Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Bài có thể chia làm mấy đoạn?
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (*tả lại, nhìn thẳng, phép lạ, đúng lúc...*)
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.
- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc.
VD: *Quy ngồi vào bàn,/ nhìn lên bức tường/ và thấy chiếc thuyền giấy trôi bồng bềnh giữa sân,/ những vai áo ướt sũng nước mưa của người đi cày/ những hạt mưa đan nhau rơi xuống rào rào.*
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.
- b. Tìm hiểu bài:
- GV hỏi: **Câu 1.** *Tìm chi tiết tả không gian nơi Quy đang ngồi học?*

- Yêu cầu thảo luận theo cặp:

Câu 2. *Hành động và suy nghĩ nào của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn?*

Câu 3. *Điều gì khiến Quy nghĩ bức tường*

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài chia làm 3 đoạn:
Đoạn 1: từ đầu đến *bảo Quy cách làm bài*
Đoạn 2: Tiếp đến *trời đang nắng thì mưa*
Đoạn 3: Còn lại
- HS đọc nối tiếp

- HS lắng nghe

- HS luyện đọc

- HS trả lời (*Chi tiết tả không gian Quy ngồi học: Quy nhìn lên bức tường trước mặt. Màu vôi xanh mát hiện ra như tấm màn ảnh rộng*)
- HS thảo luận N4 và chia sẻ:
+*Hành động:* Quy chống tay, tì má, đọc nhẩm đề bài tập làm văn, thở dài
+*suy nghĩ:* Trời thì nắng mà bài văn lại yêu cầu tả mưa.
- HS thảo luận N4 và chia sẻ:

vôi xanh có phép lạ?

Câu 4. *Vì sao bố kể cho Quy nghe về những trận mưa?*

Câu 5. *Theo em, vì sao Quy có thể làm được bài văn mà không cần nhìn bức tường có nhiều phép lạ nữa?*

- Nhận xét, bổ sung, khen ngợi HS
- GV kết luận: Như vậy, để làm một bài văn miêu tả, đầu tiên cần phải quan sát và ghi nhớ những điều mình đã quan sát, sau đó tái hiện trong đầu, kết hợp với tưởng tượng, dùng ngôn ngữ để tả lại những gì được tái hiện. Việc quan sát là vô cùng quan trọng khi muốn làm một bài văn miêu tả tốt.

3. Luyện tập, thực hành:

- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.

4. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1: Tìm 3- 5 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật hoặc hoạt động có trong bài Bức tường có nhiều phép lạ.

Vì Quy quan sát thấy bố thường tỉ mỉ cầm lên tay, nhìn vào bức tường một hồi rồi cầm bút viết lia lịa, nên Quy nghĩ bức tường có phép lạ, có thể gợi ý cho bố cách viết văn.

- HS thảo luận N2, chọn đáp án và giải thích

Đại diện nhóm trình bày: Đáp án: c. *Vì bố muốn gợi cho Quy nhớ lại những trận mưa mà Quy đã gặp.*

-HS thảo luận N4, có thể ghi chép câu trả lời dưới dạng Sơ đồ tư duy

- Đại diện nhóm trình bày: Quy làm văn mà không cần nhìn vào bức tường có nhiều phép lạ. Vì Quy đã hiểu ra cách làm một bài văn tả cơn mưa là cần dựa vào những gì mình đã quan sát và ghi nhớ được, sau đó kết hợp với trí tưởng tượng và dùng từ ngữ để thể hiện những điều đó.

- HS thực hiện
- HS thực hiện

- Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: *xanh mát, rông, tài, bé tí,...*
- Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: (nhìn) *thẳng*, (viết) *lia lịa*,

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

Câu 2: Viết 2-3 câu tả một cơn mưa, trong đó có sử dụng tính từ tả tiếng mưa.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Để làm một bài văn miêu tả em cần chú ý những gì?

- GV cùng HS nhận xét và sửa câu.
- Nhận xét tiết học.

(trôi) *bồng bênh*, (rơi) *rào rào*, *cầm cúi* (viết)...

- HS làm việc các nhân. HS xung phong chữa bài.

VD: Cơn mưa ào đến, tiếng mưa rào rào/đồm độp/ lộp bộp trên mái tôn.

- Tiếng mưa tí tách suốt ngày đêm

- Để làm một bài văn miêu tả, đầu tiên cần phải quan sát và ghi nhớ những điều mình đã quan sát...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được cấu trúc, nội dung hướng dẫn thực hiện một công việc
- Biết cách viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích đúng cấu trúc, rõ nội dung, các bước mạch lạc dễ thực hiện.
- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống để đem lại niềm vui cho chính bản thân và mọi người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành:	- Đọc và phân tích đề bài: Viết

<p>- Đọc và phân tích đề bài.</p> <p>* Chuẩn bị</p> <p>- GV giúp HS chọn đồ chơi để viết hướng dẫn</p> <p>- GV tổ chức cho HS chia sẻ sau khi thảo luận</p> <p>* Lập dàn ý.</p> <p>- GV phân tích dàn ý.</p> <p>=> dàn ý cho bài văn hướng dẫn các bước làm một đồ chơi yêu thích cần trình bày được hai nội dung chính:</p> <p>+ Dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị để làm đồ chơi.</p> <p>+ Hướng dẫn thực hiện: kể lại các bước hướng dẫn làm đồ chơi theo trình tự, mỗi bước có thể gồm một số việc.</p> <p>* Viết hướng dẫn theo dàn ý đã lập.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân.</p> <p>- GV lưu ý HS một số điểm khi viết hướng dẫn các bước làm đồ chơi:</p> <p>+ Trước khi viết, em cần quan sát chi tiết từng bước làm đồ chơi xem mỗi bước có</p>	<p>hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Bạn chọn đồ chơi nào để viết hướng dẫn?</p> <p>+ Đồ chơi đó được làm bằng gì?</p> <p>+ Cần chuẩn bị dụng cụ, vật liệu gì để làm đồ chơi?</p> <p>+ Khi làm đồ chơi, cần thực hiện những bước nào?</p> <p>- HS chia sẻ</p> <p>- HS đọc thầm dàn ý được gợi ý trong SHS.</p> <p>- HS làm việc cá nhân: lập dàn ý</p> <p>- HS thảo luận nhóm, mỗi cá nhân trình bày dàn ý cho bài văn viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi em yêu thích mà mình xây dựng dựa vào gợi ý.</p> <p>-Đại diện 1-2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp</p> <p>1 - 2 HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS làm việc cá nhân: viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi em yêu thích theo dàn ý đã lập</p>
--	---

<p>những hoạt động nào, sử dụng những vật liệu và dụng cụ nào.</p> <p>+ Cần sử dụng dấu hiệu phù hợp để chỉ ra trình tự các bước làm đồ chơi như chữ số (1, 2, 3,...) hoặc chữ cái (a, b, c,)</p> <p>- GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong quá trình viết.</p> <p>* Đọc soát và chỉnh sửa</p> <p>- GV hướng dẫn</p> <p>- GV và HS nhận xét, khen ngợi các bài viết hay.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những cách làm đồ chơi em muốn học tập.</p> <p>- Về nhà làm đồ chơi theo hướng dẫn</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p>- HS làm việc nhóm để đọc rà soát và chỉnh sửa bài viết cho nhau về cách trình bày các bước, cách dùng từ, đặt câu.</p> <p>- Một số HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- HS thực hiện</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nghe hiểu câu chuyện *Nhà phát minh và bà cụ*, kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời GV kể).
- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống để đem lại niềm vui cho chính bản thân và mọi người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu: GTB</p> <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>* Nghe kể chuyện và ghi lại những sự việc chính.</p> <p>+ GV giới thiệu nhân vật Ê-đi-xon và bà cụ trong câu chuyện.</p> <p>+ GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ tranh</p> <p>+ GV kể câu chuyện (lần 2)</p> <p>=> Em ấn tượng nhất với sản phẩm nào do Ê-đi-xon tạo ra?</p> <p>- Tổ chức cho HS ghi lại những sự việc chính của câu chuyện</p> <p>* Kể lại câu chuyện.</p> <p>- GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS cách thực hiện</p>	<p>- HS đọc yêu cầu 1.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Dựa vào tranh và phần kê chuyện của GV, HS ghi lại những sự việc chính của câu chuyện.</p> <p>+ Sự việc 1: Mọi người đến xem đèn điện do Ê-đi-xon chế tạo ra.</p> <p>+ Sự việc 2: Ê-đi-xon nói chuyện với bà cụ và nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện.</p> <p>+ Sự việc 3: Ê-đi-xon đang chế tạo, làm lốp xe điện.</p> <p>+ Sự việc 4: Ê-đi-xon và bà cụ đang ngồi trên xe điện, khuôn mặt bà cụ rất vui tươi.</p> <p>- Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp</p> <p>- HS viết phiếu</p> <p>+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và tập kể lại đoạn đó</p> <p>+ Bước 2: HS tập kể trong nhóm (nhóm 4) và nghe các bạn góp ý.</p> <p>+ Bước 3: 1 - 2 HS kể trước lớp theo đoạn hoặc cả câu chuyện.</p>

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Độc: Bét-tô-ven và Bản xô-nát Ánh trắng

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bét-tô-ven và bản xô-nát “Ánh trăng”*.

- Biết đọc diễn cảm với giọng kể ca ngợi, khâm phục tài năng và lòng nhân ái của nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại Bét-tô-ven. Biết đọc diễn cảm lời người dẫn chuyện.

- Hiểu được điều muốn nói qua câu chuyện: *Bản xô-nát Ánh trăng* được ra đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét-tô-ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
* Trò chơi: <i>Đoán tên bài hát thiếu nhi.</i>	
- GV mở 1 đoạn nhạc, yêu cầu HS đoán tên bài hát, tên tác giả. (3-5 bài)	- HS thực hiện.
+ Em hãy hát lại bài hát cho cả lớp cùng nghe.	- HS thực hiện.
- GV nhận xét tổng kết trò chơi.	- HS chia sẻ
- GV chiếu hình ảnh nhà soạn nhạc Bét-tô-ven.	- HS quan sát.
+ Đố em, đây là ai?	- HS nêu
- GV giới thiệu - ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc.
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS nêu.

- Bài chia làm 4 đoạn. Mỗi lần chấm xuống dòng là 1 đoạn.	- HS đánh dấu SGK.
* Đọc nối tiếp đoạn	- Đọc nối đoạn theo dãy (1-2 lần)
* Hướng dẫn đọc từng đoạn	- HS thảo luận nhóm 4 cách đọc từ khó, câu dài, cách đọc đoạn..
	- HS chia sẻ.
Dự kiến Đoạn 1 - Đọc đúng: <i>Bét-tô-ven, nổi tiếng, xô-nát Ánh trăng</i>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Hiểu nghĩa từ ngữ: <i>Xô-nát</i>	- HS đọc chú giải.
- Cách đọc đoạn 1: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó.	- HS đọc đoạn 1
Đoạn 2	
- Đọc đúng: <i>Đa-nuýp, lấp lánh, tĩnh lặng</i>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Ngắt câu: <i>Thấy Bét-tô-ven./người cha đau khổ chia sẻ rằng:/Con gái....nhất/là Đa-nuýp.//</i>	- HS đọc câu dài.
- Giới thiệu: <i>Sông Đa-nuýp, Viên.</i>	- HS đọc chú giải.
- Cách đọc đoạn 2: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 2
Đoạn 3+4	
- Đọc đúng: <i>thiếu nữ, nốt nhạc, lung linh</i>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Ngắt câu: <i>Xúc động....cha/ dành....mù,...đàn,/ngồi....chơi.//</i>	- HS đọc câu dài.

- Cách đọc đoạn 3: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 3 +4
* Cho HS luyện đọc theo nhóm 2.	- HS thực hiện.
* Đọc cả bài	
- Hướng dẫn đọc cả bài: Cả bài đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng dấu câu.	- 2- 3HS đọc -> Nhận xét.
b. Tìm hiểu bài:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 nói cho nhau nghe câu hỏi 1	- HS thực hiện.
+ Đoạn mở đầu giới thiệu những gì về Bét-tô-ven? <i>(Đoạn đầu giới thiệu Bét - tô - ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại trên thế giới và là tác giả của Bản xô-nát Ánh trăng nổi tiếng.)</i>	- HS nêu.
+ Em hiểu “ soạn nhạc ” có nghĩa là gì? <i>(là sáng tác âm nhạc)</i>	- HS nêu.
+ Em hiểu “ nhạc cổ điển ” là như thế nào? <i>(Nhạc cổ điển được xuất hiện từ rất sớm vào từ những thời Trung Cổ. Nhạc cổ điển Châu Âu gắn liền với quá trình phát triển, tiến trình lịch sử cũng như gắn với các giai đoạn phát triển của xã hội Phương Tây)</i>	- HS nêu.
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2 để trả lời câu hỏi 2.	- HS thực hiện.
+ Thảo luận nhóm đôi và cho biết: Bét-tô-ven đã gặp cha con cô gái mù trong hoàn cảnh nào? <i>(Vào một đêm.....thành Viên. Bỗng.....lao đông, nơi có cha con cô gái mù. Người cạch đang chăm chú...chơi đàn.)</i>	- HS thảo luận nhóm đôi.
	- HS chia sẻ.
+ Cô gái mù có ước mơ gì?	- HS nêu.

+ Tâm trạng của người cha như nào khi chia sẻ về ước mơ của con gái?	- HS nêu.
+ Bét-tô-ven đã làm gì để giúp cô gái thực hiện ước mơ của mình? <i>(Bét-tô-ven đến bên cây đàn, ngồi xuống và chơi. Những nốt nhạc của nhà soạn nhạc thiên tài đã khiến cho cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp. Cô đã thực hiện được ước mơ của mình.)</i>	- HS nêu.
+ Thảo luận nhóm đôi tìm những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven đã dành tặng cô gái mù? <i>(Những nốt nhạc.....ánh trăng)</i>	- HS thảo luận nhóm đôi.
	- HS báo cáo.
Mức 4 + Theo em vì sao bản nhạc Bét-tô-ven dành tặng cô gái mù lại có tên là “Bản xô-nát Ánh trăng”? <i>(Vì bản nhạc được sáng tác trong một đêm trăng. Vì bản nhạc nhẹ nhàng, êm ái như một ánh trăng. Vì bản nhạc đưa cô gái mù đến với thế giới huyền ảo, lung linh ngập tràn ánh trăng...)</i>	- HS nêu.
+ Qua câu chuyện em thấy Bét-tô-ven là một nhà soạn nhạc như thế nào? <i>(Bét-tô-ven không chỉ là một nhà soạn nhạc vĩ đại, tài năng mà ông còn là người giàu lòng nhân ái....)</i>	- HS nêu.
+ Em thấy âm nhạc có sức mạnh như nào? <i>(Âm nhạc giúp con người ta cảm thấy vui vẻ, yêu đời....)</i>	- HS nêu.
+ Câu chuyện cho em biết điều gì?	- HS nêu
=> Nội dung bài: <i>Bản xô-nát Ánh trăng</i> được ra	- 2-3HS nhắc lại

đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét-tô-ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn.	
3. Luyện tập, thực hành:	
<p>- Hướng dẫn đọc diễn cảm: Đọc nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật:</p> <p>+ <i>Đứng trên cầu, ông <u>say sưa</u> ngắm....tĩnh lặng.</i></p> <p>+ <i><u>Xúc động</u> trước.... <u>đến bên cây đàn, ngồi xuống</u> và <u>bắt đầu chơi</u>.</i></p>	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, thi đọc.	- HS thực hiện.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Mời HS cùng nghe một đoạn trong bản nhạc: <i>Bản xô-nát Ánh trăng.</i>	- HS lắng nghe.
+ Nêu cảm nhận của em về đoạn nhạc?	- HS nêu.
+ Ngoài <i>Bản xô-nát Ánh trăng</i> em còn biết ông có bản nhạc nổi tiếng nào nữa không?	- HS trả lời.
- GV giới thiệu một số bản nhạc nổi tiếng của Bét-tô-ven (<i>bản giao hưởng số 3, số 5, số 9...</i>)	- HS lắng nghe.
+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học?	- HS nêu

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Luyện từ và câu: Luyện tập về tính từ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm vững kiến thức về tính từ, các loại tính từ; xác định được các tính từ trong câu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
+ Tính từ là gì? Lấy ví dụ?	- HS nêu.
+ Từ bạn vừa nêu là từ chỉ đặc điểm của sự vật hay từ chỉ đặc điểm của	- HS nêu.

hoạt động?	
- Nhận xét, tuyên dương.	
- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
	- 1HS đọc cả bài <i>Bét-tô-ven</i> và <i>Bản xô-nát Ánh trăng</i> .
+ Tìm tính từ trong bài đọc theo mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?	- HS nêu.
	- HS làm vở bài tập.
	- HS soi bài, nhận xét.
- GV chốt kết quả: <i>/ Tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc: êm ái, nhẹ nhàng, mạnh mẽ.</i> <i>/ Tính từ chỉ đặc điểm của dòng sông: xinh đẹp, lấp lánh.</i>	- HS lắng nghe.
=> <i>Chốt</i> : Tính từ là những từ chỉ gì?	- HS nêu.
Bài 2	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
	- HS làm vở.
* Chữa bài: Trò chơi: <i>Tiếp sức</i>	
- GV nêu luật chơi.	- HS lắng nghe.
	- HS chơi.
- GV và HS tổng kết, tuyên dương đội	

tháng cuộc.	
+ Các từ cần điền là các từ chỉ gì? Thuộc từ loại nào? (<i>Là các tính từ chỉ đặc điểm.</i>)	- HS nêu.
+ Đọc lại các câu thành ngữ?	- HS đọc.
+ Em hiểu câu thành ngữ: <i>hiền như bụt</i> là như thế nào?	- HS nêu.
=> <i>Chốt:</i> Đây là những câu thành ngữ có nội dung so sánh nói về đặc điểm, tính cách của sự vật.	- HS lắng nghe.
+ Ai biết thêm câu thành ngữ, tục ngữ nào khác có chứa các tính từ trong bài? (<i>Hiền như đất. Trắng như trứng gà bóc....</i>)	- HS nêu.
Bài 3	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu phần a.	- HS thảo luận.
	- Đại diện nhóm báo cáo.
	- HS nhận xét, bổ sung.
- GV chốt đáp án đúng: ./ Tính từ chỉ màu xanh: <i>xanh, xanh mát, xanh ngắt.</i> ./ Mỗi tính từ đó dùng để tả đặc điểm của các sự vật khác nhau: Tính từ <i>xanh</i> chỉ đặc điểm của tre, lúa, ước mơ. Tính từ <i>xanh mát</i> chỉ đặc điểm của dòng sông. Tính từ <i>xanh ngắt</i> chỉ đặc	- HS lắng nghe.

điểm của bầu trời mùa thu.	
=> <i>Chốt:</i> Cùng có đặc điểm là xanh nhưng mỗi sự vật khác nhau lại có mức độ xanh khác nhau. Các em chú ý quan sát kĩ đặc điểm của từng sự vật để dùng từ miêu tả chính xác.	
- GV yêu cầu HS nêu yêu cầu phần b?	- HS nêu.
+ Hãy thực hiện yêu cầu phần b vào vở.	- HS làm vở.
	- HS soi bài nhận xét.
+ Khi viết câu cần lưu ý gì? (<i>Viết hoa chữ cái đầu câu. Cuối câu có dấu chấm.</i>)	- HS nêu.
=> <i>Chốt:</i> Tính từ là các từ chỉ gì?	- HS nêu.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Hãy nêu 2-3 câu để nhận xét về một bạn em yêu quý trong lớp của em?	- HS thực hiện.
+ Trong câu của em có những tính từ nào?	- HS nêu.
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.
- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: Tìm hiểu cách viết đơn.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết cách trình bày đúng hình thức một lá đơn với nội dung cụ thể.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
+ Em đã được đọc lá đơn hay viết đơn bao giờ chưa? (Đơn xin vào Đội...)	- HS nêu.
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi tên bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
	- 1HS đọc to lá đơn.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời 4 câu hỏi trong bài.	- HS thực hiện.
	- Đại diện các nhóm báo cáo.
	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV chốt đáp án đúng trên màn hình: <i>./ Đơn trên được viết nhằm mục đích xin tham gia Câu lạc bộ Sáng tạo.</i>	- HS đọc.
<i>./ Đơn do bạn Vũ Hải Nam viết gửi cho Ban Giám hiệu Trường Tiểu học Trung Hòa.</i>	
<i>./ Người viết đã giới thiệu bản thân, nêu lí do viết đơn, lời hứa, lời cảm ơn.</i>	
<i>./ Đơn gồm: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi nhận đơn, nội dung đơn, địa điểm và thời gian viết đơn, chữ kí và họ tên người viết đơn.</i> <i>./ Các mục trên được sắp xếp theo một trật tự nhất định.</i>	
Bài 2	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 trả lời 2 câu hỏi trong bài.	- HS thực hiện.
+ Khi viết đơn, hình thức của đơn cần lưu ý gì? (<i>đơn viết theo khuôn mẫu, có tiêu ngữ, tên đơn, thông tin về người viết, người nhận đơn (người viết đơn cần kí và ghi rõ họ tên), người nhận đơn có thể là cá nhân hoặc tập thể.</i>)	- Đại diện nhóm báo cáo.
+ Đọc phần tiêu ngữ trong đơn của bạn Vũ Nam Hải?	- HS đọc.
+ Xác định tên đơn của bạn?	- HS đọc.

+ Nêu thông tin của người viết đơn, người nhận đơn?	- HS đọc.
+ Khi viết nội dung của đơn cần lưu ý gì? <i>(Nội dung của đơn cần ghi đầy đủ thông tin. 1. Giới thiệu thông tin về bản thân (Họ và tên, các thông tin khác: tuổi, lớp, trường...) 2. Lí do viết đơn (cần trình bày cụ thể) 3. Lời hứa. 4. Lời cảm ơn.</i>	- HS nêu.
+ Nêu nội dung đơn của bạn Vũ Nam Hải?	- HS nêu.
+ Trong một lá đơn phần nào không được thay đổi? <i>(Tiêu ngữ)</i>	
+ Phần nào trong đơn được thay đổi? <i>(Nội dung đơn)</i>	- HS nêu.
=> Chốt: Khi viết bất kì lá đơn nào cũng cần trình bày đúng quy trình.	
- GV chiếu ghi nhớ.	- HS đọc ghi nhớ/104.
3. Vận dụng, trải nghiệm	
- Trao đổi với người thân về một tình huống cần viết đơn. <i>(đơn xin nghỉ ốm, đơn xin tham gia câu lạc bộ sinh hoạt hè....)</i>	- HS thực hiện.
+ Nêu cảm nhận sau tiết học?	- HS nêu.
- GV nhận xét chung.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

Độc: Người tìm đường lên các vì sao

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện “Người tìm đường lên các vì sao”.

- Đọc diễn cảm với giọng điệu ca ngợi, khâm phục nhà khoa học, đọc đúng lời thoại của các nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: *Nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 40 năm của nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki để thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao.*

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Kể tên hoặc nói những điều em biết về một nhà khoa học? - GV lưu ý với HS: Giới thiệu cho cả lớp biết em biết hoặc đọc những thông tin về nhà khoa	- HS kể.

<p>học đó ở đâu?</p> <p>(VD: 1. Aristotle sinh năm 384 trước Công Nguyên tại Stagira. Là nhà triết học vĩ đại thời Hy Lạp cổ đại, người có kiến thức rộng lớn trong lĩnh vực khác nhau. Ông đã có nhiều đóng góp to lớn trong vật lý, thi ca, động vật học, logic, hùng biện, chính trị, chính quyền, đạo đức, và sinh học của nền văn minh con người thời cổ đại. Ông nổi tiếng với câu nói: “Không thể trở nên thực sự tốt nếu không có trí tuệ hoặc không thể thực sự khôn ngoan nếu không có phẩm hạnh đạo đức.”</p> <p>2. Isaac Newton (1643-1727) đưa ra thuyết vạn vật hấp dẫn khi bị quả táo rơi vào đầu.</p> <p>3. Galile được coi là cha đẻ của thiên văn học, cha đẻ của vật lý và là cha của khoa học Và đóng góp nổi tiếng nhất của ông là phát minh ra kính viễn vọng.</p> <p>4. Thomas Edison (1847-1931, Hoa Kỳ) là nhà phát minh vĩ đại bởi ông đã có hơn 1000 bằng sáng chế và phát minh của mình trong các lĩnh vực khác nhau được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Phát minh đầu tiên của ông là một chiếc máy điện báo, xe chạy bằng điện báo...)</p>	
<p>- GV chiếu hình ảnh pháo thăng thiên, tên lửa nhiều tầng, tàu vũ trụ phóng lên không trung.</p>	<p>- HS quan sát.</p>
<p>- GV chiếu hình ảnh Xi-ôn-cốp-xki.</p>	<p>- HS quan sát.</p>
<p>- GV giới thiệu - ghi bài.</p>	
<p>2. Hình thành kiến thức:</p>	
<p>a. Luyện đọc:</p>	
<p>- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.</p>	<p>- HS đọc.</p>
<p>- Bài chia làm mấy đoạn?</p>	<p>- HS nêu.</p>
<p>- GV chốt: Bài chia làm 4 đoạn:</p> <p>Đoạn 1: Từ nhỏ....bay được.</p>	<p>- HS đánh dấu SGK.</p>

<p><i>Đoạn 2: Để tìm hiểu....chỉ tiết kiệm thôi.</i></p> <p><i>Đoạn 3: Đúng là....các vì sao.</i></p> <p><i>Đoạn 4: Còn lại</i></p>	
* Đọc nối tiếp đoạn	- Đọc nối đoạn theo dãy (1-2 lần)
* Hướng dẫn đọc từng đoạn	- HS thảo luận nhóm 4 cách đọc từ khó, câu dài, cách đọc đoạn..
	- HS chia sẻ.
<p><i>Dự kiến</i></p> <p>Đoạn 1</p> <p>- Đọc đúng: <i>Xi-ôn-cốp-xki, nảy ra, non nớt.</i></p>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Cách đọc đoạn 1: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó.	- HS đọc đoạn 1
Đoạn 2	
- Ngắt câu: <i>Cậu làm....sách/ và dụng cụ...như thế?//</i>	- HS đọc câu dài.
- Cách đọc đoạn 2: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 2
Đoạn 3	
- Đọc đúng: <i>quanh năm, nản chí, tên lửa</i>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Ngắt câu: <i>Được gợi ý...thiên, sau này,/ ôngnhiều tầng/...vì sao.//</i>	- HS đọc câu dài.
- Hiểu nghĩa từ: <i>Khí cầu, Sa hoàng</i>	- HS đọc chú giải.
- GV chiếu hình ảnh <i>khí cầu</i> .	- HS quan sát.

- Cách đọc đoạn 3: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở đầu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 3.
Đoạn 4	
- Đọc đúng: <i>tâm niệm</i>	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Cách đọc đoạn 4: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở đầu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 4.
* Cho HS luyện đọc theo nhóm 2.	- HS thực hiện.
* Đọc cả bài	
- Hướng dẫn đọc cả bài: Cả bài đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng đầu câu.	- 2- 3HS đọc -> Nhận xét.
b. Tìm hiểu bài:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1,2 để trả lời câu hỏi 1	- HS thực hiện.
+ Chi tiết nào cho thấy từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã ham tìm tòi, khám phá. (<i>Từ nhỏ....hàng trăm lần</i>)	- HS nêu.
+ Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào? (<i>Quanh năm ông chỉ ăn bánh mì.....</i>)	- HS nêu.
+ Xi-ôn-cốp-xki không ngại khó khăn gian khổ để theo đuổi ước mơ trong một thời gian rất dài. Điều đó cho thấy ông là người như thế nào? (<i>Ông là người có ước mơ và có lòng quyết tâm, kiên trì theo đuổi ước mơ của mình</i>)	- HS nêu.
- GV giới thiệu thêm: <i>Xi-ôn-cốp-xki là nhà khoa học người Nga (1857-1935). Ông từng là giáo viên toán tại một trường trung học. Ông là một nhà khoa học, một nhà nghiên cứu, người đặt nên móng chongành du hành vũ trụ hiện đại. Ngoài ra ông còn biết đến với vai trò là nhà sáng chế tên lửa của nước Nga, là người</i>	- HS lắng nghe.

<i>tiên phong trong nghiên cứu lý thuyết du hành vũ trụ...</i>	
+ Những nghiên cứu, tìm tòi của Xi-ôn-cốp-xki đã đem lại kết quả gì? (<i>Xi-ôn-cốp-xki đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại, đề xuất mô hình tên lửa nhiều tầng trở thành một phương tiện bay tới các vì sao và ông đã thực hiện được những điều ông hằng tâm niệm: “Các vì sao không phải để tôn thờ mà là để chinh phục”</i>)	- HS thực hiện.
+ Theo em, nhan đề “Người tìm đường lên các vì sao” muốn nói điều gì?	- HS thảo luận nhóm đôi.
	- HS chia sẻ.
- GV chiếu nội dung câu chuyện: <i>Ca ngợi ý chí, nghị lực, lòng say mê khoa học của Xi-ôn-cốp-xki. Kết quả nghiên cứu của ông đã góp phần tạo nên phương tiện bay tới các vì sao. Nhờ có phát minh này, ngày nay con người có cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu về những hành tinh ngoài Trái Đất</i>	- HS nhắc lại.
+ Nếu trở thành một nhà khoa học, em muốn sáng chế những gì? Vì sao?	- HS nêu.
- GV nhận xét, tuyên dương HS có những ý tưởng sáng tạo.	
3. Luyện đọc lại:	
- Hướng dẫn đọc diễn cảm: Đọc nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện hành động quyết tâm của nhân vật: + <i>Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì, ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến</i>	- HS lắng nghe.

<u>hàng trăm lần.</u>	
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, thi đọc.	- HS thực hiện.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Luyện tập theo văn bản:	
Câu 1: Tìm những tính từ nêu phẩm chất của nhà khoa học? (<i>miệt mài, thông thái, thông minh, kiên trì...</i>)	- HS nêu.
Câu 2:	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm vở.
	- HS soi bài, đọc nội dung.
+ Khi viết câu em cần lưu ý gì?	- HS nêu.
5. Vận dụng, trải nghiệm	
+ Hãy kể cho các bạn nghe về ước mơ của mình?	- HS kể.
+ Để đạt được ước mơ em sẽ làm gì?	- HS nêu.
+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học?	- HS nêu cảm nhận sau tiết học.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: Viết đơn (Tiết 1)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Dựa vào mẫu đơn đã học, HS viết được đơn theo yêu cầu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
+ Nêu hình thức trình bày một lá đơn?	- HS nêu.
+ Khi viết đơn, nội dung nào có thể thay đổi, nội dung nào không được thay đổi?	- HS nêu.
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi tên bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV chiếu 2 đề viết đơn.	- HS đọc.
+ Em chọn đề nào để viết đơn?	- HS nêu.
- GV yêu cầu HS đọc lại mẫu đơn trong hoạt động Viết ở Bài 23, viết đơn theo yêu cầu em đã chọn.	- HS viết bài vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	

+ Một lá đơn gồm những phần nào? (Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc)	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: Viết đơn (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được ưu, nhược điểm trong lá đơn đã viết.
- Biết chỉnh sửa lá đơn cho đúng hình thức hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS và nhận xét chung	- HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình.

- Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu theo gợi ý SGK.	- HS thực hiện.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện.	- HS chia sẻ.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập.	- HS thực hiện.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về các thành tựu khoa học, công nghệ.

- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về một số nhà khoa học nổi tiếng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
+ Em đã được biết về nhà khoa học nổi tiếng nào? Qua câu chuyện gì?	- HS nêu.
- GV giới thiệu - ghi tên bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV cung cấp lần lượt hình ảnh 3 nhà khoa học trong SGK.	- HS quan sát, nêu tên từng nhà khoa học.
- Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm.	- HS đọc.
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu.	- HS viết phiếu.
- Thảo luận nhóm 4: Chia sẻ với bạn về những thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh được nêu trong câu chuyện em đã đọc.	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp.
- GV động viên, khen ngợi HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- Em hãy tìm đọc thêm một số cuốn sách, truyện viết về nhà khoa học và chia sẻ những thông tin thú vị với người thân.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TUẦN 14

Tiếng Việt

Độc: BAY CÙNG ƯỚC MƠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Bay cùng ước mơ*.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, nhân ái và trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>*<i>Ôn bài cũ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài <i>Người tìm đường lên các vì sao</i> và TLCH: + Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ như thế nào? + Theo em, nhan đề “<i>Người tìm đường lên các vì sao</i>” có ý nghĩa gì? <p>*<i>Giới thiệu chủ điểm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh. - GV giới thiệu chủ điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và TLCH - HS quan sát tranh và nêu nội dung

<ul style="list-style-type: none"> - GV chia nhóm yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, đoán xem các bạn nhỏ đang nói chuyện gì. - GV gọi HS chia sẻ - GV nhận xét - Giới thiệu bài – ghi bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận
<p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? - GV chốt đoạn <i>Bài chia làm 4 đoạn:</i> <p><i>Đoạn 1: Từ đầu đến áo mưa bay phấp phới.</i></p> <p><i>Đoạn 2: Tiếp theo đến mở mắt và mơ thôi.</i></p> <p><i>Đoạn 3: Tiếp theo đến ước mơ làm cô giáo.</i></p> <p><i>Đoạn 4: Còn lại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>lung đôi, nâu sẫm, vũ trụ,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Những vườn rau xanh mướt,/ với rất nhiều bù nhìn/ làm bằng rơm vàng óng/ hoặc nâu sẫm,/ gắn thêm các mảnh áo mưa/ bay phấp phới.;... + Đọc diễn cảm ở các câu là lời nói trực tiếp của các nhân vật. - Cho HS luyện đọc theo cặp. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <p><i>Câu 1: Tìm thông tin về bối cảnh diễn ra câu chuyện?</i></p> <p><i>? Thế nào là bối cảnh diễn ra câu chuyện?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS thảo luận trong nhóm TL câu 1 <p>-GV nhận xét, chốt ý</p> <p><i>Câu 2: Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe <ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS thảo luận - Đại diện nhóm trả lời <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại đoạn 1 và trả lời

<p>khi quan sát ngôi làng và bầu trời?</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nhận xét, chốt ý - GV liên hệ HS muốn viết bài văn miêu tả tốt cần quan sát thật kĩ, lựa chọn những từ ngữ giàu hình ảnh để miêu tả một cách sinh động. <p>Câu 3: Các bạn nhỏ đã mơ ước những gì? Đóng vai một bạn nhỏ trong câu chuyện, nói về ước mơ của mình và giải thích vì sao mình có ước mơ đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời 1 HS nêu yêu cầu - GV YC HS thảo luận nhóm 4 nêu ước mơ của các bạn nhỏ và đóng vai. - GV nhận xét, chốt ý - GV gọi HS đóng vai - GV khen ngợi HS. <p>Câu 4: Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV liên hệ nói về sự thay đổi ước mơ theo nhận thức và suy nghĩ của mỗi người. <p>Câu 5: Nếu tham gia vào câu chuyện của các bạn nhỏ, em sẽ kể những gì về ước mơ của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Em ước mơ điều gì?</i> - <i>Vì sao em ước mơ điều đó?</i> - <i>Ước mơ của em có gì thú vị?</i> - GV nhận xét, khen ngợi HS <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài đọc, em hiểu điều gì? - Hãy nói về ước mơ của em. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - Lắng nghe - HS nêu YC - HS thảo luận - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi, nhóm khác nhận xét - 2 – 3 HS đóng vai nói về ước mơ của mình. - 2 – 3 HS trình bày - HS lắng nghe - HS suy nghĩ và TLCH - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS trả lời.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết nhận diện, sử dụng tính từ trong các trường hợp cụ thể.
- Biết sử dụng các từ chỉ mức độ kết hợp với tính từ

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Tính từ là gì? Đặt 1 câu có sử dụng tính từ. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV chiếu tranh các con vật ở BT1 - GV yêu cầu HS quan sát tranh, so sánh độ cao của các con vật và chọn từ ngữ thích hợp để tả độ cao của nó. - GV YC HS thảo luận nhóm 2 - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu - GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án: Ngựa – hơi cao, lạc đà – khá cao, voi – cao, hươu cao cổ - rất cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của mỗi con vật trong tranh.</i>) - HS quan sát, làm việc cá nhân - HS thảo luận và thống nhất đáp án - HS trả lời - Lắng nghe

<p>- GV chốt: Để thể hiện mức độ của tính từ, có thể kết hợp tính từ với các từ chỉ mức độ như hơi, khá, rất, quá, lắm,...</p> <p>Bài 2:</p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu bài.</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm tả đặc điểm hoạt động của từng con vật trong tranh theo yêu cầu.</p> <p>- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu</p> <p>- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án:</p> <p>+ Tranh 1: Gấu túi di chuyển hơi chậm. Sên bò quá chậm. Rùa nhích từng bước khá chậm.</p> <p>+ Tranh 2: Mèo di chuyển nhanh. Ngựa phi khá nhanh. Báo đang lao đi rất nhanh.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại cách thể hiện mức độ của tính từ.</p> <p>Bài 3:</p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu bài và gợi ý</p> <p>- GV HD HS phân tích hàng đầu tiên trong bảng:</p> <p>+ Các từ trong 1 hàng được sắp xếp theo mức độ tăng dần về màu sắc từ trái sang phải: cột 1: mức độ nhạt, cột 2: mức độ tiêu chuẩn, cột 3: mức độ đậm.</p> <p>- GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại.</p> <p>- HS nêu</p> <p>- HS thảo luận nhóm</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- HS nhắc lại</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>-HS thảo luận và thống nhất đáp án</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày.</p>												
<table><tr><td>trắng trắng</td><td>trắng</td><td>trắng tinh, trắng xóa,...</td></tr><tr><td>đỏ đỏ</td><td>đỏ</td><td>đỏ rực, đỏ ối, đỏ au,...</td></tr><tr><td>tím tím</td><td>tím</td><td>tím lịm, tím ngắt,...</td></tr><tr><td>xanh xanh</td><td>xanh</td><td>xanh ngắt, xanh rì,...</td></tr></table>	trắng trắng	trắng	trắng tinh, trắng xóa,...	đỏ đỏ	đỏ	đỏ rực, đỏ ối, đỏ au,...	tím tím	tím	tím lịm, tím ngắt,...	xanh xanh	xanh	xanh ngắt, xanh rì,...	
trắng trắng	trắng	trắng tinh, trắng xóa,...											
đỏ đỏ	đỏ	đỏ rực, đỏ ối, đỏ au,...											
tím tím	tím	tím lịm, tím ngắt,...											
xanh xanh	xanh	xanh ngắt, xanh rì,...											
<p>- GV nhận xét, nêu cách tạo ra tính từ chỉ mức độ dựa trên một tính từ chỉ mức độ tiêu chuẩn.</p> <p>Bài 4:</p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>- Gọi HS đọc đoạn văn và xác định các từ ngữ cần thay thế.</p> <p>- Những từ ngữ nào có thể thay vào các từ</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS đọc và nêu</p> <p>- xanh xanh ,vàng rực,trong</p>												

<p>in đậm?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài cá nhân, trao đổi kết quả nhóm 2 - GV mời đại diện nhóm trình bày - GV nhận xét, chốt đáp án: <i>vàng rực; chậm chậm; xanh biếc; trong veo.</i> - GV chốt: Những từ ngữ được in đậm và các từ ngữ thay thế đều thể hiện mức độ của đặc điểm. 	<p>veo, chậm rãi, xanh biếc, vàng nhạt, trong trong, chậm chậm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài - 2 – 3 nhóm trả lời - HS nhận xét, chữa bài. - HS lắng nghe, ghi nhớ
<ul style="list-style-type: none"> - GV mở rộng thêm: Để thể hiện mức độ của tính từ chúng ta có thể tạo ra phép so sánh. VD: Tờ giấy này trắng hơn, tờ giấy này trắng nhất,... 	
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để thể hiện mức độ của tính từ chúng ta có thể làm như thế nào? - Đặt câu có sử dụng tính từ chỉ mức độ. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cấu trúc của một bài văn miêu tả con vật.
- Bước đầu biết quan sát, tìm được các tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con vật.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại đơn đã viết ở tiết trước và TLCH: + Đơn gồm những mục nào? Nêu cách sắp xếp các mục đó. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu - Gọi HS đọc đoạn văn và câu hỏi - GV cho HS thảo luận nhóm thực hiện theo yêu cầu - GV mời đại diện nhóm trình bày - GV nhận xét, thống nhất đáp án: <p>a. Mở bài: Su là chú rùa nhỏ...bảy năm rồi (Giới thiệu về chú rùa Su) Thân bài: Chú rùa xu...tớ sẽ chờ!". (Miêu tả đặc điểm của Su) Kết bài: Em rất thích...rất thích em. (Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với chú rùa Su).</p> <p>b. Phần thân bài có 2 đoạn. Đoạn đầu tả <i>mai, đầu, mắt</i>. Đoạn sau tả <i>chân, ngón chân, hoạt động đặc trưng</i>.</p> <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu - Gọi HS đọc lại 2 cách mở bài và TLCH: + Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu? + Với đoạn văn chỉ có 1 câu, câu đó giới thiệu như thế nào về con vật? + Với đoạn văn nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu giới thiệu về con vật cần tả? Câu đầu tiên trong đoạn làm nhiệm vụ gì? - GV nhận xét, chốt lại 2 cách mở bài. - Gọi HS đọc lại 2 cách kết bài và TLCH: + Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu? + Với đoạn văn chỉ có 1 câu, người viết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc gì với con vật qua câu đó? 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS đọc và TLCH - HS lắng nghe - HS nêu - HS đọc - HS thảo luận - 2 – 3 nhóm trình bày - HS nêu - HS đọc - HS lần lượt trả lời - HS nhận xét - HS đọc - HS lần lượt trả lời - HS nhận xét
--	--

+ Với đoạn văn nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu nêu cảm xúc, suy nghĩ của người viết với con vật? Những câu còn lại cho biết gì?

- GV nhận xét, chốt lại 2 cách kết bài.
- GV chốt lại KT

Các đoạn văn	Hình thức	Nội dung
MB trực tiếp	Ngắn gọn (1 câu)	Giới thiệu ngay về con vật
MB gián tiếp	Nhiều hơn 1 câu	Dẫn dắt về các sự vật, hiện tượng,.... sau đó mới giới thiệu con vật.
KB mở rộng	Dài hơn 1 câu	Nêu suy nghĩ, cảm xúc và có liên hệ mở rộng.
KB không mở rộng	Ngắn gọn (1 câu)	Nêu ngay suy nghĩ, cảm xúc với con vật và không liên hệ mở rộng

Bài 3:

- GV gọi HS đọc gợi ý
- GV YC HS thảo luận nhóm 4
- Gọi đại diện nhóm trình bày
- GV nhận xét

* Ghi nhớ:

- GV mời HS đọc ghi nhớ, khích lệ HS thuộc tại chỗ.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng.
- GV gợi ý: Nếu là con vật em quan sát ngoài đời thực, em có thể tìm các tính từ được gọi ra khi em **nhìn, nghe, chạm,...** vào con vật.
- Yêu cầu trao đổi với người thân về những tính từ tìm được.
- GV nhận xét tiết học.

- HS đọc
- HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến.
- 2 – 3 nhóm trình bày
- HS nhận xét

- HS đọc

- HS đọc yêu cầu hoạt động vận dụng
- HS lắng nghe

- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Con trai người làm vườn*.
- Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Bay cùng ước mơ</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào khi quan sát ngôi làng và bầu trời? - Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh các bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh. - GV mời 1 HS nêu YC phần khởi động - GV YC HS trao đổi với bạn cùng bàn - Mời HS phát biểu ý kiến - GV dẫn dắt giới thiệu bài, ghi bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 2-3 HS trả lời - HS nêu - HS trao đổi - 2 – 3 HS trả lời - HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức: <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? - GV chốt chia đoạn: Bài chia làm 2 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến <i>hễ mở mắt là nhìn thấy chúng</i>. Đoạn 2: Còn lại. - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>thuyền</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc, cả lớp đọc thầm. - HS trả lời - HS đọc nối tiếp lần 1

<p><i>trưởng, mãnh liệt, nề phục,...)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <p><i>Câu 1:</i> Ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha khác nhau như thế nào? GV chốt: Cậu bé: muốn trở thành thuyền trưởng. Người cha: muốn cậu bé trở thành người làm vườn.</p> <p><i>Câu 2:</i> Những chi tiết nào thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé? - GV chốt: Trong lúc người cha đang giảng dạy về các loài cây, cậu luôn nghĩ biển trông như thế nào, ánh mắt của cậu hướng về phía xa xăm, chất chứa niềm khai khát mãnh liệt. Cậu tìm báo, tạp chí giới thiệu về các loại tàu thuyền. Cậu cắt hình những con tàu dán lên đầu giường để hằng ngày nhìn thấy chúng.</p> <p><i>Câu 3:</i> Người con được miêu tả như thế nào khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha? - GV cho HS tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình và cảm xúc của người con khi đó . - GV gọi HS phát biểu GV chốt đáp án: Ngoại hình: tràn trề sinh lực, sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khỏe. Cảm xúc: tự hào, hạnh phúc.</p> <p><i>Câu 4:</i> Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về? - GV nhận xét, chốt đáp án: Cảm động, tự hào, hạnh phúc vì sự trưởng thành của con. Đó cũng chính là những giọt nước mắt ân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp lần 2 - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS trả lời - HS nhận xét - HS trả lời - HS nhận xét - HS tìm và trao đổi với bạn - HS tiếp nối nêu - 2 - 3 HS trả lời - HS khác nhận xét
---	--

hận của người cha vì trước đây đã không ủng hộ ước mơ của con. Câu 5: Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?	
- GV mời 1 HS đọc câu hỏi và đáp án lựa chọn	- 1 HS đọc
- GV YC HS thảo luận để chọn đáp án	- HS thảo luận
- GV mời HS nêu đáp án	- Đại diện nhóm trả lời
- GV nhận xét, chốt: Đáp án B	
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Tìm các danh từ chỉ người làm việc trên biển trong đoạn văn.	- HS trả lời (Đáp án A)
- Yêu cầu hoạt động nhóm 2: Đóng vai người con trai, kể cho người bố nghe về hành trình trên biển của mình.	- HS thảo luận, sau đó chia sẻ trước lớp.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: QUAN SÁT CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết quan sát đặc điểm ngoại hình, hoạt động của con vật.
- Biết sắp xếp các ý trong bài văn miêu tả con vật.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi, tranh ảnh hình con vật

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

1. Mở đầu:

- GV giới thiệu ghi bài

2. Luyện tập, thực hành:

1. Chuẩn bị

- GV gọi HS đọc các yêu cầu và gợi ý
- GV phân tích gợi ý
- GV hướng dẫn HS các nội dung chuẩn bị:

+ Lựa chọn một con vật để miêu tả.

+ Quan sát, ghi chép đặc điểm ngoại hình, hoạt động và thói quen sinh hoạt của con vật.

- GV bao quát lớp, hỗ trợ HS.

2. Quan sát và ghi chép kết quả quan sát

- GV gọi HS đọc các ví dụ gợi ý để biết cách sử dụng từ ngữ trong mỗi phần miêu tả con vật.

a. Đặc điểm ngoại hình

- GV yêu cầu HS quan sát và ghi chép các đặc điểm ngoại hình của con vật.

Lưu ý đó là các đặc điểm về ngoại hình nổi bật của con vật

- GV mời HS đọc phần ghi chép.

- GV nhận xét

b. Hoạt động, thói quen

- GV yêu cầu HS quan sát hoạt động, thói quen của con vật. Lưu ý những hoạt động của con vật khiến em thấy thú vị.

- GV mời HS đọc phần ghi chép

- GV nhận xét

3. Sắp xếp ý

- GV gọi HS đọc gợi ý

- Có những cách nào để sắp xếp các

- HS lắng nghe

- HS đọc

- HS lắng nghe

- HS làm việc theo hướng dẫn

- HS đọc

- HS quan sát tranh ảnh và ghi chép vào phiếu

Đặc điểm bao quát			
Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Bộ lông (da)	
bé nhỏ,...	trắng muốt,...	mềm mại,...	
Đặc điểm của từng bộ phận			
Mắt	Mũi	Miệng	Đặc điểm khác
tròn xoe,...	nhỏ xíu,...	cồng cong,...	?

- 2 – 3 HS đọc

- HS nhận xét

- HS quan sát, ghi chép.

Nằm	Chạy	Trèo cây	Hoạt động, thói quen khác
cuộn tròn,...	êm ru,...	nhẹ nhàng thoát,...	?

- HS đọc

- HS nhận xét

- HS đọc

- HS trả lời

<p>ý?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt: + Cách 1: Miêu tả lần lượt từ đặc điểm ngoại hình đến các hoạt động, thói quen của con vật. + Cách 2: Miêu tả kết hợp các đặc điểm ngoại hình, thói quen của con vật. - GV yêu cầu HS sắp xếp các ý vào vở. GV khuyến khích HS sắp xếp theo ý của mình. - GV gọi HS đọc bài làm. - GV nhận xét, chỉnh sửa. <p>4. Trao đổi, góp ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - GV cho HS trao đổi theo cặp, góp ý nhận xét cho bạn. - GV mời các cặp trao đổi trước lớp - GV yêu cầu HS chỉnh sửa theo góp ý. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập. - Nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS làm bài vào vở - HS đọc - HS nhận xét - HS đọc - HS trao đổi, góp ý theo hướng dẫn - 2 -3 nhóm trình bày - HS chỉnh sửa bài làm - HS thực hiện
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: ƯỚC MƠ CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nói được ước mơ của bản thân.
- Biết và trân trọng ước mơ của bản thân và mọi người.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: - GV gọi HS đọc yêu cầu và gợi ý - GV YC HS viết vào vở các ý chuẩn bị nói theo các câu hỏi gợi ý. - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4: HS kể về ước mơ của mình . - GV gọi HS trình bày trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. 3. Vận dụng, trải nghiệm: - Gọi HS đọc yêu cầu vận dụng - Nhắc HS về: <i>Tìm đọc một bài thơ về ước mơ.</i> Lưu ý HS tìm đúng thể loại thơ. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về một bài thơ nói về ước mơ.	- Lắng nghe - HS đọc - HS viết - HS hoạt động nhóm và kể về ước mơ của mình. - HS trình bày - HS nhận xét - HS đọc - HS thực hiện - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 15

Tiếng Việt

Đọc: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Nếu em có một khu vườn.*
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài.
- Nhận biết được đặc điểm của khu vườn, của các loài cây thể hiện qua những hình ảnh, bộ phận của cây được miêu tả; thấy được lợi ích mà khu vườn mang

lại cho bạn nhỏ khi viết về những loài cây thân thuộc trong khu vườn mơ ước của mình.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với cảm xúc của người viết.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, giấy A0, bút dạ màu, nam châm.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>- Tổ chức trò chơi khởi động: Lật mảnh ghép</p> <p>- Luật chơi: Có tất cả 4 mảnh ghép, ẩn dưới mỗi mảnh ghép là các câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ có 4 phương án để trả lời. Nhiệm vụ của người chơi là lật từng mảnh ghép suy nghĩ và dùng thẻ lựa chọn đáp án mình lựa chọn. Nếu chọn đúng sẽ được nhận được một phần quà và có quyền chỉ định người chơi tiếp theo. Thời gian cho mỗi mảnh ghép là 20 giây.</p> <p>- Các câu hỏi:</p> <p>Câu 1: Ước mơ của cậu bé trong câu chuyện con trai người làm vườn là gì?</p> <p>A. Cậu bé ước mơ trở thành thuyền trưởng.</p> <p>B. Cậu bé ước mơ trở thành một người làm vườn giống như cha của mình.</p> <p>C. Cậu bé ước mơ trở thành bác sĩ.</p> <p>D. Cậu bé ước mơ trở thành luật sư.</p> <p>Câu 2: Ngoại hình người con được miêu tả như thế nào khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha?</p> <p>A. cao lớn, tràn trề sinh lực.</p> <p>B. sắc mặt tươi tắn.</p> <p>C. bờ vai khỏe mạnh.</p> <p>D. Tất cả các đáp án trên.</p> <p>Câu 3: Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về?</p> <p>A. Vui sướng vì con trai đã trở về nhà.</p> <p>B. Xúc động vì con trai đã trở về nhà.</p> <p>C. Cảm động, hạnh phúc vì sự trưởng thành của con.</p> <p>D. Hạnh phúc vì con đã trưởng thành.</p> <p>Câu 4: Câu chuyện muốn nói với chúng ta</p>	<p>- HS lắng nghe, khởi động qua trò chơi.</p> <p>- HS dùng thẻ để chọn đáp án.</p>

điều gì? Tìm câu trả lời đúng.

A. Nên biết ước mơ vừa với sức của mình.

B. Có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ.

C. Kế thừa công việc của cha mẹ là việc tốt nhất đối với con cái.

D. Muốn thành công phải có thật nhiều ước mơ.

- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.

- GV mời HS chia sẻ về ước mơ của bản thân.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi: Nếu có một khu vườn, em sẽ trồng những loại cây gì? Vì sao?

- Chiếu tranh và giới thiệu bài:



Nhìn vào bức tranh, ta thấy được một khu vườn xinh đẹp với nhiều hoa thơm, trái ngọt. Đó chính là khu vườn nhỏ mà bạn nhỏ đã ước mơ. Để tìm hiểu xem bạn ấy đã ước mơ những gì, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài đọc hôm nay: Nếu em có một khu vườn

- GV ghi tên bài lên bảng.

2. Hình thành kiến thức:

a. Luyện đọc:

- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.

- Bài chia làm mấy đoạn?

- Bài chia làm 5 đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến hoá thành công chúa.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến ăn quanh năm không chán.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến trong buổi sáng ướm đầm sương.

+ Đoạn 4: Tiếp đến sẽ cứ thế rủ nhau bay về.

- HS chia sẻ trước lớp.

- HS thảo luận nhóm đôi.

- Đại diện trả lời.

- Nhóm khác nhận xét.

- HS quan sát tranh và lắng nghe giới thiệu.

- HS ghi vở.

- HS đọc

- HS trả lời.

<p>+ <i>Đoạn 5: Phần còn lại.</i></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>xoay tít, xế trưa, nấu canh, cá nục, nổ rộ</i>)</p> <p>- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ:</p> <p>+ Xế trưa (tính từ): khoảng thời gian quá trưa, gần chuyển sang chiều.</p> <p>+ Phơn phớt (tính từ): (màu) rất nhạt chỉ phớt một lớp rất mỏng bên trên.</p> <p>+ Nhao nhác (tính từ): hỗn loạn, toán loạn lên đầy vẻ sợ hãi, hốt hoảng.</p> <p>+ Sực tỉnh: bỗng nhiên chợt tỉnh giấc.</p> <p>- Hướng dẫn HS đọc:</p> <p>+ Cách ngắt giọng ở những câu dài.</p> <p>VD:</p> <p>* <i>Em sẽ xâu những chiếc lá vàng, lá đỏ/ thành vòng lá, đội lên đầu, hoá thành công chúa.</i></p> <p>* <i>Từ ngày cả nhà chuyển ra thành phố, mẹ dạy em trồng cây/ trong những chiếc chậu be bé/ xinh xinh.</i></p> <p>+ Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật: em chạy ù ù để gió thổi lồng lộng cho chong chóng xoay tít; Và ngày nào em cũng không thôi mơ ước, nếu em có một khu vườn như ở quê...</p> <p>- Cho HS luyện đọc theo nhóm 5.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung việc đọc của cả lớp.</p> <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Câu 1: Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để làm gì? (Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để làm một bầu trâu chia cho các bạn. Mỗi chiều, chiếc lá mít sẽ thành chong chóng để gió thổi lồng lộng khi bạn nhỏ chạy. Bạn sẽ xâu những chiếc lá vàng, lá đỏ thành vòng lá, đội lên đầu để hóa thành công chúa.)</p>	<p>- HS đọc nối tiếp</p> <p>- HS đọc, sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa các từ.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS luyện đọc theo nhóm.</p> <p>- Đại diện các nhóm đọc trước lớp.</p> <p>- Các nhóm tương tác, nhận xét về cách đọc.</p> <p>- HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm bài một lượt.</p> <p>- HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:</p>
<p>cây mít để làm một bầu trâu chia cho các bạn. Mỗi chiều, chiếc lá mít sẽ thành chong chóng để gió thổi lồng lộng khi bạn nhỏ chạy. Bạn sẽ xâu những chiếc lá vàng, lá đỏ thành vòng lá, đội lên đầu để hóa thành công chúa.)</p>	<p>- HS khác nhận xét.</p>

- GV nhận xét
- GV chiếu câu hỏi số 2 và yêu cầu HS suy nghĩ và đưa ra đáp án.

2. Ghép tên cây, hoa, lá trong khu vườn tưởng tượng với đặc điểm của nó.



- GV nhận xét, chốt đáp án đúng:

- GV yêu cầu HS đọc to câu hỏi số 3

Câu 3: Em thích hình ảnh loài cây nào nhất trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ? Vì sao?

- GV cho HS tiến hành thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn để HS tự do chia sẻ ý kiến của mình.

- GV lưu ý HS: Mỗi người có những cảm nhận riêng của mình về các loài cây. Vì vậy, ý kiến của mỗi người có thể giống hoặc khác nhau. Điều quan trọng không phải việc thích hình ảnh tưởng tượng về loài cây nào mà là việc giải thích được một cách thuyết phục là vì sao thích loài cây đó.

Ví dụ:

- + Em thích nhất hình ảnh loài cây mít trong khu vườn ước mơ. Nó gợi ra hình ảnh của những trò chơi mà em hay chơi với bạn mỗi khi rảnh rỗi như làm ghé bằng lá mít, đội vương miện lá,...
- + Em thích khóm hoa dại bé xíu, trắng muốt vì nó trông rất xinh xắn, dễ thương.
- + Hình ảnh loài cây em thích nhất trong khu vườn của bạn nhỏ là cây mít. Tuy cây mít rất giản dị, không khoe hương, khoe sắc như những loài hoa nhưng nó gắn liền với tuổi thơ của các bạn nhỏ ở nông thôn.

- GV nêu câu hỏi số 4: Vì sao khu vườn hiện ra rất sống động trong trí tưởng tượng của bạn nhỏ? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

- HS quan sát trên màn hình thảo luận nhóm đôi..
- Đại diện HS ghép trực tiếp trên Slide.
- Các nhóm quan sát, nhận xét.
- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc.

- HS thực hiện thảo luận nhóm 4.

- HS lắng nghe những lưu ý của GV để làm việc nhóm.
- HS tiến hành thảo luận và viết ý kiến của mình vào giấy để chia sẻ trong nhóm.
- Đại diện nhóm chia sẻ.
- Nhóm khác theo dõi, tương tác với nhóm bạn.

- HS tự đọc câu hỏi và tìm đáp án trả lời.

<p>A. Vì bạn nhỏ có trí tưởng tượng rất phong phú.</p> <p>B. Vì bạn nhỏ đã có trải nghiệm về một khu vườn ở quê.</p> <p>C. Vì bạn nhỏ rất yêu cây cỏ.</p> <p>- GV khuyến khích HS nêu thêm ý kiến riêng của bản thân.</p> <p>- GV tuyên dương, khen ngợi</p> <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Mỗi loài cây đều có những đặc điểm và lợi ích riêng, vậy em nên làm gì để bảo vệ các loài cây?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS chia sẻ ý kiến khác của bản thân và đưa thêm lời giải thích cho ý kiến mình đưa ra</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời.</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- * Năng lực đặc thù:
 - Nhận biết được công dụng của dấu gạch ngang.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, webcam, thẻ xoay đáp án.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu yêu cầu: + YC1: Viết một câu hỏi và một câu kể có sử dụng dấu gạch ngang. + YC 2: Dấu gạch ngang trong đoạn văn sau có tác dụng gì? <div data-bbox="244 952 842 1115"> <p>Sáng nay, lớp Quốc Anh nghe cô kể chuyện <u>Cả công mới sắt, cả ngày nên kén</u>. Cuối buổi, cô dặn cả lớp: "Chúng ta cần phải rèn đức tính kiên nhẫn.". Về nhà, cậu kể lại chuyện cho mẹ và em gái nghe. Em gái thắc mắc: - Mọi như vậy thì lâu lắm mới xong, anh nhỉ? (Theo Bùi Đức Anh)</p>  </div> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài: Ở lớp 3 các em đã được học về dấu gạch ngang, biết được công dụng của dấu gạch ngang. Tuy nhiên dấu gạch ngang còn có thêm công dụng khác, đó là gì? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu kĩ hơn qua bài hôm nay: Dấu gạch ngang. - GV ghi tên bài lên bảng. <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. <div data-bbox="228 1630 962 1910"> <p>1. Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây:</p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap;"> <div style="width: 50%;"> <p>a. Dưới đây là một số loài được cho là lớn nhất trong thế giới động vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá voi xanh, - Voi Châu Phi, - Hươu cao cổ, - Lạc đà một bướu. </div> <div style="width: 50%;"> <p>b. Năm 1976, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.</p> </div> <div style="width: 50%;"> <p>c. Đóm và Mùn im lặng, ngắm những bông hoa chiếu tàn tím biếc. Đóm hỏi: - Sao lại gọi là hoa chiếu tàn? - Là bởi vì trưa nở, chiều tàn. - Đáng ấy gọi thật! Cả công biết! Mùn được khen phổng mũi, cao hứng nói tiếp: - Còn hoa mười giờ, thì cứ đúng mười giờ là nở bung. (Theo Trần Đức Tiến)</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: flex-end; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật</div> <div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê</div> <div style="border: 1px solid blue; padding: 5px;">Nối các từ ngữ trong một liên danh</div> </div> </div> <p>- Bài yêu cầu làm gì? (Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn văn dưới đây)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện các yêu cầu. - HS lắng nghe GV giới thiệu. - HS ghi tên bài lên bảng. - HS đọc - HS trả lời

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn để thực hiện yêu cầu.

Đáp án:

- Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
 - Nối các từ ngữ trong một liên danh.
 - Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.
- GV nhận xét, đánh giá.

Bài 2:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.

2. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp sau:

a. Để trồng cây trong chậu, em hãy làm theo các bước sau:

- Chuẩn bị đất, cho một phần đất vào chậu.
- Dùng xẻng nhỏ xới đất cho đất tơi xốp.
- Đặt cây vào chậu, cho nốt phần đất còn lại, dùng tay ấn nhẹ đất cho chắc gốc cây.
- Tưới một chút nước vào gốc cây cho đất ẩm và gốc cây chắc hơn.



b. Chương trình học bổng "Vì mái trường xanh" đã đến với các em học sinh khắp ba miền Bắc - Trung - Nam.

- Yêu cầu HS đọc nội dung từng đoạn.
- GV hướng dẫn HS cách thực hiện thảo luận trong nhóm đôi: Đọc thầm, quan sát kỹ cách viết các câu trong các trường hợp a và b, xác định câu nào có dấu gạch ngang. Căn cứ vào vị trí của các dấu gạch ngang trong câu hoặc tổng thể của cả đoạn văn để xác định xem các dấu gạch ngang trong các trường hợp a và b được dùng để làm gì hay có công dụng gì?

Đáp án:

- + a. Các dấu gạch ngang được đặt ở đầu dòng, dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- + b. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV nhận xét, tuyên dương, khen ngợi.
- GV chốt lại ghi nhớ, yêu cầu HS đọc lại.

Bài 3:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.

Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.

- Nhạc sĩ Hoàng Văn đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội • Huế • Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyễn.
- Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:
 - Làm khung diều.
 - Đo và cắt áo diều.
 - Ráp các bộ phận của diều.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân hoàn thành bài vào vở.

- HS thảo luận và thống nhất đáp án.

- Đại diện trình bày. Nhóm khác theo dõi, tương tác với nhóm bạn.

- HS nêu.

- 2HS đọc nối tiếp

- HS lắng nghe, thảo luận cặp đôi và tiến hành thảo luận, trao đổi về tác dụng của các dấu gạch ngang có trong đoạn a, b.

- Đại diện chia sẻ trước lớp.
- Các nhóm khác theo dõi và tương tác với nhóm bạn.

- HS lắng nghe

- 3-5HS đọc lại ghi nhớ SGK T.120

- 1HS đọc.

- HS suy nghĩ và hoàn thành bài vào vở.

- GV chiếu vở HS trên webcam

Đáp án:

+ Dấu gạch ngang có thể thay thế cho các bông hoa.

+ Dấu gạch ngang trong phần a dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.

+ Dấu gạch ngang ở phần b dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

- Gv nhận xét, tuyên dương.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- GV tổ chức trò chơi: Em tập làm thủ môn.

- Luật chơi: Có tất cả 4 câu hỏi. Mỗi câu hỏi có 4 đáp án lựa chọn. Các em hãy suy nghĩ và đưa ra đáp án đúng. Mỗi đáp án đúng các em sẽ đỡ được bóng. Thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 15 giây.

Câu 1: Dấu gạch ngang có tất cả mấy tác dụng?

A. 3 tác dụng

B. 4 tác dụng

C. 2 tác dụng

D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Dấu gạch ngang có tác dụng gì trong đoạn văn dưới đây:

Ở trường, em được học rất nhiều môn. Các môn em thích là :

- Âm nhạc

- Mĩ thuật

- Bơi lội

A. Dẫn lời nói nhân vật

B. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

C. Chú thích

D. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê

Câu 3: Dấu gạch ngang có tác dụng gì trong đoạn văn dưới đây:

Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:

- Cháu con ai?

- Thưa ông, cháu là con ông Thư.

A. Chú thích

B. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

C. Liệt kê

D. Tất cả đều sai

Câu 4: Trong câu: *Chuyến xe Hà Nội – Hải Phòng sẽ khởi hành vào lúc 6 giờ 30 phút.*

- HS quan sát, nhận xét bài bạn.

- HS lắng nghe GV phổ biến trò chơi và luật chơi.

- HS tiến hành suy nghĩ và sử dụng thẻ đáp án để lựa chọn đáp án đúng.

<p>Dấu gạch ngang có tác dụng gì?</p> <p>A. Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói</p> <p>B. Chú thích</p> <p>C. Nối các từ ngữ trong một liên danh</p> <p>D. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê</p> <p>- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.</p> <p>- GV tuyên dương những HS hăng hái trong giờ học.</p> <p>- Về nhà đặt câu có sử dụng dấu gạch ngang có công dụng đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê và nối các từ ngữ trong một liên danh .</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện.</p>
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, webcam
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu cấu tạo bài văn miêu tả con vật. - GV yêu cầu HS đọc những điều mình ghi chép được khi quan sát con vật mình yêu thích. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu, ghi tên bài lên bảng: Trong những tiết viết trước các em đã học về cấu tạo của một bài văn miêu tả con vật, cách quan sát các bộ phận của con vật mà mình yêu thích. Tìm được các từ ngữ miêu tả, các hình ảnh so sánh để làm nổi bật những đặc điểm của con vật đó. Trong tiết học này các em sẽ được học cách xây dựng đoạn văn trong bài văn miêu tả con vật thông qua bài “ Luyện tập viết đoạn văn miêu tả con vật ” <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1: Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi</p> <p>a. Mỗi đoạn văn tả con vật nào?</p> <p>b. Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn có tác dụng gì đối với việc miêu tả con vật?</p> <p>c. Em thích cách miêu tả con vật trong đoạn văn nào? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc và thảo luận theo nhóm 4. <p>Đáp án:</p> <p>a. Đoạn 1: tả con ong Đoạn 2: tả con cá rô ron Đoạn 3: tả cái vôi của con voi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS thực hiện. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở - 1HS đọc yêu cầu. 1HS đọc nội dung và câu hỏi. - HS thảo luận theo nhóm 4. - Đại diện các nhóm chia sẻ. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét.

b. Những từ ngữ gợi tả, các biện pháp tu từ giúp đối tượng miêu tả hiện lên vô cùng sinh động và thú vị, giúp người đọc dễ dàng hình dung ra đối tượng miêu tả.

c. Lựa chọn 1 trong 3:

- Đoạn 1: Tác giả sử dụng nhiều từ ngữ gợi tả giúp cho con ong được miêu tả một cách rất chi tiết, chân thực

- Đoạn 2: Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh so sánh giúp cho người đọc dễ dàng hình dung ra đối tượng mà tác giả đang nhắc đến, đồng thời khiến cho đoạn văn vô cùng sinh động.

- Đoạn 3: Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh nhân hóa giúp cho chú voi trở nên vô cùng gần gũi, quen thuộc với con người.

- GV nhận xét.

Bài 2: Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích.

- Gv yêu cầu HS nêu yêu cầu.

- GV hướng dẫn HS lựa chọn một con vật để viết đoạn văn.

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở.

- GV chiếu vở HS trên webcam.

- GV nhận xét.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Nhận xét tiết học.

- Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn tưởng tượng mà em viết.

- HS nêu yêu cầu.

- HS lắng nghe GV hướng dẫn.

- HS thực hiện viết vào vở.

- HS khác lắng nghe, nhận xét bài của bạn.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Đọc: BỐN MÙA MƠ ƯỚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Bốn mùa mơ ước*.
- Đọc diễn cảm bài thơ, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc về ước mơ của bạn nhỏ.
- Nhận biết những ước mơ của bạn nhỏ trong bài thơ.
- Hiểu được nội dung bài: Ước mơ của mỗi người đều rất đẹp, rất đáng trân trọng. Con người cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp để, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Nếu em có một khu vườn</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: + Em thích hình ảnh loài cây nào nhất trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ ? Vì sao? + Em nghĩ gì về ước mơ của bạn nhỏ? - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài(đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện nỗi khát khao và những cảm xúc đẹp của bạn nhỏ.) - Bài thơ có thể chia làm mấy khổ? + Bài thơ chia làm 4 khổ thơ. - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>nắng xuân, muôn nơi, nỗi niềm, nông oi,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - 3-5HS chia sẻ. - HS lắng nghe - HS lắng nghe, theo dõi - HS đọc nối tiếp theo khổ.

<p>nghĩa từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng, nhấn giọng vào những từ ngữ, những câu thơ nói lên ước mơ của bạn nhỏ. - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. <p>- GV nhận xét.</p> <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi 1: Mỗi mùa, bạn nhỏ đã mơ ước điều gì? - GV nhận xét, chốt đáp án: <ul style="list-style-type: none"> + Mùa xuân: bạn nhỏ mơ ước làm cánh én. + Mùa hạ: bạn nhỏ mơ ước làm cơn gió. + Mùa thu: bạn nhỏ mơ ước làm vàng trắng tỏ. + Mùa đông: bạn nhỏ mơ ước làm ngọn lửa. - Câu 2: Cùng bạn hỏi - đáp về lí do bạn nhỏ có những mơ ước đó trong mỗi mùa. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi. 1HS hỏi, 1HS trả lời. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS 1: Vì sao bạn nhỏ mơ là cánh én HS 2: Vì cánh én gọi nắng về muôn nơi => báo hiệu cho mọi người mùa xuân đã về + HS 1: Vì sao bạn nhỏ mơ là cơn gió? HS 2: Vì bạn nhỏ muốn đem tới sự mát mẻ, xoa dịu cái nóng mùa hè và cùng mây đi đây đó, đem mưa làm dịu mát muôn nơi. + HS 1: Vì sao bạn nhỏ mơ là vàng trắng tỏ? HS 2: Vì bạn nhỏ muốn được sáng lung linh giữa trời thu, vui cùng những vì sao nhỏ, đem lại vẻ đẹp cho mùa thu. + HS 1: Vì sao bạn nhỏ mơ là ngọn lửa? HS 2: Vì bạn nhỏ muốn xua tan đi cái giá lạnh của mùa đông, mang lại sự ấm áp, vui tươi cho con người và vạn vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS luyện đọc. - Đại diện các nhóm đọc trước lớp. - Nhóm khác theo dõi và nhận xét. - HS trả lời cá nhân. - HS khác nhận xét. - HS tiến hành thảo luận hỏi đáp theo cặp. - Đại diện chia sẻ. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét.
--	--

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- GV yêu cầu HS: Tìm những thành ngữ nói về ước mơ và mong muốn của con người.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

- + Cầu được ước thấy.

- + Ước sao được vậy.

- + Được voi đòi tiên

- + Muốn gì được nấy.

- Yêu cầu hoạt động nhóm đôi: Từ ngữ nào dưới đây có nghĩa giống với từ *ước mơ*? Đặt câu với 2 trong số các từ tìm được.

- cao đẹp, ao ước, ngóng trông, hoài bão,
mong ước, to lớn, khát vọng, kì diệu

- GV nhận xét, chốt đáp án.

Đáp án:

- + Những từ có nghĩa giống với từ ước mơ: ao ước, hoài bão, mong ước, khát vọng.

- + Đặt câu:

Tôi ao ước được ông già Noel tặng một chiếc ô tô điều khiển từ xa.

Tôi có một khát vọng làm giàu lớn lao.

- GV cùng HS nhận xét và sửa câu.

- Nhân xét tiết học.

- HS tiến hành suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.

- HS trả lời

- HS tiến hành thảo luận nhóm đôi.

- HS tiến hành tìm và đặt câu.

- HS chia sẻ trước lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.
- Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, webcam.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần? Đó là những phần nào? + Điểm cần lưu ý trong phần thân bài của bài văn miêu tả con vật là gì? - GV nhận xét, đánh giá - GV giới thiệu ghi bài <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gần bó.</p> <p>Đề 2: Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên tivi hoặc phim ảnh mà em yêu thích.</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài mà mình lựa chọn. <p>Hoạt động 1: Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv yêu cầu HS đọc phần chuẩn bị. - GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị ý: + Bước 1: Suy nghĩ, lựa chọn 1 con vật để miêu tả cho đề bài mà mình lựa chọn. + Bước 2: Quan sát hoặc nhớ lại kết quả mà mình đã quan sát và ghi chép đặc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét. - HS lắng nghe.

<p>điểm của con vật (đặc điểm ngoại hình và hoạt động, thói quen của con vật). Đây là bước quan trọng nhất để tìm ý cho một bài văn miêu tả con vật.</p> <p>+ Bước 3: Lựa chọn trình tự miêu tả.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>* Cách 1: Miêu tả lần lượt từ đặc điểm bên ngoài đến các hoạt động của con vật.</p> <p>* Cách 2: Miêu tả đặc điểm ngoại hình kết hợp miêu tả hoạt động của con vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS ghi các ý ra vở nháp. - GV bao quát lớp, hỗ trợ HS khó khăn ở khâu chuẩn bị. <p>Hoạt động 2: Lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc kĩ dàn ý trong SHS. <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết vở. - GV chiếu vở HS trên webcam và chữa. - GV nhận xét nhanh một số bài, khen ngợi HS. <p>Hoạt động 3: Chỉnh sửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đổi chéo vở, góp ý nhận xét dàn ý cho nhau. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc dàn ý, xác định các phần chính trong bài văn và tìm ý cho từng phần. - HS dựa vào các ý trong phần chuẩn bị, tự lập dàn ý cho bài làm của mình theo các gợi ý. - HS viết dàn ý vào vở. - HS quan sát, lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - HS ngồi cùng bàn đổi chéo vở, đọc thầm dàn ý và góp ý nhận xét bài cho bạn. - HS tiến hành chỉnh sửa dàn ý theo góp ý. <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc được bài thơ về ước mơ.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.
- Có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, webcam, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung ước mơ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: 2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu yêu cầu. - Hướng dẫn: Dựa vào yêu cầu (Đọc một bài thơ viết về ước mơ) để lựa chọn một bài thơ viết về một ước mơ nào đó. Ví dụ: một bài thơ trong tập thơ như: Thơ thiếu nhi, Bài ca Trái Đất, Chốn thần tiên,...) và đưa ra lí do vì sao mình lại chọn đọc bài thơ đó. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ những nội dung trong phiếu đọc sách. - GV chiếu phiếu đọc sách của HS. - GV động viên, khen ngợi HS - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu. - HS lắng nghe. - HS tiến hành ghi tóm tắt những gì mình học được vào phiếu đọc sách. - HS viết phiếu - HS đọc. - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS phát biểu, chia sẻ cảm nghĩ của

về ước mơ được nói đến trong bài thơ mình đã học.	mình với các bạn trong lớp.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân về ước mơ của bản thân.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 16

Tiếng Việt

ĐỌC: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch Ở Vương quốc Tương Lai. Biết đọc ngắt giọng để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật; Biết đọc với giọng hồn nhiên, thể hiện được tâm trạng háo hức, thần phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật.

- Nhận biết được đặc điểm của các nhân vật trong vở kịch (thể hiện qua hành động, lời nói). Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, yêu quê hương, yêu cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, tranh minh họa SGK, hoặc video vở kịch *Con chim xanh*

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu 2 HS đọc nối tiếp bài thơ Bốn mùa ước mơ và trả lời câu hỏi sau: + Theo em ước mơ của bạn nhỏ, khung cảnh mỗi mùa hiện ra có gì đẹp? ? Em thích khung cảnh nào nhất? Vì	- HS đọc bài + Trả lời câu hỏi.

<p>sao ?</p> <p>+ Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về ước mơ của tuổi thơ ? Chọn câu trả lời đúng.</p> <p>A. Mơ ước tuổi thơ nói dài tới tận chân trời.</p> <p>B. Mơ ước cho em được đến mọi miền đất nước.</p> <p>C. Mơ ước đưa trẻ thơ đi tới tương lai.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thảo luận yêu cầu sau: <i>Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai?</i></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV giới thiệu: Bài đọc hôm nay là một màn kịch trích trong vở kịch Con chim xanh của nhà văn Mát-téc-lích. Chúng ta cùng đọc bài để biết trong vở kịch có những nhân vật nào, vì sao vở kịch có tên là Ở Vương quốc Tương Lai nhé.</p> <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc toàn bài.</p> <p>- Bài chia làm mấy phần?</p> <p>- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó: <i>Vương quốc Tương Lai, Tin-tin, Mi-tin, đôi cánh xanh, sáng chế, ...</i></p> <p>- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ: <i>thuốc trường sinh</i>.</p> <p>- GV hướng dẫn giọng đọc, phân biệt lời dẫn chuyện với lời các nhân vật).</p>	<p>- Các nhóm thảo luận.</p> <p>+ Đại diện nhóm trình bày trước lớp.</p> <p>- HS khác nêu ý kiến nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- Bài đọc gồm 2 phần: phần giới thiệu, màn kịch.</p> <p>- HS đọc nối tiếp các phần.</p> <p>- HS nối tiếp đọc lần 2.</p>
--	--

<p>- Cho HS luyện đọc theo cặp.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p> <p><i>b. Tìm hiểu bài</i></p> <p>- Vở kịch có những nhân vật nào ?</p> <p>- GV và HS nhận xét, bổ sung, chốt ý đúng.</p> <p>+ Em hiểu vai trò của người dẫn chuyện là gì ?</p> <p>+ Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế ?</p> <p>- GV và HS nhận xét, chốt ý đúng.</p> <p>- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Những đồ vật nào được sáng chế ở Vương quốc Tương Lai hiện nay đã có ở thế giới của chúng ta?</i></p> <p>- Yêu cầu thảo luận nhóm câu hỏi: <i>Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai?</i></p> <p>- GV và HS nhận xét, bổ sung, chốt ý đúng: <i>Qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai, tác giả muốn nói đến ước mơ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Nơi đó, trẻ con là</i></p>	<p>- HS luyện đọc.</p> <p>- Thi đọc đoạn trước lớp.</p> <p>- Thảo luận nhóm đôi + TLCH.</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>+ Vở kịch gồm các nhân vật: Người dẫn chuyện, Mi - tin, Ti-tin, Em bé thứ nhất, Em bé thứ hai, Em bé thứ ba, Em bé thứ tư, Em bé thứ năm.</p> <p>- Dẫn phần giới thiệu câu chuyện và phần diễn tả hành động của các nhân vật.</p> <p>- HS thảo luận theo cặp + trình bày kết quả.</p> <p>*Kết quả:</p> <p>- Làm ra thuốc trường sinh - giúp con người sống lâu.</p> <p>- Làm ra một thứ ánh sáng kì lạ - để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng.</p> <p>- Làm ra máy giúp dò tìm kho báu - để làm giàu cho mọi người.</p> <p>- Làm ra cái máy biết bay trên không - giúp con người di chuyển nhanh và thú vị.</p> <p>- HS làm việc cá nhân + phát biểu:</p> <p>+ Máy biết bay trên không, máy giúp dò tìm kho báu.</p> <p>- Thảo luận nhóm.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.</p>
--	---

những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

+ Theo em, vì sao nơi Tin-tin và Mi-tin đến có tên là Vương quốc Tương Lai? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em.

- GV nhận xét, khen ngợi HS, chốt đáp án đúng: B.

+ Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì ?

- GV mời HS nhận xét, bổ sung, trình bày suy nghĩ, sáng chế của mình.

- GV kết luận, khen ngợi HS.

3. Luyện tập, thực hành:

- GV mời HS đọc bài.

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm (đọc phân vai).

- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về các bạn nhỏ ở Vương quốc Tương Lai ?

- Nhận xét tiết học.

- Suu tầm tranh, ảnh các sáng chế, phát minh của loài người về các dụng cụ, vật dụng, ... đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người.

- HS làm việc cá nhân + TLCH trước lớp.

- HS khác nhận xét.

- HS nối tiếp phát biểu trước lớp.

- 2 HS đọc nối tiếp 2 phần.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện đọc phân vai.

- Thi đọc phân vai trước lớp.

- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang, biết sử dụng dấu gạch ngang trong văn cảnh cụ thể. Viết được câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đã học.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, tự giác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>- GV hỏi: Dấu gạch ngang có những tác dụng gì? Lấy ví dụ ?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Giới thiệu bài – ghi bài</p> <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>+ Bài yêu cầu làm gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp.</p> <p>- GV mời HS trình bày kết quả.</p> <p>- GV khen ngợi HS và kết luận, cho HS xem hình ảnh nhà bác học Ma-ri Quy-ri.</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- HS đọc yêu cầu BT.</p> <p>+ HS trả lời: Nêu công dụng của dấu gạch ngang.</p> <p>- HS thảo luận và thực hiện vào vở BT.</p> <p>- HS nối tiếp đọc kết quả.</p> <p>a, Có 5 dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê sự việc.</p>

<p>- GV giúp HS phân biệt dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh với dấu gạch ngang nối các âm tiết trong tên nước phiên âm ra tiếng Việt.</p> <p>Bài 2: Làm việc cá nhân</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu BT.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BT.</p> <p>- GV yêu cầu trình bày kết quả.</p> <p>Bài 3: Làm việc nhóm đôi</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu BT.</p>	<p>b, Có 1 dấu gạch ngang dùng để nối từ ngữ trong một liên danh (Việt – Pháp)</p> <p>- 2 HS đọc yêu cầu BT.</p> <p>- HS hoàn thành vào vở BT.</p> <p>- HS nối tiếp đọc kết quả.</p> <p>*Đáp án:</p> <p>a) Ông Giô-dép dắt con trai đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám. Thầy hỏi:</p> <p>- Con tên là gì?</p> <p>- Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ ạ! - Cậu bé lễ phép.</p> <p>- Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?</p> <p>- Thưa thầy, con thích đi học ạ!</p> <p>Thầy giáo gật gù:</p> <p>- Thế thì được!</p> <p>Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.</p> <p>+ <i>Dấu gạch ngang có tác dụng: dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật trong đoạn hội thoại.</i></p> <p>b) Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hoá – thể thao,... giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.</p> <p>+ <i>Công dụng của dấu gạch ngang là nối các từ ngữ trong một liên danh.</i></p> <p>- 2 HS đọc yêu cầu BT.</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm. - GV yêu cầu trình bày kết quả. - GV kết luận, khen nhóm trình bày hay. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thành vào vở. - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận. *Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> - Bạn có biết nhà bác học Lương Định Của ở nước nào không ? - Lương Định Của là nhà bác học của nước Việt Nam. - Đúng đấy ! Nhà bác học Lương Định Của đã có những đóng góp to lớn cho nền nông nghiệp Việt Nam... - HS nối tiếp phát biểu.
<p>+ Nêu tác dụng của dấu gạch ngang ?</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thực hiện làm bài tập. <p>+ Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong đoạn sau:</p> <p>Tin-tin: - Cậu đang làm gì với đôi cánh xanh ấy ?</p> <p>Em bé thứ nhất: - Mình sẽ dùng nó vào việc sáng chế trên Trái Đất.</p> <p>Tin-tin: - Cậu sáng chế cái gì ?</p> <p>Em bé thứ nhất: - Khi nào ra đời, mình sẽ chế ra một vật làm cho con người hạnh phúc.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học. - Dặn HS về nhà viết 1, 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang và chuẩn bị bài học sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

Tiếng Việt

Viết: VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập.

- Biết tìm đọc thêm các bài văn miêu tả con vật, trao đổi với người thân về đặc điểm con vật trong bài văn của mình.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quý động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở bài 28, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Bài văn tả con vật gồm mấy phần? Là những phần nào ?</p> <p>- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.</p> <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p><i>Đề 1:</i> Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó.</p> <p><i>Đề 2:</i> Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc phim ảnh mà em yêu thích.</p> <p>- GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề trong SGK để thực hiện yêu cầu BT.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý Bài 28.</p> <p>- Yêu cầu HS: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 28, viết bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- GV lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn sinh động.</p>	<p>- 2-3 HS đọc và trả lời</p> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS làm việc cá nhân.</p> <p>- HS: Đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở Bài 28.</p> <p>- HS viết bài vào vở.</p>

[illegible]

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Độc: Bài 30: CÁNH CHIM NHỎ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Cánh chim nhỏ*.
- Hiểu được nội dung bài: Bầu trời mùa thu nước Nga hiện lên qua cách miêu tả của các bạn nhỏ rất đẹp và thú vị.
- Biết đọc diễn cảm lời của các nhân vật trong câu chuyện; học được cách miêu tả sự vật trong bài.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, từ điển Tiếng Việt.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>- GV gọi HS đọc bài <i>Ở Vương quốc Tương Lai</i>.</p> <p>- GV gọi HS trả lời một số câu hỏi:</p> <p>+ Theo em, vì sao nơi Tin-tin và Mi-tin đến có tên là Vương quốc Tương Lai?</p> <p>+ Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì?</p> <p>+ GV: Nếu em có một đôi cánh có thể bay như chim, em muốn bay đi đâu, gặp gỡ những ai ?</p> <p>- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.</p> <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <p>- GV đọc mẫu toàn bài.</p> <p>- Bài có thể chia làm mấy đoạn?</p> <p>- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó: chao liêng, xoay người, vung vẩy, ...</p> <p>- Yêu cầu đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.</p> <p>- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở</p>	<p>- 2 HS đọc nối tiếp 2 phần.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS phát biểu.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS chia đoạn.</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến nói với bạn.</p> <p>+ Đoạn 2: phần còn lại.</p> <p>- HS đọc nối tiếp</p> <p>- HS lắng nghe</p>

những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.	
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc.
- Yêu cầu đọc cả bài.	- 1 hoặc 2 HS đọc toàn bài trước lớp.
<i>b. Tìm hiểu bài</i>	
- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 1.	- 2 HS đọc câu hỏi + Lớp đọc thầm.
	- HS thảo luận cặp đôi + TLCH.
+ Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì?	- HS phát biểu: <i>Hai cậu bé gặp nhau trong công viên. Một cậu bé ước mơ được bay như chim, còn cậu bé bị liệt chỉ muốn được đi và chạy như người bình thường.</i>
- GV khuyến khích HS diễn đạt theo ý hiểu của các em.	
- GV giúp HS hiểu: Những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta lại là ước mơ của nhiều người kém may mắn khác,...	- 1 HS đọc câu hỏi 2 + Lớp đọc thầm.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm: <i>Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì?</i>	- HS thảo luận nhóm + trình bày kết quả: <i>Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay nói: “Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó” và cậu đã cõng bạn trên lưng, chạy trong công viên để bạn có cảm giác như đang được bay,...</i>
	- HS các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận, chốt ý đúng.	- 1 HS đọc câu hỏi 3 + Lớp đọc thầm.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân: <i>Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn cõng chạy trong công viên?</i>	- HS làm việc cá nhân, phát biểu: <i>Cậu bé bị liệt sẽ thấy rất vui, sung sướng và có cảm giác như mình đang bay,...</i>
- GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến cá nhân.	

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Nêu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay?</i> - GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến cá nhân. + <i>Tìm những từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài Cánh chim nhỏ?</i> + <i>Đặt 1 – 2 câu với những từ ngữ em vừa tìm được?</i> - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi + Trình bày kết quả: <i>Cậu bé mơ ước biết bay biết chia sẻ với người bạn kém may mắn hơn mình, cậu là người nhân hậu,...</i> - HS chia sẻ: <i>cười giòn tan, ôm ghì, hét to, rưng rưng, hét to, ...</i> - HS đặt câu, chia sẻ.
<p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Qua bài đọc em thấy bạn nhỏ là người thế nào? Em học được điều gì qua bài học này? + Hãy viết 1 – 2 câu nói lên cảm nhận của em về cậu bé trong bài <i>Cánh chim nhỏ</i>. - GV cùng HS nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện. - HS thực hiện. - HS chia sẻ - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1 – 2 đoạn trong bài văn của mình cho hay hơn.
- Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quý động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài 2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS và nhận xét chung. - Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu. - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. 3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học	- HS lắng nghe - HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình. - HS thực hiện. - HS chia sẻ. - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và Nghe (Kể chuyện): ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nghe hiểu câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng; kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời GV kể).
- Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong bài đọc.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, mạnh dạn, dũng cảm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, video câu chuyện *Đôi cánh của ngựa trắng*.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu ghi bài <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p><i>a, Nghe kể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kể câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. <p><i>b, Kể chuyện</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát tranh minh họa SGK. - Yêu cầu HS làm việc nhóm bốn: Lần lượt từng HS kể từng đoạn theo nội dung mỗi bức tranh, kể toàn bộ câu chuyện, HS trong nhóm góp ý, nhận xét. - GV động viên khen ngợi những nhóm HS nhớ và kể lại được nội dung câu chuyện bằng lời của mình, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... - GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. <p><i>c, Nêu ý nghĩa câu chuyện</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS suy nghĩ nêu ý nghĩa câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - 2 HS đọc yêu cầu BT2. - HS thực hiện. - Đại diện các nhóm trình bày. - HS thực hiện, chia sẻ.

<p>- GV nhận xét, bổ sung, kết luận: <i>Phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân, đi đó đi đây để mở rộng tầm hiểu biết mới mau khôn lớn, vững vàng để thực hiện được ước mơ của mình.</i></p>	
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p>	<p>- 2 HS nhắc lại ý nghĩa.</p>
<p>- Yêu cầu HS trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. - Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ. - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS ôn lại Bài 30 và đọc trước Bài 31.</p>	<p>- HS thực hiện. - HS thực hiện.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 17

Tiếng Việt

ĐỌC: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Nếu chúng mình có phép lạ*.
- Nhận biết được ước mơ của bạn nhỏ khi “có phép lạ”. Hiểu được những mong ước của tác giả về thế giới thông qua bài thơ.
- Biết đọc diễn cảm những từ ngữ thể hiện cảm xúc, ước mơ của bạn nhỏ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: Biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát tranh, nêu nội dung tranh (Tranh trong SGK) - GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi: Nếu có một phép lạ, em muốn dùng phép lạ đó để làm gì? - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>phép lạ, nảy mầm, ngọt lành, người lớn,...</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc, mơ ước của bạn nhỏ. Đặc biệt là câu đầu mỗi khổ thơ được lặp lại nhiều lần. - Cho HS luyện đọc theo nhóm 4. - Yêu cầu 1 đến 2 cặp đọc trước lớp. HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương HS. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: <i>Nếu có phép lạ, các bạn nhỏ ước những điều gì?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: Theo em, hai điều ước “không còn mùa đông” và “trái bom hóa thành trái ngon” có ý nghĩa gì? - Yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi: Em thích ước mơ nào trong bài thơ? Vì sao? - <i>Việc lặp lại hai lần câu thơ “Nếu chúng mình có phép lạ trong bài tjoew nói lên điều gì?</i> - Yêu cầu HS từ câu hỏi trên cho biết bài thơ muốn nói với em điều gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, lắng nghe. - HS chia sẻ - HS đọc - <i>Bài chia làm 4 đoạn, mỗi khổ là 1 đoạn (Đoạn 4 gồm 2 khổ cuối)</i> - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS đọc. HS khác nhận xét bạn đọc. - HS lắng nghe. - HS trả lời - HS thảo luận, chia sẻ - HS trả lời. - HS trả lời - HS trả lời.
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận, khen ngợi HS 	
3. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Ước mơ của em sau này là gì? - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được sự khác biệt giữa danh từ, động từ, tính từ.
- Biết sử dụng danh từ, động từ, tính từ đúng ngữ cảnh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Danh từ là gì? Động từ là gì? Tính từ là gì? Lấy ví dụ minh họa - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời
2. Luyện tập, thực hành: <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS trả lời (<i>Tìm các từ không</i>

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu thảo luận nhóm 2, hoàn thành bài tập. - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu - GV cùng HS nhận xét, kết luận: + Nhóm danh từ: Từ không cùng loại là “biến” (Vì là động từ) + Nhóm động từ: Từ không cùng loại là “quả” (Vì là danh từ) + Nhóm tính từ: Từ không cùng loại là “bom” (Vì là danh từ) 	<p><i>cùng nhóm với các từ cùng loại)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và thống nhất đáp án - HS trả lời
<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS đọc lại hai đoạn văn 1 lần - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS đọc lại đoạn văn. - HS trả lời (<i>Từ thay thế cho bông hoa lần lượt là đông đúc, sung túc, quây quần ở đoạn a. Từ trú mưa, tạnh, chảy ở đoạn b)</i> - HS lắng nghe
<p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p> <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS phát biểu về chủ đề mình chọn để viết đoạn văn có sử dụng các từ trong SGK. - GV yêu cầu HS viết bài vào vở. - Tổ chức cho HS đọc đoạn văn và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS có đoạn văn hay, sáng tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS chia sẻ - HS viết đoạn văn vào vở - HS thực hiện
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đặt 1 câu có sử dụng một tính từ hoặc động từ ở bài tập 2 - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU VỀ CÁCH VIẾT THƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết cấu trúc, nội dung của một bức thư.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm trong khi viết thư.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Những bức thư thường dùng để làm gì? Bây giờ người ta có còn cần phải viết thư không? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 2. Luyện tập, thực hành: Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho 1-2 HS đọc bức thư đã cho và yêu cầu bài tập ở bên dưới. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi của bài tập. - GV yêu cầu 1-2 nhóm chia sẻ. Các nhóm còn lại nhận xét. - GV nhận xét, đưa ra kết luận: <ul style="list-style-type: none"> a. Bức thư của Linh gửi cho Phương. Dựa vào lời chào ở đầu và cuối bức thư. b. Bức thư gồm 3 phần: <ul style="list-style-type: none"> + Phần mở đầu gồm: Thời gian, địa điểm, lời chào. + Phần nội dung: Hỏi thăm bạn Việt Phương, kể về chuyến đi chơi công viên Thủ Lệ của gia đình mình, ước mơ và cách bạn sẽ làm để thực hiện ước mơ của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời - HS đọc. - HS thảo luận, trả lời. - HS chia sẻ. - HS lắng nghe.

+ Phần kết thúc: hỏi về ước mơ của bạn, chúc và chào cuối thư.

- GV hỏi: Một bức thư có cấu trúc mấy phần?

- GV rút ra ghi nhớ.

Bài 2

- GV cho 1 HS đọc yêu cầu đề bài và gợi ý SGK.

- GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm 4 nội dung bức thư.

- GV yêu cầu 2-3 nhóm chia sẻ. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

- GV động viên, khen ngợi HS có ý sáng tạo, lời hỏi thăm tình cảm, chân thành tới người nhận thư.

- GV dặn dò HS ghi lại những ý mình đã nói trong tiết học để tiết sau thực hành viết.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- GV yêu cầu HS viết 3-4 về tình cảm của em với người thân hoặc bạn bè.

- GV yêu cầu 1-2 HS trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

- HS trả lời tự do.

- 1-2 HS đọc lại ghi nhớ.

- HS đọc yêu cầu bài và gợi ý SGK

- HS thảo luận, trao đổi thông tin.

- HS chia sẻ.

- HS lắng nghe.

- HS tự ghi chép.

- HS lắng nghe, thực hiện

- HS trình bày

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt Độc: ANH BA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Anh Ba*.

- Hiểu được nội dung bài: Nói lên ý chí, sự quyết tâm, lòng hăng hái của Bác Hồ khi tìm đường cứu nước.

- Biết đọc diễn cảm lời dẫn truyện và lời của các nhân vật trong câu chuyện.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài <i>Nếu chúng mình có phép lạ</i> nối tiếp theo đoạn. - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Vì sao các bạn nhỏ lại ước “hóa trái bom thành trái ngon” - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. <p>2. Hình thành kiến thức:</p> <p><i>a. Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (<i>Máy nước, lấy đâu ra, phiêu lưu</i>) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: <i>Sau này, anh Lê mới biết/ người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy/ đã đi khắp năm châu bốn biển/ để tìm ra con đường cứu nước, cứu dân.</i> + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật. VD: <i>Tất nhiên là có chứ!; Nhưng bạn ơi! Chúng ta lấy tiền đâu mà đi?; Đây, tiền đây!...</i> - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. <p><i>b. Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 trao đổi về câu hỏi số 1: Trước khi đề nghị 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - HS lắng nghe - HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến <i>Anh thấy rất lạ</i> Đoạn 2: Tiếp đến <i>Anh đi cùng với tôi chứ?</i> Đoạn 3: Còn lại - HS đọc nối tiếp - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS thảo luận và chia sẻ (<i>Anh Lê, anh có yêu nước không?; Anh</i>

<p>anh Lê ra nước ngoài với mình, anh Ba đã hỏi anh Lê những gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Tại sao anh Ba lại hỏi anh Lê như vậy?</p> <p>- GV yêu cầu HS trả lời cá nhân: Những câu nói nào cho biết mục đích ra nước ngoài của anh Ba?</p> <p>- Yêu cầu thảo luận theo cặp: <i>Câu nói “Chúng ta làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”</i></p> <p>- Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện này?</p> <p>- GV chốt: Qua câu chuyện này, tác giả muốn nói: Để làm việc lớn, phải có ý chí và lòng quyết tâm; Để tìm được con đường cứu nước, cứu dân, trước hết phải yêu nước, thương dân, sau đó là cần có nhiệt huyết, ý chí và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn gian khổ.</p> <p>- Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>- GV kết luận, khen ngợi HS</p> <p>3. Luyện tập, thực hành:</p> <p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm, phân vai đọc giọng nhân vật.</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>4. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Yêu cầu hoạt động nhóm 4: Tìm các danh từ riêng trong câu chuyện Anh Ba. Tìm từ có nghĩa giống với từ hăng hái, can đảm, đặt câu với từ vừa tìm được</p> <p>- GV cùng HS nhận xét và sửa câu.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p><i>có thể giữ bí mật không?)</i></p> <p>- HS trả lời tự do.</p> <p>- HS trả lời: <i>Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem Pháp và các nước khác. Sau khi em xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.</i></p> <p>- HS thảo luận và chia sẻ: <i>Thể hiện lòng hăng hái, tinh thần quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để tìm ra được con đường cứu dân, cứu nước của anh Ba</i></p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS chia sẻ</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thảo luận và chia sẻ: + Danh từ riêng: (anh) Ba, (anh) Lê, Bác Hồ, Sài Gòn. Pháp. + Nhiệt tình, dũng cảm. HS tự đặt câu</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Viết: VIẾT THƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được một bức thư gửi người thân và bạn bè ở xa
- Biết chỉnh sửa từ ngữ, đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại cấu trúc của bức thư. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS viết thư dựa vào phần ghi chép nội dung ở bài tập 2 tiết trước. - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa. - GV yêu cầu 1-2 HS đọc thư của mình. HS khác nhận xét. - GV nhận xét lỗi của cả lớp. - GV nhận xét bài một vài HS, sửa lỗi, tuyên dương HS. HS khác tự sửa lỗi tương tự 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bài vào vở. - HS soát lỗi và sửa lỗi. - HS trình bày, nhận xét. - HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về bức thư mà em đã viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Độc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được những câu chuyện kể về ước mơ
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: Các câu chuyện sưu tầm có nội dung về ước mơ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: 2. Luyện tập, thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV giải thích cho HS hiểu: Ước mơ là gì? (Ước mơ là những tưởng tượng, hy vọng và khát khao của con người về một điều gì đó mà họ mong muốn trong tương lai) - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những câu chuyện về ước mơ và ý nghĩa của các câu chuyện đó. (VD: Đó là ước mơ như thế nào? Ước đó có ý nghĩa gì đối với em?..) - GV động viên, khen ngợi HS 3. Vận dụng, trải nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS đọc - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS lắng nghe - HS thực hiện

những ước mơ của các nhân vật trong các câu chuyện các em được nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 18

Tiếng Việt

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng đọc diễn cảm một câu chuyện, bài thơ đã học trong học kì I, tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ. Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

- Nắm được nội dung chính của các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản trên cơ sở suy luận từ các chi tiết trong văn bản.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV yêu cầu HS kể cho nhau nghe về ước mơ của mình... - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài 2. Hoạt động ôn tập 2.1 Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu. a. Xếp tên các bài đọc trên những chiếc khinh khí cầu vào hai chủ điểm Niềm vui sáng tạo và Chắp cánh ước mơ. – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.	- HS thảo luận nhóm đôi - HS chia sẻ - HS Hoạt động nhóm – Đại diện một số cặp hoặc nhóm trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. <i>Đáp án: Các bài đọc Đồng cỏ nở</i>

- GV gọi 1 – 2 HS đọc những dòng chữ trên những chiếc khinh khí cầu. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV cho HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, tìm câu trả lời.
- Gọi HS chia sẻ
- b .Kể tên những bài đọc chưa được nhắc đến trong hai chủ điểm trên.

GV nhận xét tuyên dương

2.2 Đọc 1 bài trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.

- Bài đọc thuộc chủ điểm nào?
- Nội dung chính của bài đọc đó là gì?
- Nhân vật hoặc chi tiết nào trong bài để lại cho em ấn tượng sâu sắc?
- GV gọi đại diện các nhóm trình bày.

2.3. Tìm từ để hoàn thiện sơ đồ và đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.

- GV có thể tổ chức thực hiện bài tập dưới hình thức thi hoàn thiện sơ đồ: tổ chức lớp thành 3 hoặc 4 đội, mỗi đội hội ý tìm nhanh 2 tỉnh từ chỉ màu sắc, 2 tỉnh từ chỉ âm thanh, 2 tỉnh từ chỉ hương vị, 2 tỉnh từ chỉ hình dáng trong thời gian giới hạn (tùy GV ấn định khoảng thời gian).
- GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. Nhóm nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ được khen.
- GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận, khen ngợi những câu đúng và hay.

3. Vận dụng, trải nghiệm:

- Đọc thuộc lòng 1 bài em đã được học ?

hoa, Bầu trời mùa thu, Bức tường có nhiều phép lạ thuộc chủ điểm Niềm vui sáng tạo và các bài đọc Nếu em có một khu vườn, Ở Vương quốc Tương Lai, Anh Ba thuộc chủ điểm Chắp cánh ước mơ.

- HS làm việc cá nhân, nhớ lại những bài đã học để tìm câu trả lời.
- HS trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

Đáp án: Những bài đọc chưa được nhắc đến trong hai chủ điểm trên là Vẽ màu, Thanh âm của mùi, Làm thơ con bằng giấy, Bét-tô-ven và bản xô-nát “Ánh trăng”, Người tìm đường lên các vì sao, Bay cùng ước mơ, Bốn mùa mơ ước, Cảnh chim nhỏ, Con trai người làm vườn, Nếu chúng mình có phép lạ.

- HS làm việc nhóm đôi, mỗi nhóm luân phiên hỏi và trả lời về 1 bài đọc.

- HS trả lời – HS nhận xét

- HS quan sát kĩ sơ đồ tư duy về tính từ và các nhánh về màu sắc, âm thanh, hương vị, hình dáng.
- Các nhóm viết kết quả vào giấy.

- Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe và nhận xét kết quả của nhóm bạn.

- HS đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.

-Thi đọc hay 1 đoạn trong bài học thuộc lòng.	- 2, 3 HS đọc
---	---------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng đọc diễn cảm một câu chuyện, bài thơ đã học trong học kì I, tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ. Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

- Nắm được nội dung chính của các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản trên cơ sở suy luận từ các chi tiết trong văn bản.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS hát ngâm thơ... - GV gọi HS chia sẻ - GV giới thiệu - ghi bài	- HS hát, ngâm thơ...
2. Hoạt động ôn tập 2.4. Xếp những từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp. – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập. – GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. + Danh từ danh từ riêng (Bà Dương Nội), danh từ chung (gió, buổi chiều, sân đình, làng). + Động từ: động từ chỉ hoạt động (tổ	1 – 2 HS đọc các từ in đậm và tên các nhóm - HS làm việc cá nhân, xếp các từ in đậm vào các nhóm, nếu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án. - Đại diện 2 – 3 nhóm nêu kết quả.

<p>chức, bay, ngắm, trao), động từ chỉ trạng thái (ngất ngây).</p> <p>+ Tính từ. Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật (rực rỡ, cao), tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động (cao, xa). (Lưu ý: Cùng từ “cao”, nhưng trong câu này là tính từ chỉ đặc điểm của sự vật, trong câu khác lại có thể là tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động, vì vậy, thực chất sự phân biệt này thuộc về cách dùng, chứ không phải là vấn đề từ loại.)</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương</p> <p>2.5. Tìm vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong các đoạn và cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.</p> <p>- GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng,</p> <p>2.6. Đặt câu về nội dung tranh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.</p> <p>– GV hướng dẫn cách thực hiện.</p> <p>– GV và cả lớp nhận xét, đánh giá</p> <p>– GV khen ngợi, khích lệ những HS đặt được câu hay về nội dung bức tranh.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <p>- Danh từ là gì?</p> <p>- Tính từ là gì?</p>	<p>-1 HS đọc các cách nhân hoá.</p> <p>- 2 HS, mỗi em đọc 1 đoạn văn hoặc thơ ở bài tập 5, các HS khác đọc thầm theo.</p> <p>- HS làm việc nhóm, thảo luận để xác định sự vật được nhân hoá và cách nhân hoá. – Đại diện các nhóm nêu kết quả của nhóm mình.</p> <p>-1 HS nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>- HS làm việc nhóm, quan sát bức tranh rồi đặt câu về nội dung bức tranh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá (Gợi ý: Bức tranh có những con vật này? Những con vật ấy đang làm gì? Trông chúng như thế nào?...).</p> <p>- Một số HS đặt câu trước lớp.</p> <p>- HS trả lời</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được nội dung chính của các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản trên cơ sở suy luận từ các chi tiết trong văn bản.
- Củng cố kĩ năng viết một số kiểu đoạn văn, bài văn đã học trong học kì I (đoạn văn ngắn dưới sự hướng dẫn các bước thực hiện một công việc)

* Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Động từ là gì? Đặt 1 câu có sử dụng 1 động từ chỉ hoạt động. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>2.1: Đọc thuộc lòng 1 trong 3 bài thơ và trả lời câu hỏi : Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS gấp phiếu chuẩn bị 2 phút và đọc theo phiếu. - GV khích lệ , tuyên dương <p>2. 2: Các vật và hiện tượng tự nhiên nào dưới đây được nhân hoá? Em thích hình ảnh nhân hoá nào nhất? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. - GV hướng dẫn HS trả lời ý tiếp theo <p>Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, HS thích hình ảnh nào là hoàn toàn phụ thuộc vào cảm nhận cá nhân của mỗi em. GV khích lệ HS thể hiện ý kiến cá nhân và trình bày được lí do vì sao HS thích hình ảnh đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời - HS đọc thầm lại các bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước. - Mỗi HS đọc 1 bài trong số 3 bài thơ trước lớp. Cả lớp lắng nghe và nhận xét. - Trả lời câu hỏi: Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao? - HS nêu - 1 HS đọc đoạn văn a, 1 HS khác đọc đoạn thơ b, các HS khác đọc thầm theo. - HS làm việc nhóm, thảo luận để xác định các vật và hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong đoạn văn và đoạn thơ. - Đại diện các nhóm nêu kết quả. - HS đọc thầm lại đoạn văn, đoạn thơ một lần nữa để cảm nhận cái hay, cái đẹp của các hình ảnh nhân

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 4)

* Năng lực đặc thù:

- Trang 237

* Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <p>- GV hỏi: Dấu chấm hỏi đặt ở cuối câu nào? Nêu ví dụ?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Giới thiệu bài – ghi bài</p> <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>2.4: Chọn dấu câu thích hợp thay cho bông hoa. Nêu tác dụng của các dấu câu đó.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV phát cho mỗi nhóm một phiếu bài tập</p> <p>- GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>- GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. Nhóm nào đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ giành phần thắng.</p> <p>– Trồng cây gây quỹ Đội</p> <p>— Vì màu xanh quê hương</p> <p>– Sạch nhà – sạch lớp - sạch trường</p> <p>– Làm kế hoạch nhỏ,</p> <p>b. Đoàn tàu Hà Nội – Vĩnh khởi hành tại ga Hà Nội lúc 18 giờ hằng ngày.</p> <p>Tác dụng của các dấu câu</p> <p>– Dấu gạch ngang trong đoạn a dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê</p> <p>– Dấu gạch ngang trong đoạn b dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh</p> <p>2.5: Giải ô chữ.</p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu bài.</p> <p>- GV chọn 2 hình thức tổ chức: thi theo nhóm hoặc tổ chức làm chung cả lớp. Dưới đây</p>	<p>- 2-3 HS trả lời</p> <p>- HS đọc thầm đoạn a và câu b.</p> <p>- HS làm việc nhóm 4</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất đáp án</p> <p>- HS chơi theo 2 nhóm, mỗi nhóm</p>

<p>phương án thi theo nhóm.</p> <p>GV làm trọng tài và đọc từng thành ngữ, tục ngữ để các nhóm tìm tiếng còn thiếu (có thể đọc không theo thứ tự).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trong lớp xung phong làm những câu còn lại để giải ô chữ - GV mời 1 HS đọc ô chữ hàng dọc. - GV khen ngợi tuyên dương, động viên các nhóm. <p>2.6. Nghe - viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc đoạn văn trước lớp. - GV nói rõ mục tiêu luyện nghe viết đoạn văn này là để cho HS luyện tập viết danh từ riêng. - Cho HS tìm danh từ riêng và nêu cách viết hoa - GV đọc đoạn văn, đọc chậm từng câu một, mỗi câu đọc 3 – 4 lần, HS viết theo. - GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lỗi và chỉnh sửa. - GV chữa bài, nhận xét. <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách trình bày cách viết đoạn văn? - Chọn viết 1 đoạn văn em thích ở nhà. 	<p>5 HS,</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS đọc: NIỀM VUI KHÁM PHÁ - HS lắng nghe - 1 HS đọc - HS theo dõi. - HS tìm và nêu cách viết - HS viết bài vào vở - HS soát lỗi. - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng viết một số kiểu đoạn văn, bài văn đã học trong học kì I (viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc, đã nghe; viết bài văn ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc, viết bài văn miêu tả con vật, viết đơn hoặc viết thư cho bạn bè, người thân,...).

- Cùng cô kĩ năng nói ngắn gọn về một đề tài phù hợp với chủ điểm đang học, kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ được cảm xúc của mình.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu theo mẫu câu Ai làm gì?, Ai thế nào? nói đặc điểm, hoạt động của con vật - GV nhận xét, dẫn vào bài mới. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <p>2.1. Nói về một con vật có điểm đặc biệt về ngoại hình hoặc hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu sơ đồ gợi ý lên bảng. - GV yêu cầu 1 HS đọc sơ đồ gợi ý, các HS khác đọc thầm theo. - GV gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. - GV và HS cùng góp ý, nhận xét. <p>2.2. Viết lại những điều đã nói ở bài tập 1 thành một đoạn văn</p> <p>GV gợi ý: Sơ đồ gợi ý trong phần luyện nói ở bài tập 1 có thể dùng để viết bài tập này. GV đưa thêm các gợi ý, nếu cần, VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em viết về con vật nào? - Em nuôi con vật ấy hay thấy nó ở đâu? - Vì sao em yêu quý và lựa chọn viết về con vật đó - GV yêu cầu HS dựa vào sơ đồ ở bài tập 1 để viết thành đoạn văn - GV quan sát, giúp đỡ HS <p>2.3. Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS đặt câu chia sẻ trước lớp - HS đọc yêu cầu bài. - HS làm việc cá nhân, lựa chọn con vật mình yêu thích, hình dung bài nói, sắp xếp ý theo sơ đồ đã gợi ý. - HS trình bày trước lớp về đặc điểm hình dáng và hoạt động của con vật. - 2 HS đọc yêu cầu bài - HS lắng nghe. - HS viết bài vào vở

<p>a. Đọc và góp ý cho nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đọc bài của nhau, nêu điều mình muốn góp ý cho bạn và điều mình muốn học tập ở bạn, VD: + Cách viết mở đoạn (cách giới thiệu về con vật và lí do lựa chọn viết về con vật), kết đoạn (cách nêu tình cảm đối với con vật). + Cách tả về điểm đặc biệt của con vật về hình dáng hoặc hoạt động... + Cách dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu <p>b. Chỉnh sửa bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết sau khi các nhóm đôi đã đọc và góp ý cho nhau. - GV mời một số HS đọc lại bài viết của mình. - GV nhận xét, khen ngợi các bài hay, độc đáo,... <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chọn đoạn văn hay cho HS đọc trước lớp - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn mà em viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo cặp, đọc và nhận xét bài của bạn - HS sửa bài - HS đọc bài viết đã sửa trước lớp - Lớp nghe, nhận xét - HS đọc trước lớp - HS lắng nghe.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Kiểm tra đọc theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD&ĐT- Đề KT học kì cấp TH, lớp 4, tập 1, Nhà xuất bản Giáo Dục 2018).

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc; trả lời được câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

- Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS - GV nêu yêu cầu tiết kiểm tra <p>2. Luyện tập thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi miệng). + Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết), <p>A. Đọc thành tiếng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc bài Nhắm mắt lại trước lớp, trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc. <p>Câu 1. Thế giới bao la được nhắc đến trong bài thơ là thế giới gì ?</p> <p>Câu 2. Các bé gái, bé trai và các con vật làm những gì trong thế giới đó ?</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>B. Đọc hiểu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS lắng nghe, theo dõi - HS đọc bài, trả lời câu hỏi theo yêu cầu <p>Câu 1. Thế giới bao la được nhắc đến trong bài thơ là thế giới tưởng tượng của bạn nhỏ.</p> <p>Câu 2. Trong thế giới tưởng tượng đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các bé gái: hoá công chúa kiêu sa + Các bé trai: gọi nhau là hoàng tử + Bầy thủ dữ: ngủ khò trên lá khô + Cá mập: đùa nhảy nhót trên sóng + Ốc sên: có thể hát + Lợn sỏ nhìn chân bay + Dơi: tung tăng cả ngày. + Cá: lên bờ đi bộ

GV nhắc HS các bước thực hiện yêu cầu đọc hiểu.

+ Đọc thầm câu chuyện Hương vị đồng quê.

+ Đọc thầm từng câu hỏi.

+ Đối với mỗi câu hỏi, xem lại câu chuyện để tìm đoạn chứa nội dung trả lời. Đọc thầm đoạn đó, trả lời câu hỏi bằng lời hoặc loại trừ các phương án sai (đối với câu hỏi lựa chọn đáp án).

- GV phát phiếu cho HS

- Yêu cầu HS làm bài

Câu 1. Chi tiết nào thể hiện Nam nhớ thành phố?

Câu 2. Trong câu chuyện, Siêng được miêu tả như thế nào?

Câu 3. Nam đã cùng Siêng làm những việc gì ở Thất Sơn?

Câu 4. Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của Nam khi được làm những việc thú vị đó.

Câu 5. Viết 1 – 2 câu nêu nhận xét về Siêng qua những chi tiết:

- Cười tươi rói khi nhìn Nam mãi mê ăn món cá mình làm.

- Cười hiền khô, không có ý định chọc quê bạn khi bạn không biết về món cá nướng trai.

Câu 6. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện.

Câu 7. Tìm các động từ trong câu: "Nam mãi ăn, đến lúc nhìn lên thấy Siêng đang ngỏ nó, miệng cười tươi rói.

Câu 8. Tìm từ có nghĩa trái ngược với từ nhỏ xíu, hiền khô để thay cho mỗi bông hoa trong câu.

Câu 9. Đặt 2 câu, mỗi câu chứa 1 danh từ trong bài đọc, chỉ con vật, chỉ thời gian.

Câu 10. Các dấu gạch ngang đứng ở đầu dòng trong bài đọc có tác dụng gì?

- GV thu bài.

- HS lắng nghe

- HS nhận phiếu kiểm tra, ghi đầy đủ thông tin

- HS làm bài trên phiếu

Câu 1: C. Kể với bạn về các hoạt động thường làm ở thành phố.

Câu 2: D. Là cậu bé nhỏ xíu, đen đúa, tóc cháy nắng

Câu 3: D. Dùng trứng kiến làm mỗi câu, câu cả, thưởng thức cá nướng.

Câu 4: sung sướng, thích thú,

Câu 5: VD: Siêng là một người bạn chân thành, chất phác, mộc mạc.

- HS viết theo cảm nghĩ

Câu 7: ăn, nhìn, thấy, ngỏ, cười.

Câu 8: VD: Nghe tiếng gầm dữ dội từ xa, thổ lộ hãi hùng trước ra chúa sơn lâm với thân hình to lớn, dũng mãnh sắp xuất

Câu 9: HS đặt câu

Câu 10: đánh dấu lời nói trực tiếp.

- Gv nhận xét giờ học
- Nhắc HS chuẩn bị bài kiểm tra viết

.....

.....

.....

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 7)

- * **Năng lực đặc thù:**
 - Kiểm tra (viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng cuối HKI: Viết được bài văn miêu tả một đồ dùng học tập của em.
- * **Năng lực chung:** năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
- * **Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc chuẩn bị giấy, ĐDHT của hs. - Nêu mục tiêu, yêu cầu giờ học <p>2. Luyện tập, thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chép đề bài lên bảng - GV hướng dẫn HS: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc thầm cả 2 đề + Lựa chọn một đề phù hợp với năng lực của bản thân. + Thực hành viết bài. - GV thu bài <p>3. Vận dụng, trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dẫn HS chuẩn bị sách học kì II. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS theo dõi, đọc đề bài, lựa chọn đề bài để viết. - HS viết bài

.....

.....

.....

